

415

*Vấn đề mẫu giáo nhân
dịp khai trường * Tai
họa Minamata * Phong
trào nói Thơ miền Nam * Cải
lương trên chiến tuyến văn hóa
* Ivan Illich và học đường
* Ivan và Y khoa * Trần văn
Khê và Cổ nhạc * Văn Bút Việt
Nam và quyền tự do cầm bút.*



BACH KHOA

G I A I P H A M

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 90đ.	— Âu-châu, Bắc Phi	
— Ai-lao	: 90đ.	Trung Đông Đại-dương-châu	
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 140đ.	Úc, Tân-Tây-Lan v.v...	: 265đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 190đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan Đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

O* :

ĐOÀN NHẬT TẤN <i>nhân dịp khai trường niên khóa mới, bàn về vấn đề Mẫu giáo ở nước ta</i>	05
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>chúng ta sống trong một thế giới nguy hiểm : Tai họa Minamata</i>	16
NGUYỄN VĂN HẦU <i>Thơ trong phong trào nói Thơ miền Nam với một số tác phẩm mang tính chất đối kháng</i>	23
PHẠM LONG ĐIỀN <i>Cải lương, một khúc quanh hệ trọng trên chiến tuyến văn hóa</i>	29
TRẦN TRUNG LƯƠNG <i>Ivan D. Illich và chủ trương « Hủy bỏ học đường »</i>	39
TRẦN VĂN TÍCH <i>Ivan Illich và Y-khoa</i>	47
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	55
LUÂN HOÁN <i>đêm mưa về Hội - An (thơ)</i>	59
TRẦN CỎ SƯƠNG <i>trên đường về Miền Tây (thơ)</i>	60
NGUYỄN XUÂN QUANG <i>cánh tay đã lìa (truyện)</i>	61
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vết rạn trên da đá (truyện)</i>	65
THẾ NHÂN <i>những buổi nói chuyện của Giáo sư nhạc học Trần Văn Khê</i>	74
SINH HOẠT	
THU THỦY <i>Văn bút và quyền tự do của người cầm bút</i>	83
VĂN THANH <i>trình bày bìa (Hình ảnh của Nguyễn Ngọc Lương : Ruộng muối Bình-Định)</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 15-9-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Sử liệu Phù Nam** do Lê Hương biên soạn do Nguyễn Nhiều xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày trên 180 trang trình bày những sử liệu chứng minh sự có mặt của Vương quốc Phù Nam từ thế kỷ 12 trước Dương lịch đến cuối thế kỷ thứ 6, biên soạn công phu, với nhiều hình ảnh. Có niên biểu các triều đại: Trung hoa, Việt nam, Phù nam, Chiêm thành từ Thượng cổ đến thế kỷ thứ 7. Giá 540đ.

— **Con người kỹ thuật**, nguyên tác « *Technological Man* »: *The Myth and the Reality* của Vitor C. Ferkiss, bản dịch Việt văn của Vũ qui Kỳ căn cứ vào cuốn phỏng lược do Joseph P. Kane biên soạn theo nguyên tác, Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 212 trang xác định hướng đi của con người hầu có thể đối phó với những thách đố mới do biến chuyển kỹ thuật gây ra cho trật tự xã hội. Giá 400đ.

— **Vòng ngày tháng** (cách làm lịch xưa và nay) nguyên tác: *The Circle of Days: Measurement of Time* của Keith Gordon Irwin, bản dịch Việt văn của Nguyễn Qui Bằng, do Hiện Đại thư xã xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang trình bày quá trình thành lập các cuốn lịch, từ Cờ Ai Cập qua các triều đại La-Mã đến thời hiện tại. Giá 200đ.

— **Khi em hai mươi truyện dài** của Hải Sơn do Thiên Hương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 286, trang, Đình Tiến Luyện trình bày bìa, ấn loát đẹp. Bản đặc biệt. Giá 800đ.

— **Đốt lửa truyện dài** của Triều Linh, do tác giả gửi tặng. Tác phẩm chưa in, dày 124 trang quay ronéo dưới hình thức bản thảo dành riêng cho tác giả và một số thân hữu hạn chế.

— **Một lần ghé lại tập thơ** của nhiều tác giả: Nguyễn thị Hào, Mặc Ngự, Trần Như Lộc, Văn Diễm, Nguyễn Sơn Hà, Chí Tử, Lê Thanh Liêm, Xuân Hữu, Nguyễn Iên Nam, Trần Hữu Nghiễm do Nhập Cuộc xuất bản và gửi tặng. Giá 100đ.

— **Ba trăm năm thăng trầm** của chùa Thiên Mục, của Hồng Hoài do Xuân Hữu xuất bản và gửi tặng. Sách dày 20 trang. Giá 100đ.

— **Hải Triều Âm số 7** tháng 9-10-11/74 Số Vu Lan Giáp Dần, do T.T. Thích Mãn Giác làm Chủ nhiệm và Chủ bút. Mỗi số dày 176 trang gồm những bài biên khảo của Thích Mãn Giác, Thích Tiêu Phong, Thạch Trung Giã, Hoàng Văn Giàu, Phạm Thế Mỹ, Lê Tôn Nghiễm, Trần Ngọc Ninh. Giá 400đ.

Sách Con Đường

Bách Khoa trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Con Đường Cần Thơ, do Nguyễn Cao Nguyên chủ trương, đã gửi tặng những sách sau đây thuộc loại « Chân trời văn nghệ » mỗi cuốn dày từ 10 đến 20 trang, in ronéo 100 tập, phổ biến thân hữu :

— **Lục Bát Hoàng Anh Tuấn** (ấn bản thứ 14)

— **Tiểu thuyết và điện ảnh** của Văn Quang (ấn bản thứ 15)

— **Các khuynh hướng mới** của hội họa V.N. hiện đại của Tạ Tỵ (ấn bản thứ 16)

— **Thơ Bùi Đức Long.**

● ĐOÀN NHẬT TẤN

*Nhân dịp khai trường
thư bàn về:*

Vấn-đề Mẫu-giáo ở nước ta

Trong mỗi gia đình chúng ta, luôn luôn có hay ít ra cũng sắp có hay đã có một đứa con, đứa em hoặc đứa cháu bốn năm tuổi đang cần được nhận vào lớp mẫu-giáo trước ngưỡng cửa Tiểu-học. Trong khi đó số lớp mẫu-giáo chính thức do chính-phủ mở ở các trường công-lập lại quá ít, hầu như không có. Như thế, thì áp lực sĩ-số ở đó đáng lẽ phải gấp trăm, nghìn lần áp-lực của số các cô cậu Tú tân khoa năm nay trước ngưỡng cửa Đại-học công. Vậy mà lạ thay, từ bao giờ rồi, cả phụ-huynh lẫn chính-phủ chẳng ai bận tâm lắm đến vấn đề này. Tại sao? Phải chăng vì một áp lực, một khủng-hoảng mà thường trực thì tự nó đã được người ta quen chịu đựng, mạnh ai nấy lo, đến nỗi không còn ai cảm thấy có nó nữa, hoặc là các em bé-bông ấy chưa biết bắt mẫm, phản đối, xuống đường... như các anh lớn thì vấn đề chẳng cần chính-phủ phải biết tới làm gì? Hay vì dù không chỗ học các em cũng chưa phải đi lính nên phụ huynh ta cũng chẳng có gì lo ngại?

Thật vậy, từ thời Pháp-thuộc các trường Pháp-Việt đã không hề có lớp Mẫu-giáo; cho đến bây giờ, hệ-thống giáo-dục có qui-thức của ta cũng chỉ gồm có Tiểu-học, Trung-học và Đại-học. Mẫu-giáo thuộc về tiền-học-đường. Danh từ "Mẫu-giáo" là một danh từ mới trong ngữ-vựng giáo dục Việt-nam, được dịch từ chữ *classe maternelle* của Pháp (1). Chương trình Tiểu-học của Bộ Giáo dục ta không có phần dành cho lớp mẫu-giáo đã dành mà tất cả các môn học ở lớp Một (lớp Năm, lớp Đồng ấu cũ) cũng bắt đầu từ một trình-độ chưa hề học đọc, học viết hay tính toán gì hết. Thế thì, trên thực tế, hàng năm, số đông đảo những em nhỏ đã đủ sáu tuổi được các trường tiểu học thu nhận vào lớp

Một, phần lớn biết đọc biết viết cả rồi, đã được dạy dỗ ở đâu? Ai dạy?

Nếu bạn đặt câu hỏi này với một giới-chức có trách-nhiệm ở địa-phương thì theo đúng thể-thức hiện hành, họ sẽ trả lời cho bạn rằng: Không có, chưa hề có những lớp học nào, những ai được phép mở lớp dạy các em dưới sáu tuổi này. Hiện nay ở địa-phương, nếu bạn muốn xin mở một lớp tư-thực để dạy lứa trẻ này thì bạn phải lập hồ-sơ xin mở một trường sơ-cấp tư, nghĩa là một trường gồm các lớp 1,2,3 ở đó bạn sẽ thu nhận các em dưới sáu tuổi một cách trái phép vì

(1) Người Mỹ dùng chữ Kindergarten (có nghĩa là vườn trẻ) của Froebel cho hợp với một quan niệm vui tươi, phóng khoáng hơn về khung cảnh giáo dục này.

muốn vào lớp 1, trẻ phải có tối thiểu 6 tuổi! Nhưng trên thực-tế thì tình trạng này xưa nay đã được thả nổi và từ thuở nào đến giờ con em bé nhỏ của chúng ta đã được dạy dỗ trong những điều kiện phi-pháp vô thừa nhận như vậy, ngoài trách nhiệm của các cơ quan giáo-dục địa-phương! Lớp học phần nhiều là thiếu vệ-sinh, chật-chội, bàn ghế tạm bợ, giáo-chức không phải qua một lớp huấn-luyện nào, phần đông vì không biết làm nghề gì khác. Họ thu nhận những em từ 4 đến 5 tuổi, mục-tiêu của họ chỉ hạn hẹp ở việc dạy văn để chuẩn-bị cho trẻ vào lớp 1 trường công. Có những em học với họ hai ba năm mới đến tuổi vào tiểu-học, có em học thực sự, có em ngồi chơi coi người ta học. Loại lớp này xuất hiện khắp nơi, từ các xóm chật hẹp ở phố phường đến hang cùng ngõ hẻm ở thôn quê và được các tầng lớp đồng bào hưởng ứng mạnh mẽ vì đáp ứng được nhu cầu họ, linh động theo được hoàn cảnh họ.

Gia-đình Việt-nam ta thường đồng con, khi có đứa nào được bốn năm tuổi rồi mà để ở nhà thì không giúp ích gì cho ai mà còn sinh ra nghịch-ngợm, chọc gheo nhau cả ngày. Họ cho nó đến trường để học được chữ nào thì được, cốt là nhờ khéo thầy giáo giữ con cho mình, một lối học « tài-tử » như vậy thì chỉ có những lớp tư là thích-hợp hơn cả, không cần đơn từ gì, các em được tự do, muốn đi thì đi, muốn ở nhà thì ở, tùy cha mẹ. Ngày nào mưa lớn nắng

to thì không cho đi, không cần phải xin phép, có đứa đến trẻ muộn cũng không bị thầy giáo làm khó dễ, có đứa thích học thì chóng biết, có đứa ham chơi thì cũng không sao vì chúng không phải ngồi theo lớp để đua đòi với 4, 5 chục em khác như ở trường công. Các em còn quá nhỏ nên cha mẹ cũng ngại cho đi xa, ở thành-phố thì sợ xe cộ, ở thôn quê thì sợ sông suối, nên có một lớp mở gần nhà thì thật tiện cho họ. Ở lớp tư thì thầy giáo thường linh-động và tận tâm chịu ý phụ-huynh hơn nên không chóng thì chầy các em cũng biết đọc biết viết sau một thời-gian từ 5, 3 tháng đến vài năm. Khi các em đã đi xa được, dạn dĩ với bạn bè thì ít nhất chúng cũng đã biết đọc biết viết cả rồi. Đó là tất cả cái thực tại xảy ra từ ngày có trẻ con đi học ở đất nước này.

Những khó-khăn của vấn đề

Nêu lên thực-trạng như trên mà nhà chức-trách địa-phương lâu nay đã không thừa nhận mà cũng không cấm đoán, chỉ là đề nhắc nhở rằng chúng ta đang có một vấn-đề rộng lớn đang chờ được giải quyết, còn nghiêm-trọng bội phần hơn là việc mở Đại-học hiện nay vì nó liên-hệ đến quá nhiều người, vì nó xảy ra ngay ở buổi-đầu của đời người để quyết-định vận-mạng tương lai của đất nước; chứ không hề có chuyện đề-nghị phải mở hàng vạn lớp mẫu-giáo công-lập để đáp ứng cho đủ nhu cầu. Bởi vì, trong tình trạng ấy, nếu chính-phủ có mở ra cho thật nhiều lớp mẫu-giáo đi nữa cũng không

làm sao dung nạp cho hết sĩ-số, không thể mở được khắp nơi để gần mọi gia-đình và có một kỷ-luật để dãi khả dĩ cạnh tranh được với những lớp tư theo kiểu nói trên. Hơn nữa ở gia-đình, bà con ta thường hể trẻ lớn lên độ nào, thấy nó trở nên nghịch-ngợm lúc nào là cho nó đi học lúc ấy, không chờ được đến một ngày khai-giảng hàng năm nào cả. Có lẽ đồng bào ta nghĩ họ có để chúng nó ra cùng một ngày cả đâu, đứa nào lớn trước thì cho đi học trước, cũng còn tùy hoàn-cảnh tùy trình-độ và sở-thích của chúng nữa, chứ tại sao lại có một ngày nhập học mỗi năm cho tất cả mọi người như ở các trường công ?

Trước 1962, ở trường Quốc-gia Sư-phạm Sài-gòn có mở ban Mẫu-giáo lấy 50 giáo-sinh đậu Trung-học đệ-nhất-cấp huấn-luyện một năm để làm giáo-viên mẫu-giáo, nhưng phần đông số này được bổ dạy Tiểu-học, một số ít lớp mẫu-giáo công-lập mở lúc ấy cũng bị giảm dần. Đến năm 1973, ở các trường Sư-phạm lớn mới thấy có tuyển trên toàn-quốc 200 giáo-sinh Tú-tài II để học 2 năm ra dạy mẫu-giáo, còn một năm nữa họ sẽ tốt nghiệp. Năm nay (1974), các trường này vừa tuyển 250 giáo-sinh ban mẫu-giáo nữa.

Không biết rồi đây, khi mà các giáo-sinh này tốt nghiệp họ cũng chỉ dạy quanh-quất ở thành thị hay có đủ số để về tận thôn-quê ; mà dù lớp mẫu-giáo được mở ở đâu thì nó cũng chỉ thu nhận được số con em đông bào lối xóm và số con em

những nhà quyền-thế hay giàu-có có xe đưa rước mà thôi vì các em còn quá nhỏ. Bởi đó mà dù muốn dù không những lớp mẫu-giáo công-lập trang-bị đầy đủ cũng chỉ phục-vụ được cho một thiểu-số thường là hạng khá-giá. Chếnh lệnh xã-hội này càng được tô đậm thêm khi mà chính-phủ lại tuyển những giáo-sinh có Tú-tài vào học hai năm nghĩa là đến trình-độ tương-đương Đại-học một trình-độ nhân-sự lý-tưởng thì hẳn công quỹ phải đài thọ nặng-nề mà chỉ có lợi cho một thiểu-số.

Xây dựng một nền Mẫu-giáo Việt-nam

Trước những khó-khăn này, có hai vấn-đề cần được bàn lại.

Thứ nhất là việc nâng cao trình-độ giáo chức mẫu-giáo lên tương đương với Đại-học. Ở một nước nghèo như nước ta mà phải đậu Tú-tài học hai năm nữa mới dạy được mẫu-giáo thì chưa thích đáng lắm. Đã có một lập-luận biện-hộ cho việc này là: khi chữa bệnh cho người lớn hay cho trẻ con thì cả hai đều cần có thầy thuốc trình-độ bác-sĩ như nhau thì tại sao khi dạy học trẻ con không được những vị giáo sư có học lực cao chăm sóc như những học-sinh, sinh-viên lớn tuổi ?

So sánh thể-chất với tinh thần là chuyện người ta thường thấy, nhưng so-sánh không bao giờ có thể là một luận cứ ; huống chi sao lại đem so sánh một tình-trạng bình thường của tinh thần với tình-trạng bệnh hoạn của thể-chất ? Nếu là những

em có thể-chất bình thường như cái tinh-thần bình thường của các em học mẫu-giáo với chúng ta thì người ta cũng chỉ cần những vú bô chẳng học hành gì để sẵn sóc chúng. Còn đến khi chúng bị bệnh về tinh thần, bệnh thần kinh thì cũng phải những bác-sĩ chuyên-môn mới chữa trị được. Lại nữa dù ở trường-học bệnh hoạn thì cũng còn có y-tá, cán-sự y-khoa lo cho chúng hàng ngày chứ không phải chỉ có bác-sĩ. Montessori, Decroly vốn là những bác-sĩ thần-kinh, đã đem những kinh-nghiệm trị bệnh của mình mà suy ra những nguyên-tắc áp-dụng vào giáo-dục trẻ bình thường; điều đó không có nghĩa là cái đảo-đề cũng đúng để đòi hỏi phải có đại-học mới dạy được trẻ bình thường của chúng ta.

Thế nhưng nói như trên thì không phải là phủ nhận vai trò của những giáo-chức có học cao trong ngành mẫu-giáo. Họ phải được huấn-luyện thế nào để có thể đem cái sở học của mình phát huy được nghề-nghiệp. Nếu rồi ra họ cũng chỉ biết dạy như các « thầy giáo a, b, c », lâu nay, thì dù lối dạy có chút nào mới mẻ đi nữa, người ta cũng chỉ coi họ như hạng thầy giáo ấy và dân chúng sẽ thắc mắc tại sao cũng chỉ làm được việc đó mà phải đậu đến tú-tài hay đại-học. Vì vậy họ phải còn có khả-năng và nhiệm-vụ làm được một cái gì khác hơn, cao hơn, ngoài công việc dạy học nữa.

Phải nhận rằng nền mẫu-giáo của ta nay còn quá mới. Thời nho-học thì các cụ chỉ có cái « Đại-học chỉ

đạo ». Qua thời Pháp thuộc cho đến bây giờ chúng ta chưa có một kinh-nghiệm nào tự chính chúng ta để có sắc thái một nếp dạy hoàn toàn của người Việt. Đó là một thiếu sót lớn bởi vì trong các cấp học thì Mẫu-giáo là nơi người học-sinh còn sống trọn vẹn hơn cả trong hoàn cảnh xứ sở, còn liên-hệ mật-thiết với gia-đình với bầm-phú của giống dòng vì chưa gặp ảnh-hưởng ngoại lai. Cho nên với môi-trường ấy, tâm-sinh-lý ấy, người Việt cần có một nề-nếp giáo-dục đặc-thù, không phải cứ việc đem những kinh-nghiệm bên Mỹ bên Tây về đây mà làm khuôn rập được.

Bám vào thực-tại xứ sở để suy tư, tìm tòi, sáng tạo, để tự giải-quyết những vấn-đề của mình cho thích-hợp với tâm-tư cốt-cách của giống nòi, đó là bí-quyết tự-cường của các dân-tộc đang mở-mang. Nếu chúng ta không nắm được chìa khóa này để xây dựng một nền mẫu-giáo Việt-nam trong cái lĩnh-vực hoàn-toàn chưa khai-thác này thì rồi đây chúng ta sẽ thấy người ngoài đến đây hay đem sách vở đến đây để chỉ vẽ cho chúng ta những chuyện của quê-hương mà đáng lẽ ta phải tinh-thông hơn họ. Vậy nên ngay từ bây giờ chương trình huấn-luyện các giáo-sinh mẫu-giáo chẳng những dạy cho họ cách hành nghề mà còn có phần quan-trọng là dành cho họ tập-sự những công-tác nghiên-cứu, thu-lượm, khảo-sát, cải tiến, thử-nghiệm những phương-pháp giáo-dục cũng như quản trị, trang bị một trường mẫu-giáo. Họ chẳng những phải

thông suốt tâm-sinh-lý của lứa trẻ này mà còn phải am-tường những thể-thức phong-tục để phê-phán suy tư về lối giáo-dục của các bà mẹ ta ở gia-đình nữa. Càng thơ ấu thì con người càng dính liền với nòi giống cho nên họ có thể sẽ khám phá ra những gì là tinh-hoa, đặc-thù của tuổi hài nhi ở người Việt. Lớp học mà họ phụ-trách sau này sẽ vừa là nơi nghiên-cứu vừa là nơi thử-nghiệm các phép dạy mới theo kịp những khám phá mới nhất của khoa tâm-lý nhi-đồng. Một chiều-hướng mới của khoa sư-phạm mẫu-giáo ngày nay là tìm về những truyền-thống giáo-dục tốt đẹp và những kinh nghiệm thành công của các bà mẹ trong gia-đình dựa theo các tài liệu của các nhà dân-tộc-học: trong quá trình trưởng thành cam go của dân tộc, các bà mẹ Việt-nam đã chẳng thua ai, có thể cung cấp cho họ nhiều tài liệu quý báu.

Lớp dạy của họ còn là những lớp dẫn-đạo (classe pilote) mở rải rác khắp nơi trong nước, ở thành thị cũng như ở thôn quê, để làm kiêu-mẫu cho số đông đảo các lớp mẫu-giáo tư của từng địa-phương mà phần sau đây sẽ bàn đến một kế-hoạch chỉnh-đốn, tổ-chức lại.

Cái chân đế của ngành Mẫu giáo

Trên đây là mới nói đến cái thiếu-số dẫn đạo ở phần trên trong khối tháp nhân-sự của ngành mẫu-giáo. Cái chân-đế rộng lớn của tháp này gồm hàng vạn giáo-chức lâu nay

không ai kiểm soát, dạy ở các lớp mẫu-giáo công và tư khắp trong nước hiện giờ trong thực tế chỉ là những lớp dạy văn vỡ lòng dự-bị Tiểu-học, không có một qui-củ, không nằm trong một qui-chế nào. Nhưng đó lại là nền-tảng bởi vì chính họ thay thế phụ-huynh để sống hàng ngày với các em, họ đem lại cho các em những ấn-tượng đầu tiên về cái xã-hội người lớn bên ngoài gia-đình. Đối-tượng của họ không những là các em mà còn là phụ-huynh của chúng nữa.

Cũng như nhiều nước trên thế-giới, nước ta vẫn phải đặt Mẫu-giáo ở ngoài hệ-thống giáo-dục qui-ước nghĩa là phần lớn vẫn phải giao-phó cho sáng-kiến và công lao của tư-nhân, bởi vì, như đã nói trên kia chính phủ không thể nào lo đầy đủ và thích đáng cho nhu-cầu dân-chúng được. Các đoàn-thể tư-nhân, tôn-giáo, từ-thiện, các đồn-điền, cư-xá, xí-nghiệp, trại tạm cư,... vì gần gũi gia đình và có nhiều liên-hệ với nếp sống tinh-thần và vật-chất của dân chúng nên có nhiều điều-kiện thuận lợi để tổ chức những lớp này cho phù hợp với họ.

Công việc của chính phủ là trợ giúp họ về huấn-luyện, tu-nghiệp nhân sự, hướng-dẫn, trang bị, để họ biết nghề trước khi đi dạy, cải tiến nghề-nghiệp và có những lớp học, bàn ghế, tiện nghi cần thiết. Mỗi tỉnh cần có một vị thanh-tra đặc-trách về mẫu-giáo: nếu kiểm kê được đầy đủ những lớp dạy văn hiện nay ở địa-phương thì sẽ thấy

số này rất quan-trọng và xứng đáng để có một phần hành đặc-trách như vậy. Chương-trình được qui-định hẳn hoi : chắc chắn không thể là bắt chước theo vài nước giàu có, chỉ cho trẻ con chơi đùa, ca hát, nhảy múa, vẽ hay tập vài thói quen tốt ; phải còn có phần học chữ, học tính theo đúng ý của đồng bào ta thường vẫn muốn cho con họ được dạy đàng-hoàng để vào lớp Một. Và nếu muốn đặt tất cả vào một qui-chế thì cũng là hết sức linh-động sau khi tham-khảo ý-kiến của các gia-đình ở địa-phương, bởi vì nếu không, qui-chế không làm sao bao gồm được tất cả để mà kiểm-soát, rồi lại có những lớp ngoài qui-chế, linh-động, tự do hơn, được mở ra với sự khuyến khích, hưởng ứng của phụ-huynh : tình trạng trở lại đầu vào đó. Không hơn gì trước.

Ngày nay nếu ta nghĩ đến việc phát triển lại các lớp Mẫu-giáo công-lập thì nhất thiết không nên coi thường tính chất linh-động này của các lớp vỡ lòng tự đang hoạt-động lâu nay. Chính nhờ linh-động mà các lớp ấy đã được phụ-huynh hưởng-ứng mạnh-mẽ, nhất là các giới trung-lưu và bình-dân ; cũng vì đó mà một số lớp Mẫu-giáo công-lập trước đây đã phải đóng cửa. Và vì không theo một hình thức lớp học qui-ước nào mà các lớp tự ấy đã làm cả vai trò ký-nhi-viện, một loại tổ-chức đáng lẽ rất cần cho một xã-hội đông con trẻ như ở nước ta, nhưng lại chưa được các bà mẹ ta thấy được nhu-cầu.

Như vậy ta vẫn đề mẫu-giáo bên ngoài hệ-thống giáo-dục qui-ước, nhưng không phải là quốc-gia chỉ công nhận hệ-thống này mà phó mặc mẫu-giáo cho tư-nhân, không có hướng dẫn, tài trợ, kiểm soát gì như lâu nay. Cấp mẫu-giáo là cấp học gần đại-chúng nhất, trẻ lại còn quá lệ-thuộc vào gia đình nên cũng chịu đối xử chênh-lệch theo hoàn-cảnh cha mẹ chúng, vai trò tích cực của chính-phủ sẽ có hiệu lực san bằng phần nào những chênh-lệch ấy và tạo cơ hội cho trẻ con được giáo-dục đồng đều. Đó còn là trách-nhiệm của chính-phủ để thực thi nghiêm chỉnh với quốc dân khoản 2 điều 10 của Hiến Pháp : « Nền giáo-dục cơ-bản có tính cách cưỡng bách và miễn phí »

Về sự-phạm thì việc dạy cho trẻ em bắt đầu học viết, tính ở tuổi lên bốn lên năm không có gì là đáng ngại : ta có thể dạy cho trẻ con bất cứ cái gì miễn là có một phương-pháp hợp với tâm-lý chúng. Vì vậy mà phải có một đường lối sự-phạm được nghiên-cứu kỹ-càng, tô bồi bổ khuyết hàng năm trong các cuộc hội-thảo giáo-chức. Ta có thể nhân đây mà nâng cao trình-độ học-sinh Tiểu học lên và nhất trí chỉ nhận vào Tiểu-học những em đã biết đọc biết viết rồi để từ đó mà dạy đi không trở lại dạy văn ở lớp Một nữa.

Nếu Tiểu-học không thể được coi như Trung-học hay Đại học thì Mẫu-giáo cũng không thể được xếp vào bậc học nào khác. Từ mục-đích,

phương-pháp, trang-bị đến học-sinh và mối liên-hệ chặt-chẽ với phụ-huynh, thấy đều không giống với cấp học nào. Cho nên Mẫu-giáo phải là một nền học riêng biệt. Những hệ lụy khôn lường của thời thơ-ấu đến thề xác lẫn tâm hồn con người khi đã lớn khôn, khiến chúng ta không thể coi nhẹ cái cung-cách và

những gì mà người ta đem dạy cho con em chúng ta ở lớp Mẫu-giáo.

Muốn thu hoạch được mùa lúa như ý sau này, ta hãy bắt đầu lưu tâm từ khi giữ giống và gieo mạ.

ĐOÀN NHẬT TẤN

IX-1974

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin :

Anh Chị NGUYỄN THÁI BÌNH, Giám đốc Trường Trung học Tân-Khoa, ở 25 Ngô Tùng Châu Gia-Định, sẽ làm lễ thành hôn cho Thử nam là : **Joseph NGUYỄN CÔNG MINH** cùng Cô **Thérèse BACH-THỊ CẨM-NHUNG**.

Hôn lễ sẽ cử hành tại Thánh Đường Dòng Chúa Cứu Thế Saigon ngày 6-10-1974 (21 tháng 8 năm Giáp Dần)

Xin chân thành mừng Anh Chị Nguyễn-Thái-Bình và chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc.

Vợ chồng LÊ NGÔ CHÂU và vợ chồng PHẠM DUY LÂN

Phải công nhận rằng Tây Y đang tiến những bước dài đáng nể, nhất là trong khoảng vài thập niên gần đây. Nhưng tại sao chính ngay ở những nước Âu Mỹ tiên tiến kia, càng ngày người ta càng q'ay v' tìm hiểu và ngưỡng mộ cái nền y-lý đã có mặt từ năm mươi thế kỷ nay, và đã cũng như đang tích cực góp phần bảo vệ sức khỏe cho một phần tư nhân loại, qua những công hiể hết sức độc đáo? Bs Trần Văn Tích sẽ luận giải rõ ràng trong cuốn :

TƯ TƯỞNG LÃO TRẠNG

trong Y-thuật Đông-phương

Sách do AN TIÊM xuất bản

ĐỒNG NAI TỔNG PHÁT HÀNH

270, Đề Thám, Saigon Đ.T : 20.942

Chúng ta sống trong một thế giới nguy hiểm: **TẠI HỌA MINAMATA**

Khoảng một tháng nữa, một nhà xuất bản ở Pháp sẽ phát hành một cuốn mang nhan đề rất hiền lành, dễ thương này: "Le 400 è chat" (Con mèo thứ 400) và đề tựa giới thiệu trước tác phẩm của mình, Fernand Gigon đã cho đăng trên tạp chí Express số 1201, tuần 15-21-7.74, bài *Tội ác Minamata* tai họa ghê gớm nhất của Nhật Bản từ khi hai trái bom nguyên tử tàn phá Hiroshima và Nagasaki năm 1945.

Minamata và hãng Chisso

Minamata là một thị trấn nhỏ khoảng 45 000 dân trên bờ một Vịnh cũng mang tên đó ở phía Nam nước Nhật. Vì vịnh nhỏ nên các luồng nước ở biển cả không chảy vào vịnh, nước trong vịnh gần như tù hãm.

Hãng Chisso tại thị trấn chế tạo một chất nhựa Plastique từ mấy chục năm nay, muốn tăng năng suất lên, dùng một vật xúc tác (catalyseur) bằng một hợp chất thủy ngân — chất méthylmercure. Theo lí thuyết, chất này chỉ vận chuyển trong vòng kín (circuit fermé), nghĩa là chỉ chạy vòng vòng trong các máy mà không thoát ra ngoài. Nhưng trong thực tế thì nó có thoát ra ngoài, qua những ống tháo nước dư của hãng rồi chảy xuống vịnh. Vì nước vịnh tù hãm nên chất méthylmercure không thoát ra biển khơi được, lắng xuống đáy vịnh, và các plancton tức những sinh vật li ti ở trong nước biển tiêu hóa được thứ thủy ngân đã bị biến hóa đó mà bị nhiễm độc.

Điều đó, chẳng những người thường chúng ta mà ngay cả một số kĩ sư hóa học, cũng không ngờ được

hậu quả tai hại ra sao.

Vịnh Minamata bị nhiễm độc

Chúng ta không ngờ được vì chúng ta ngây thơ tin rằng không khí, đất đai và sông biển có sức hút hết các chất ô uế nên không có gì đáng ngại. Chúng ta lí luận như vậy: đổ một lít thuốc độc vào một tỉ tỉ lít nước thì nồng độ của chất độc trong nước chỉ là một phần tỉ $1/1.000.000.000.000.000.000$, không thể nào gây tai họa được dù là cho một con kiến.

Điều đó đúng nếu có đủ ba điều kiện dưới đây:

- 1 — thuốc độc tan mau trong nước.
- 2 — sự hỗn hợp thực hoàn toàn, nghĩa là chỗ nào nồng độ cũng đều nhau.
- 3 — ở một nơi chỉ có hệ thống vật lí (physique) chứ không có những hệ thống sinh lí (biologique), nói một cách dễ hiểu và gần đúng là ở một nơi không có sinh vật.

Hai điều kiện trên rất ít khi tự nhiên xảy ra trong vũ trụ. Ta đổ một muỗng đường vào ly nước nửa giờ sau chưa chắc nó đã tan

hết, mà khi tan hết thì nước ở đáy li vẫn ngọt hơn nước ở trên mặt, muốn cho có sự hỗn hợp hoàn toàn, ta phải khuấy. Nhưng những chất độc đồ xuống hồ biển thì nó lắng xuống, nằm ở đó năm này qua năm khác nếu nước tù hãm như trường hợp vịnh Minamata, và nếu có một luồng nước đưa nó đi thì cũng phải lâu lắm nó mới tan hòa đều trong nước được.

Còn điều kiện thứ ba thì có thể nói là không khi nào xảy ra trong thiên nhiên. Vì ở trong nước (cả trong đất, trong không khí nữa), đâu đâu cũng có sinh vật, không nhiều thì ít. Và đây mới là điểm quan trọng nhất, chúng ta nên nhớ. Chúng ta thường tưởng rằng một chất độc vào cơ thể một sinh vật A chẳng hạn rồi truyền qua sinh vật B thì chất độc giảm đi, và nếu từ B truyền qua một sinh vật khác C, thì lại giảm đi một tầng nữa. Điều đó sai.

Trái lại, chất độc cứ mỗi lần truyền đi như vậy thì nồng độ lại tăng lên một tầng. Tôi xin chép lại đây thí dụ của ông bà Ehrlich trong cuốn *Population, Resources, Environment* (San-Francisco, 1970) mà tôi đã tóm tắt trong cuốn *Những vấn đề của thời đại* (Mặt đất — 1974) trang 49, 50 :

« Thí dụ ta đổ một lít thuốc độc vào một triệu lít nước rồi khuấy cho thật đều, thì những độ chất độc trong nước đó là một phần triệu. Tại một hồ nọ, nước không biết bị nhiễm độc từ hồi nào, nhưng rong trong hồ có một nồng độ thuốc DDT là 0,08

(nghĩa là 8 phần 100 của một phần triệu). Một loại ốc ăn thứ rong đó, bị nhiễm độc không phải ít hơn mà nhiều hơn : 0,26 ; một loại cá lại ăn thứ ốc nhỏ đó, lại bị nhiễm độc nặng hơn ; rồi con vịt ăn con cá này bị nhiễm độc nặng hơn nữa, nồng độ tới 3,57 tức trên 40 lần nồng độ của rong. Và chúng ta ăn con vịt đó, sẽ bị nhiễm độc nặng gấp mấy lần nữa, cứ càng tiến lên thì nồng độ càng tăng (...)

Một trường hợp điển hình là hồ Clear ở Californie (Mỹ) (...) Có một hồi một loại ruồi nhỏ sinh sản ở ven hồ. Năm 1949 người ta xịt thuốc DDD (một biến phẩm của DDT, ít độc hơn) độ độc là 0,02 phần triệu, diệt được gần hết ruồi (...) Vậy nước hồ đó bị nhiễm độc chỉ có 0,02 phần triệu, nhưng các plancton bị nhiễm độc 250 lần nhiều hơn, một loài cá gọi là poisson-lune bị nhiễm độc 12.000 nhiều hơn còn loài vịt grèbe ăn cá đó bị nhiễm độc tới 80.000 lần nhiều hơn, tức $0,02 \text{ phần triệu} \times 80.000 = 1.600 \text{ phần triệu DDD}$ và chỉ trong mười năm trong hồ không còn một con grèbe nào nở cả. »

Hiểu như vậy rồi, chúng ta trở lại trường hợp vịnh Minamata. Tôi không biết vịnh này rộng, dài ra sao nhưng có tới 1.600 dân chài thì ít gì mỗi chiều cũng được năm mười cây số. Mà sau mấy chục năm hoạt động, hãng Chisso chỉ tháo ra vịnh có 600 kí lô thủy ngân.

Chất thủy ngân rất nặng : tỉ trọng (densité) là 13,59. Vậy 600 kilô thủy

ngân chứa được 45 lít. Trong hai chục năm mà chỉ có khoảng 45 lít thủy ngân trút xuống một cái vịnh, có thối gì đâu! Có bằng được một phần tỉ tỉ của nước trong vịnh không? Bảo là sẽ gây tai họa thì tất không ai tin; vậy mà chỉ vì vịnh Minamata thiếu ba điều kiện kể ở đoạn trên, mà một tai họa kinh khủng đã xảy ra: bệnh Minamata.

Bệnh Minamata

Những plancton trong vịnh bị nhiễm độc vì chất méthylmercure; các con cá nhỏ, con sò ăn chúng, bị nhiễm độc nặng hơn nữa; các con cá lớn ăn những con cá nhỏ lại bị nhiễm độc nặng hơn nữa; rồi dần chúng Minamata ăn cá lớn lại bị nhiễm độc nặng hơn nữa.

Một hôm dân chúng trên hai bờ sông Sashiki thấy một số cá dưới sông như say rượu saké. Những cá đó là cá biển bị thủy triều dồn vào cách xa biển tới trên bốn cây số. Người ta thích quá, cứ lấy tay vớt lên ăn không hết thì đem ra chợ bán.

Ít năm sau, năm 1958, ngoài cá biển chết, nổi lều bều. Dân chúng tha hồ ăn. Họ không ngờ rằng họ ăn đồ độc, ăn « cái chết ». Người nào ăn nhiều cũng bị bệnh. Một người đàn bà hóa ra đau gan, nhức đầu, uể oải, đương nói chuyện bỗng ngừng bật, không nói được nữa. Chồng thím ta, một ngư phủ, lâu lần bị tê liệt, không cầm nổi điều thuốc nữa.

Từ đó người ta nghiệm thấy rằng cá không dám ở trong vịnh nữa, và dân chài phải ra khơi mới có cá.

Bi đát nhất là tình cảnh các em bé bị nhiễm độc. Trường hợp đầu tiên là em trai Matsuylo sinh năm 1950 trong gia đình Watanabé. Cha mẹ em bị bệnh truyền lại cho em. Năm 6 tuổi rưỡi, một hôm em đang chơi bóng thấy tay chân như tê liệt, không gập chân lại được nữa, mà đau nhức lắm, run rẩy khắp thân thể, mắt mờ dần đi, thị trường (champ visuel) của em thu hẹp lại. Kể đó em nói không được, nghe không rõ nữa, thần kinh như bị tê liệt. Không bác sĩ nào biết là bệnh gì.

Cũng năm đó (1956) em trai của em, tên là Fúshi, mới được bốn tuổi, đang chơi bóng té, chân tay cứng lại, nói khó khăn, lảo đảo, lắp bắp, óc hóa ra dần độn. Em nằm hoài mấy tuần liền rồi khi vùng dậy thì cứ quay tròn như cái chong chóng, lúc nào cũng như say rượu, nói bậy bạ chẳng ai hiểu gì cả. Bác sĩ cũng chịu, không đoán được bệnh.

Năm 1958, gia đình Watanabé lại sinh một em trai nữa, mới được ba tháng mà đã bị bệnh, thở thoi thóp không cử động, không khóc. Bác sĩ báo óc em đã bị tê liệt. Từ phòng mạch trở về nhà, bà mẹ đau đớn quá, chỉ muốn bóp cổ đứa bé rồi liệng nó xuống sông. Nhưng bà ta cố nén được đem về nuôi. Cỏ nó yếu quá không đỡ nổi cái đầu nữa. Người Nhật bảo: « Cỏ nó ngồi chứ không đứng nổi ». Nó điếc, người ta phải cho nó vào trường điếc và câm. Tập cho nó lâu lắm, nó mới bước được.

Thật đau xót cho gia đình đó, ba

đứa con trai đều bị bệnh, nếu sống được thì cũng sẽ thành phế nhân.

Chúng ta nhận thấy điều này : đứa thứ nhất sáu tuổi rồi mới bị bệnh, đứa thứ nhì 4 tuổi bị bệnh, đứa thứ 3, mới ba tháng đã bị bệnh rồi. Vậy là nùng độ chất độc mỗi ngày một tăng.

Bà mẹ đó thất vọng quá mà muốn liệm đứa thứ ba xuống sông. Chúng ta không thể trách bà đã có ý nghĩ đó. Vì từ khi có loài người tới nay, có lẽ chưa bà mẹ nào bị cái họa ghê gớm như bà ta.

Còn bà mẹ dưới đây thì ta phải vừa thương vừa phục. Đứa con gái Tomoko của bà cũng bị thứ bệnh đó từ khi mới sanh và cho tới khi nó mười tám tuổi, lúc nào bà cũng địu nó. Ban ngày bà địu nó đi dạo chung quanh nhà, tối bà cũng vẫn địu nó để "ngủ với nó" thờ với nó. Nghĩa là nó như dính vào lưng mẹ suốt ngày đêm. Tay nó cong queo, vẹo vẹo, chân nó nhỏ xiu, không thành hình thù gì cả. Bà phải đút cho nó ăn. Bao giờ nó nhỏ xiu có khi phải bốn giờ mới xong một bữa. Tôi không biết bà còn phải địu nó



Tomoko Uemara, 18 năm dính trên lưng mẹ

cho tới bao giờ. Chắc là tới khi bà chết hoặc nó chết.

Bệnh đó các bác sĩ không biết là bệnh gì, và người ta gọi đó là bệnh Minamata.

Trách nhiệm của hãng Chisso và nhà cầm quyền

Ngay từ năm 1956 người ta đã bắt đầu đoán được nguyên nhân của bệnh : Ông Hosokawa, y sĩ của hãng Chisso thí nghiệm vào loài mèo, cho chúng uống nước thải của hãng rồi ghi phản ứng.

Ngày 24-10-1956, con mèo thứ 400 bị bệnh. Nó hóa điên, nhảy nhót, quay tròn, chạy lung tung. Chặt đầu nó, gửi lại Đại học Kkushu nghiên cứu. Kết quả là các tế bào trong óc nó bị bệnh suy nhược. Ông Hosokawa thấy rằng nó bị bệnh Minamata như các em nhỏ kể trên, vì triệu chứng rất giống nhau. Nhưng ông do dự, không tuyên bố ra, tiếp tục thí nghiệm nữa, càng thí nghiệm càng thấy giả thuyết đó đúng. Mặc dầu vậy, ông cũng không dám tuyên bố ý kiến của mình, không hiểu là vì ông sợ sự phản ứng của dân chúng, hay là vì ông là một nhân viên quản trị của hãng.

Còn hãng thì cãi, tìm cách chối tội. Tệ hơn nữa, họ còn cấm thí nghiệm thêm, và đặt bọm du côn ở gần miệng các ống tháo nước thải của hãng, để cấm không cho ai hứng. Vậy mà chính quyền Nhật, các nhà cầm quyền thị trấn Minamata vẫn làm thinh, như đui như điếc.

Sức phản kháng của dân

Dân chài trong vịnh — mà một số cũng bị bệnh — thấy vậy bất bình, tụ họp nhau lại do Takesaki cầm đầu, biểu tình trước hãng Chisso, dân chúng dự rất đông. Nhà cầm quyền Minamata sai cảnh sát lại đàn áp — bên Nhật người ta cũng thế a ? — dùng dùi cui đập vào đầu, vào lưng dân biểu tình — 600 người bị thương, nhưng rồi họ cũng phá được hàng rào cảnh sát, vô được hãng đập phá máy móc.

Hãng phải tạm đóng cửa. thợ trong hãng tạm mất việc, nghiệp đoàn của họ phản đối, đòi nhà cầm quyền xử tội các người cầm đầu đoàn biểu tình. Nhưng nghiệp đoàn dân chài cãi lại: « Đời sống của 1.600 người đánh cá cũng bị lâm nguy còn hơn thợ thuyền trong hãng nữa », và đòi hãng Chisso bồi thường cho họ vì đa số phải nghỉ, một số nhỏ có phương tiện, phải ra khơi mới đánh cá được, phí tổn đã nặng, mà cá đem về bán vẫn bị nghỉ ngò, ít ai dám ăn.

Tới lúc đó mà hãng Chisso vẫn chưa chịu nhận lỗi, bảo vẫn chưa được biết đích xác nguyên nhân của bệnh, còn phải xét thêm.

Tiếp theo, gia đình trên 600 người bệnh cũng biểu tình, đòi bồi thường. Lần này hãng Chisso mới dịu giọng, chịu bồi thường ba triệu yen (mỗi yen bằng 2đ. V.N. lúc này) cho mỗi bệnh nhân. Gia đình các bệnh nhân thấy số đó không đủ, đòi thêm.

Ngày 14-6-1969, mười ba năm



Hình thằng nhỏ và con chim bồ câu

sau khi người đầu tiên ở thị trấn bị bệnh Minamata, gia đình Watanabé mới lãnh được 65 triệu yen.

Nhờ sinh viên và một hãng phim mà dân chúng toàn thắng

Vụ kiện kéo dài, ba năm sau vẫn chưa xong, vì hãng không chịu thỏa mãn hết các đòi hỏi của gia đình các bệnh nhân.

Rồi ngày 30-10-1972, một bọn sinh viên đi phát trong nhiều đường ở Tokyo một tấm bưu thiếp in hình một em bị bệnh Minamata, năm sắp hai tay ôm một con bồ câu trắng, ngón tay cong lại như cái móc, miệng há hốc, nhe hai hàm răng trắng ra, coi thật rùng rợn, nửa như cười, nửa như muốn nuốt sống con bồ câu.

Hình đó lấy trong một phim nhan đề là « Nạn nhân Minamata », mà hãng Algashi đã quay từ hai năm trước, nhưng không rạp nào chịu chiếu, trừ một rạp rất cao đảm.

Phim dài hai giờ rưỡi.

Lúc đó dân Nhật mới thấy tất cả sự rùng rợn, ghê tởm của tội ác Minamata. Từ trước cũng đã có vài tin ngắn đăng trên báo nhưng không ai để ý tới. Chính quyền Nhật không thể giả đui giả điếc được nữa, và vụ Minamata đã kéo dài từ 1969, trên ba năm rồi, được xử cấp tốc, chỉ trên bốn tháng là xong. Khi lòng dân đã phẫn uất thì chính quyền cũng phải sợ.

Những người quay phim Minamata và chủ rạp chiếu bóng nào đã dám chiếu phim đó đều đáng được thưởng như hai kí giả Mĩ khai vụ như nước Watergate năm 1972 và theo tôi phim nên đem chiếu ít nhất là tại khắp các thị trấn kĩ nghệ lớn của thế giới để nhân loại biết rằng, nhớ rằng hết thảy chúng ta đang sống trong một thế giới nguy hiểm. Riêng ở nước mình, thì nên đem chiếu ở Saigon, Thủ Đức và Biên Hòa. Năm ngoái và đầu năm nay báo chí đã vạch ra hậu quả đáng ngại của sự nước bị nhiễm độc trong các sông rạch ở gần một số nhà máy Thủ Đức và Lái Thiêu. Tôi không biết lời cảnh cáo đó có kết quả gì không.

Hãng Chisso thua

Rốt cuộc hãng Chisso phải bồi thường cho 602 bệnh nhân (79 đã chết) 600 triệu hợp nữa còn đang xét vì chưa biết sự tàn phá tới mức nào. Hãng còn phải chịu trách nhiệm về những người sẽ bị bệnh nữa, mà con số này không thể

đoán được là bao nhiêu. Tôi không biết các dân chài Minamata được bồi thường bao nhiêu.

Ngày vụ kiện xử xong viên Phó Giám đốc hãng Chisso thay mặt chủ đưa ra hai chi phiếu non một tỉ rưỡi yen (khoảng ba tỉ bạc V.N) để bồi thường cho 602 bệnh nhân. Người được bồi thường nhiều nhất lãnk 25 triệu yen.



Ông Kemishi Shimadu, Giám đốc hãng Chisso qui sám hối với đồng bào địa phương

Ông ta còn phải qui xuống tạ tội với đồng bào :

« Chúng tôi thực tâm ân hận nhiều, nhiều lắm vì đã gây đau khổ thể chất và tinh thần cho đồng bào. Và gây trong một thời gian lâu như vậy ! Chúng tôi sẽ không bao giờ để cho một việc như vậy xảy ra nữa »

Có người nức nở trong đám đông.

Người cha trong gia đình Watanabé, người đau khổ nhất có

ba đứa con tật nguyền, buộc khi nào viên Giám đốc đi Tokyo về còn phải đích thân xin lỗi một lần nữa.

Thế là hãng Chisso đã chịu thua. Nhưng sự đau khổ thì vẫn còn trong hàng ngàn gia đình ở Minamata; mà hậu quả tai hại của

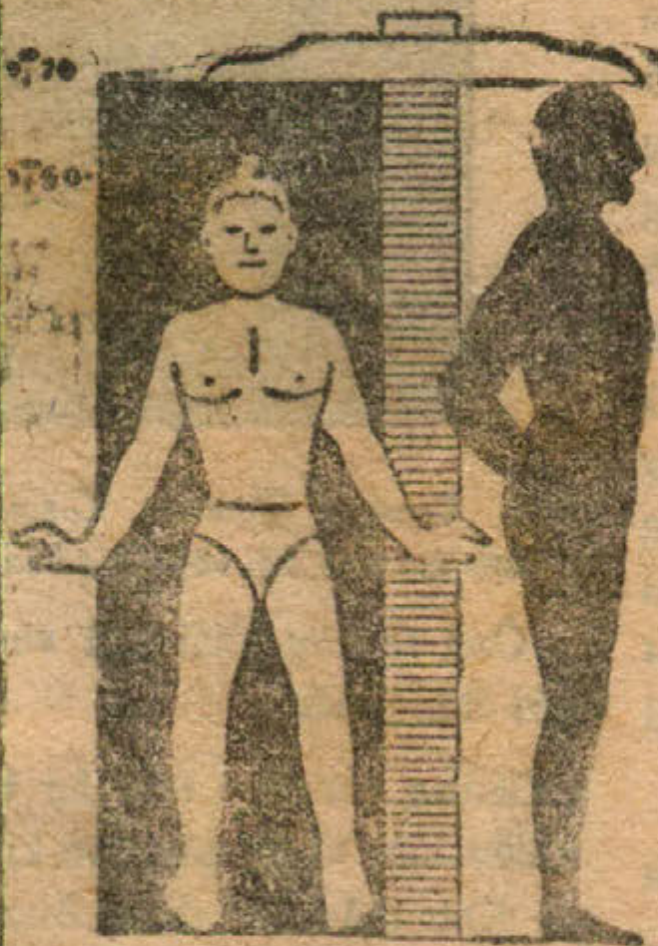
600 ki lo thủy ngân ở trong vịnh Minamata không biết bao giờ mới hết. Mấy chục năm nữa? Hay hàng trăm năm nữa? Chỉ khi nào cá lại trở về vịnh ở như trước thì chúng ta mới biết chắc được.

Sài Gòn ngày 3-9-1974

NGUYỄN HIỂN LÊ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOÉ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

THƠ trong phong trào NÓI THƠ miền Nam có một số tác phẩm mang tính chất đối kháng

Nói đến thơ, người ta chợt nhớ ngay đến một thể văn vần có luật, có niêm, có yêu vận, có cước vận dùng để tả tình cảm, cảnh vật, tư tưởng, từng những bài ngắn, hoặc hơi dài. Thí dụ, thơ Nôm, thơ Hán. Nhưng « Thơ » mà chúng ta muốn đem bàn ở đây lại khác. Đó là một loại truyện viết bằng văn vần, trường thiên.

Quả như vậy, miền Nam Lục tỉnh không gọi loại truyện làm bằng văn vần là « truyện » mà gọi là « thơ » và có một giọng hát đặc biệt gọi là « nói thơ » để dùng ngâm nga các bản « thơ » ấy. Người ta không gọi truyện Lục Vân Tiên mà gọi là thơ Lục Vân Tiên. Các truyện Chàng Nhái Kiêng Tiên, Trò Đòng, Nàng Út, Lâm Sanh Xuân Nương, cũng vậy, đều được gọi là « thơ » cả.

Giữa lúc mà Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên gây được một tiếng vang lớn trên thi đàn, được nhân dân khắp nước biết đến và đem ra thưởng thức, tán tụng, thì tại miền Nam, một loại thơ, như thơ Cậu Hai Miên, thơ Dương Ngọc, thơ Thầy Thông Chánh, thơ Ông Trọng Tiên Bửu... đã làm say sưa hàng ít hạng bình dân.

Trong những giờ rảnh rang, trưa hoặc tối, sau khi xong bữa cơm, thì đâu đây có tiếng nói thơ vang lên. Một thứ âm điệu buồn buồn, xa xưa, trầm bổng và dứt nổi, thỉnh thoảng

ngắt ngang hai tiếng đầu câu dưới đề gối liền cho cuối câu trên, coi vậy mà dễ làm say đắm lòng người. Đàn ông, đàn bà, con trai, con gái luôn cả trẻ nít lên bảy, lên mười đều ngồi bu quanh nhau để nghe thơ. Người nói thơ thường là một đàn ông đứng tuổi hoặc ông già. Họ nói thơ cho bà con trong xóm, cho con cháu trong nhà nghe. Có khi phải cầm bôn dặng dò chừng, có khi họ thuộc lâu hàng ngàn câu không quên không sót. Chập chập ngừng lại uống nước thăm giọng, giảng giải đôi điều và để có dịp cho những người nghe trầm trồ, xuýt xoa tùy theo các đoạn gay cấn thế nào đó của thơ.

Người ta lắm lúc hồi hộp trông chờ và có khi bị lôi cuốn ngay từ đoạn mở :

Nam Kỳ có cậu Hai Miên
Con quan lớn Tấn ở miền Gò Công
Cậu Hai là bực anh hùng
Ăn chơi đáng bực võ cùng liệt oanh
Nam Kỳ Lục tỉnh nổi danh
Thiệt là một bực hùng anh trên đời
Tuổi nay vừa mới ba mươi
Tánh tình hào hiệp ít người
đám đờng
Thương người thất thế giữa đường
Thương người truug chánh ghét
phường tà gian

(Thơ Cậu Hai Miên — Phạm Văn
Giường x.b., 117 Đại lộ Khổng Tử Chợ Lớn)

Ngoài ra, những người mù lòa, tàn tật cũng trau giồi giọng nói thơ để hấp dẫn mọi người trong khi hành nghề hành khất. Tại đầu đường hè phố, trên bến đò ngang, những người ăn xin ấy đã làm mê mẩn nhiều tâm hồn đa cảm khi có tiếng đàn độc huyền trôi lên hòa chan trong giọng nói thơ luyến lớt thanh tao. Người ta ghét cay đắng cô Hai Đầu phân bội chồng để đi lấy Tây. Người ta lại phục lẫn chàng Sáu Trọng có gan dạ anh hùng và các tay dọn bàn hành hiệp đúng điệu nghệ (1). Người ta đau xót đến rơi lệ cho cảnh chia phối của nàng công chúa Kiềng Tiên khi chồng nàng là Chàng Nhái bị kiến cắn chết đi và thăm phục cái tiết trinh rất mực của nàng.

Tính chất bình dân của các bản thơ

Trở về phương diện nghiên cứu văn học, chúng ta không thể bỏ quên mà không nhắc đến thơ, những áng văn vần bình dân, đã phổ cập dân gian và đã gieo nặng ảnh hưởng đến tâm hồn dân chúng. Trước khi đi vào một số cốt truyện của thơ để phân tích nhận xét, chúng ta cần phân biệt rõ ràng xem thế nào là thứ thơ Nôm có tính chất bình dân và thế nào là thứ thơ Nôm mang tính chất bác học.

Từ ngữ bình dân, bác học mà người ta dùng phân biệt các áng thơ văn, thường được thấy xuất hiện trên các tác phẩm văn học sử. Theo đó thì các tác phẩm có văn chương hòa mĩ, nhiều điển cố hàm súc,

nhiều từ ngữ đài các, mang nghĩa lí cao xa, là tác phẩm bác học. Như *Đoạn trường tân thanh*, *Phận Trần*, *Nhị độ mai* là tác phẩm có tính chất bác học. Còn những tác phẩm mà lời văn viết ra cốt cho dễ hiểu, không cần dùng chữ xa lạ mà cũng không có điển tích gì cao kì, là tác phẩm được liệt vào loại thơ ca bình dân. Như *thơ Năm Tị*, *thơ Trần Sanh Ngọc Anh*, *thơ Nàng Út* là tác phẩm bình dân. Những câu ca dao, hò hát huê tình, tục ngữ, văn vè, được xếp vào loại văn học dân gian hoặc gọi là văn chương bình dân truyền khẩu, đều mang chung một tính chất như thế.

Xác định như thế để chúng ta mới thấy rằng các tác phẩm thơ nói trên có một đặc điểm không giống các truyện Nôm bác học. Nếu *Lục Vân Tiên*, *Nữ tú tài*, *Bản nữ thân*, *Bích Câu kì ngộ* đều mang tính chất bác học hoặc có ít nhiều tính chất bác học, thì *Phạm Công Cúc Hoa*, *Tấm Cám*, *Thoại Khanh Châu Tuấn*,

(1) *Dọn bàn* : một từ ngữ mà đương thời (lúc Tây mới tới) dùng chỉ những người làm bởi Tây. Bọn này dựa hơi Tây mà sống phè phỡn, lên mặt anh chị, nhiều lúc gây sóng gió trước những chuyện mà họ cho là chương tai gai mắt. Họ lớn gan, biết đoàn kết và ăn ở đúng điệu nghệ với nhau : hoạn nạn tương cứu, sanh tử bất li. Nhưng giới này thường bị xã hội coi rẻ. Hãy xem *Thơ Nam Kỳ*, bản in Nhà Dòng Ân Định, năm 1903 :

Đáng thương mấy chú dọn bàn
Nhiều điều giầy vớ xinh xang với đời
Đứa nghèo bắt chước làm hơi
Tuy người quân tử sang chơi không bằng
Ra vào làm bộ hung hăng
Xét ra mới biết là thằng dọn cơm

Trần Minh khổ chuỗi đều là những bản thơ bình dân hết.

Chỉ đề tâm nghiên cứu về nó, chúng ta sẽ thấy khá rõ các đặc điểm sau đây :

* Thơ là thứ làm ra bằng vận vĩa, có nhân vật động tác, có tình tiết biến chuyển. Bất cứ ai cũng có quyền thêm thắt, sửa chữa, sao chép và phổ biến các bản thơ ấy mà không sợ mang một thứ tội trịch trượng hay đạo văn nào.

* Thơ được đại chúng đón nhận với nhiều nhiệt tình và truyền đạt với một tinh thần ủng hộ, hào hứng. Dĩ nhiên nó phải rất phù hợp với tâm tính giản dị, mộc mạc và hồn nhiên của người bình dân.

* Những điển tích xa lạ, những dụng ngữ khó hiểu, những tư tưởng cao siêu, những lời câu dài các đều không cần thiết trong các bản thơ ấy.

* Tuy tiếng là thơ bình dân, nhưng thơ không phải ai cũng có thể làm, như người ta đã làm ca dao tục ngữ. Hầu hết thơ đều xuất phát từ những người biết chữ. Họ có thể là những thầy nho thầy thuốc, những chức hương lễ hương văn trong làng. Sở học của họ ít nhưng lòng mến văn chương và tánh ưa học hiểu thúc đẩy họ làm thơ. Mà họ làm ra thơ cũng chỉ là việc phải làm chứ không cần cầu danh, không cần ghi chép tên họ vào tác phẩm, miễn làm sao cho tác phẩm được phổ biến rộng rãi là mãn nguyện rồi.

Tại miền Nam xưa, có hàng loạt

các bản thơ như vậy. Ngoài như những bản mà các soạn giả vịn vào cốt truyện Tàu để làm ra như *Tiết Giao đoạt ngọc*, *Quan Công phục Huê Dung đạo*, *Lý Thành tróc Ngũ vương*... còn có rất nhiều bản thơ khác. Nhưng nổi tiếng nhiều nhất là *Sáu Trong Hai Dầu*, *Lâm Sanh Xuân Nương*, *Trò Đông*, *Thoại Khanh Châu Tuấn*, *Nàng Út*, *Thạch Sanh Lí Thông*, *Sáu Nhỏ*, *Ông Trương Tiên Bưu*, *Cậu Hai Miên*, *Phạm Công Cúc Hoa Chàng Nhái Kiêng Tiên*, *Con Tấm con Cám*, *Trần Minh khổ chuỗi*, *Lạng Châu cùi*, *Thầy Thông Chánh*.

Ban sơ, phần nhiều các bản thơ được soạn thuật bằng chữ Nôm để ngâm nga truyền miệng. Nhưng sau đó, người ta thấy quần chúng tiếp đón quá hăm hở, một số người đứng ra chuyển phiên quốc ngữ, hoặc lượm lặt theo khẩu truyền mà chép ra quốc ngữ. Họ có trau chuốt thêm bớt ít nhiều, gọi là « *bản cũ soạn lại* » để ấn hành. Số bán được mỗi lúc tăng vọt vì quần chúng, hưởng ứng nồng nhiệt, càng khuyến khích nhiều người đi vào đường xuất bản thơ. Rồi từ đầu thế kỷ này, người ta còn đua nhau sáng tác các « *bản hậu* ». Từ ấy lại có thêm *Hậu Vân Tiên*, *Hậu Bạch Viên Tôn Các* v.v.

Rõ là một cơn say của văn học bình dân. Người ta đã có lúc ngâm cơn võ bụng mà âu ca lạc nghiệp với... thơ. Người ta đã trau tria, nắn nót với điệu nói thơ nặc mùi dân tộc ấy.

Giọng nói thơ ấy vang vang từ lâu, lâu lắm rồi, tại miền cồn bãi phù

sa này. Nó có một ma lực hoài cổ lạ lùng khiến mọi người ưa thích và khó quên. Tuy ngày nay nó chỉ còn là dư vang của một thời — vì không mấy ai đem thơ ra nói nữa và các bản thơ Nôm cũng không còn sót được bao nhiêu, còn các bản cũ soạn lại của Nguyễn Văn Khoa, Phạm Văn Thịnh, Nguyễn Bá Thời, Phạm Văn Cừ, Đặng Lễ Nghi... cũng không còn bày bán — nhưng người ta, với hạng ki lão hoặc đứng tuổi, ít có ai không hoang mang vờ vẩn khi bất chợt đâu đây văng vẳng một giọng nói thơ! thì ra bản thơ, nói thơ đã là một cái gì nhuần thấm trong nếp sống thường nhật của người bình dân ngày cũ...

Địa hạt của thơ thật là rộng lớn, cần phải nói nhiều. Ở đây chúng tôi chỉ giới hạn trong một số tác phẩm mang ý hướng sáng tác đời kháng thực dân. Điều còn lại sẽ xin dành một dịp khác.

Ý hướng sáng tác thơ bình dân

Có rất nhiều bản thơ phổ biến trong dân gian, nhưng chủ đích của thơ xét chung thì phần lớn xoay quanh theo ý hướng tái đạo: Khuyên thiện trừng gian, tin tội phước và kinh phục trời đất quỷ thần. Ở hiền sẽ gặp lành còn làm ác thì trước sau gì chắc chắn cũng không khỏi bị quả báo do bàn tay thưởng phạt của các đấng vô hình.

Một Thạch Sanh hiền lành (có khi đến ngu muội) tuy có bị hoạn họa liên miên vì một thằng bạn Lí Thông

quỉ quái gian xảo, nhưng rồi về sau nhờ cái nhân lành gây nên đức tốt khiến anh ta từ hàng cùng đinh vọt lên địa vị phò mã rồi kế tiếp được tôn vương; còn Lí Thông chạy trời không khỏi nắng, ác lai ác báo, đầu được Thạch Sanh tốt bụng tha cho nhưng luật trời vận hành ngay thẳng, nên rồi ra họ Lí cũng bị thiên lôi đá tử.

Một Xuân Nương hiếu hạnh, chí thành, gặp bà mẹ gia chửa ngoa danh ác, khổ khắc đến cùng cực mà không lòng oán giận, trái lại, tận tâm phục vụ bên chông cho trọn đạo dâu con, về sau có lúc mẹ chông hành hạ đến chết. Một Lâm Sanh ngay thẳng vẹn niềm, thờ mẹ trọn đạo và xử sự với vợ, với bên vợ cũng một mực thi chung, dầu gặp lúc cùng cũng không đổi ý. Nhờ vậy mà Xuân Nương chết rồi được sống, tan rồi lại hiệp và Lâm Sanh cũng rồi lại thông, từ tên tử tội trở nên hoàng đế bá chủ trong chớp nhoáng. Kết quả, hai vợ chồng Lâm Sanh, Xuân Nương đều được phước lớn, ngồi ngôi quốc vương và hoàng hậu.

Một Phùng Quí ăn ở hiền lành, biết kính sợ oai trời, cầu trời để xin con kế tự, thì trời liền cho nàng tiên mắc đọa, đọa thành Nàng Út tí teo giáng trần. Lúc ấy thì vua nước Triệu cũng được trời cho con trai. Thái tử khôn lớn không phải lòng ai, bất luận công nương chư quốc hay con gái hàng thứ dân xinh lịch. Sau rốt, chàng đeo theo Nàng Út và được gá duyên với nàng. Nàng

biến hóa nhu thần để độ tài với hai chị dâu và sau cùng nhờ có Ngọc Hoàng ban phước cho phép linh đề cải dạng, Nàng Út trở nên người thanh lịch lạ thường, tài sắc vượt cả hai chị dâu và nàng được ngôi hoàng hậu. Vợ chồng Phùng Quý nhờ địa vị của em mà cũng được trở nên sang cả.

Chung quanh các cốt truyện trong các bản thơ mang tính chất tái tạo vừa nói, *thường được tô điểm bằng nhiều sự kiện thần quái hoang đường* — (*Thơ Thạch Sanh* với chàng tinh, đại bàng, hồn ma, đàn thần... *Thơ Lang Châu* với tiên trưởng ban linh đơn trị cùi và thổ thần rưới nước tiên trị sản hậu... *Thơ Chàng Nhái* với diệu thuật biến ra đầy dẫy cầm thú làm loạn trào *đánh*, với đám cưới có đủ mặt Phật Tiên nhóm họ, kì lân sư tử đưa dâu...) — *thường khởi đầu bằng sự hiểm muợn đi cầu con và được trời cho như ý* — (*Thơ Trần Minh* với Trần Công, Thị Vệ đến am vân. *Thơ Dương Ngọc* với Minh Vương và thần dân đồng lòng bố thí trị trai để hoàn nguyện. *Thơ Nam Kinh, Bắc Kinh* với quốc vương sai quan lên sơn am lạy trời cầu tiên...) — *và thường là kết luận bao giờ cũng có hậu, rất có hậu, để tỏ rõ sự thưởng phạt công bình* — (Bằng cấp Trạng nguyên cũng như ngôi Vua và thần thiên lôi lúc nào cũng hình như được chực chờ hoặc hờm sẵn để thị hành định ước đó = Lâm Sanh, Trần Minh, Lang Châu, Thị Vệ, Lí Thông và Tào thị là chứng dân điển

hình về hưởng phước và thọ tội cho các nhân vật của thơ).

Nhưng độc đáo nhất không thể quên được là có một số thơ được phóng tác với một ý hướng khác, mới mẻ hơn và tác dụng cũng đặc biệt hơn. Nếu ý hướng sáng tác với mục đích tái tạo đã dẫn giảng ở trên thường đi vào lối mòn gần như là một khuôn sáo cố định, thì ý hướng sáng tác sau này phải được coi là như thật, là phản ánh đúng mức những sự kiện tâm lí và sinh lí của quần chúng dưới thời bị trị. Ý hướng sáng tác hay phóng tác đó phải được gọi đúng là ý hướng đối kháng thực dân. Người ta đã a ý cùng nhau, kẻ viết và người đọc, công khai ca ngợi những kẻ dám chống phá pháp luật, sát hại non mạng trong đó có cả đến Tây.

NGUYỄN VĂN HẦU

Kỳ tới: Những tác phẩm mang tính chất đối-kháng.

MỘT BỘ BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP từ năm 1957 đến 1973 (thiếu khoảng 20 số) gồm 44 tập, bìa carton, gáy simili-cuir. Giá 45.000đ. Giao tại 160 Phan Đình Phùng Saigon.

PHAN BỘI CHÂU

KHÔNG HỌC ĐẰNG

Di cảo giá trị và công phu nhất của cụ Sào Nam, trong đó cụ đưa ra những tinh hoa của n n Không học dẫn giải tất cả những phần cốt yếu trong bộ Tứ Thư, trình bày mạch lạc kèm theo những thí dụ xác thực ý nghĩa trong lời nói của Thánh hiền, đính chánh những chỗ chú giải sai lầm của các tiên nho.

Sách in khổ to, dày 800 trang.

CHU DỊCH

Bản dịch ra quốc văn của cụ PHAN BỘI CHÂU, lời giới thiệu của cụ Minh Viên HUỲNH THỨC KHÁNG

Toàn bộ in làm 2 quyển, khổ to,
tất cả dày trên 1200 trang

Hai bộ sách giá trị nói trên
đều có bày bán tại :

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ

62 Lê Lợi Saigon Đ.T 20.348

CẢI LƯƠNG, một khúc quanh hệ trọng trên chiến tuyến văn hóa

Nói tới miền Nam tức phải nói tới Đờ Chiêu. Nói tới miền Nam còn phải nói tới đồng rộng sông dài, nơi đây người lưu dân từ miền Trung khô cằn vừa đặt chân đến đã thấy lòng mình xao xuyến trước cảnh trời nước bao la đề rồi mấy trăm năm sau, vùng đất sinh lầy nhờ sức cần lao nhẫn nại của người nông dân đã biến thành cảnh ruộng vườn tươi tốt, nên thơ với những câu hò ngọt lịm của miền Nam thân yêu. Nhưng nói tới miền Nam còn phải nói tới Cải lương, phải biết thưởng thức Cải lương, một bộ môn văn nghệ xuất phát từ quần chúng và cho tới nay vẫn còn đất đứng trong sinh hoạt của quần chúng. Thậm chí hồi tiền chiến, Cải lương tiến ra Bắc, thu hút được cảm quan người Bắc đề rồi miền Bắc cũng có gánh hát Cải lương và người miền Bắc cũng mê Cải lương như người miền Nam. Cải lương là chiếc cầu giao cảm nối tiếp hai miền giữa lúc con đường xe lửa xuyên Việt trước năm 1945 vẫn là phương tiện nối liền Hà-nội — Sài-gòn của đất nước Việt-Nam thống nhất về nhiều phương diện. Như vậy Cải lương ngoài nhân-bản-tính còn tràn đầy dân-tộc-tính.

Điều không ai ngờ là sự ra đời của Cải lương đánh dấu chặng đường thứ hai của phong trào duy-tân tại miền Nam. Chặng thứ nhất khởi

phát từ năm 1901 với sự ra đời của tờ Nông-cổ mìn-dàm và tàn lụn vào những năm xảy ra thế-chiến thứ nhất bên trời Âu. Chặng thứ hai kéo dài từ năm 1917 với sự xuất hiện của sân khấu Cải lương cho đến năm 1923 là năm ra đời của tờ La Cloche fêlée do Nguyễn An Ninh chủ trương. Kể từ năm này, miền Nam chuyển mình sang thế đứng khác trên con đường chống bạo quyền xâm lăng mà các tư tưởng về tự do, dân chủ, dân tộc được nhìn qua lăng kính của những thanh niên yêu nước được đào luyện tại các trường Pháp hoặc từ Pháp trở về.

Ngoài ra, sự ra đời của Cải-lương cho thấy sự kết hợp chặt chẽ giữa giới trí thức được huấn luyện từ các trường Tây và giới bình dân dồi dào sáng tạo, lúc nào cũng muốn thoát ly khỏi cảnh ao tù do thực dân áp đặt trong cuộc sống của người dân bản xứ. Sự kết hợp ấy đã tạo cho Cải-lương một vị-thế đặc thù mà chúng ta không tìm thấy ở các bộ môn khác trong phong trào duy tân tại miền Nam.

Vì dễ rung cảm quần chúng cho nên Cải lương lúc khai sinh đã góp phần đắc lực vào công cuộc duy tân xứ sở. Tuy nhiên nó là con dao hai lưỡi : nó vừa bám rễ sâu trong lòng quần chúng, vừa bị thực dân lợi dụng đề ru ngủ quần chúng trong

chánh sách nư dân. Cho nên Cải lương cần được nghiên cứu tường tận ngõ hầu trả lại cho Cải lương một vị trí xứng đáng trong lịch sử kịch nghệ nước nhà và làm sáng tỏ cái phần dân tộc của bộ môn sân-khấu cho tới nay vẫn còn và chắc chắn sẽ còn ăn khách trên đất nước chúng ta.

Trong khi khảo cứu, chúng tôi nhờ tới ba tài liệu thật quý giá; toàn bộ bản phúc-trình chánh-trị suốt năm 1917 của Thống-đốc Nam-kỳ gửi Toàn quyền Đông-dương, bản phúc trình ngày 15-9-1917 của Toàn quyền Đông dương gửi Bộ trưởng Thuộc địa lên hệ đến sự ra đời của tạp chí Nam Phong và bộ Nông cổ mìn đàm năm 1917, đặc biệt trong tạp báo này bài diễn văn của ông Lương Khắc Ninh đọc đêm 28-3-1917 tại nhà hội của Hội Khuyến-học Nam-kỳ về hí nghệ Cải-lương. Ba tài liệu trên chẳng những giúp ta xác định năm chào đời của Cải lương mà còn giúp ta thấy rõ ý-thức chánh-trị của các thức-giả trong Nam cùng ý đồ đen tối của chánh quyền thuộc địa lúc bấy giờ trong sự hình thành và phổ biến lối hát Cải-lương.

Tình-hình chánh-trị tại Nam-kỳ năm 1917

Từ đầu thế kỷ 20 đến năm 1917, tại Nam kỳ xảy ra hai biến cố rất quan trọng trong cao trào chống xâm lăng tại miền Nam: năm 1913 vụ Phan Xích Long nổi dậy và năm 1916 vụ phá khám lớn Sài-gon. Hai vụ này đều có liên hệ mật thiết với

Thiên-địa-hội (1).

Thế-chiến thứ nhất 1914 — 1918 ảnh hưởng rõ rệt đến chánh-sách của thực dân Pháp tại Đông-dương. Trong phúc trình gửi cho Bộ-trưởng thuộc-địa ngày 15-9-1917 liên hệ đến sự ra đời của tạp chí Nam phong, chúng ta thấy rõ sự thay đổi đường lối cai trị của Toàn quyền Albert Sarraut :

« Sau ngày Thế-chiến bùng nổ, sự cần thiết phải nắm lấy dư luận quần chúng bản xứ do sự tuyên truyền thích hợp, có phương pháp và thường xuyên trong lãnh vực thông-tin đã đem lại từ nhiều năm qua tại Viễn-đông một tiến bộ đáng kể. Sự tuyên truyền thâm hiểm của Đức đã xâm nhập sâu rộng vào quần chúng An-nam qua trung gian của chữ Nho.»

Cũng trong bản phúc-trình này, nhà cầm quyền thuộc địa tỏ ra lo sợ trước ảnh hưởng sâu rộng tư tưởng bài Pháp của Khang Hữu Vi.

« Mới đây, một trong những công tác viên của tôi, sau khi viếng thăm các tỉnh thuộc miền Bắc Trung-Kỳ, đã xác nhận tại các gia đình Nho-sĩ, trong tủ sách của họ, các tác phẩm ngoại quốc phổ biến ở đây đều không nói gì đến Pháp hoặc chỉ giữ những lời phẩm bình bất lợi cho Pháp. Và những tác phẩm của Khang

(1) Xem Vụ án Thiên-địa-hội năm 1882 và cuộc diện chánh-trị Nam-kỳ cuối thế kỷ 19, cùng tác giả, sắp đăng trên Bách-Khoa.

Hữu Vi tiếp tục được miễn chuộng nhiều và lưu hành trong thuộc địa mặc dầu chánh phủ cấm đoán nhập cảng các loại sách Trung-hoa.»

Nhằm chống lại ảnh hưởng của Đức và với chủ đích Pháp-hóa giới trí thức trẻ bản xứ được huấn luyện từ các trường học thuộc địa, nhà cầm quyền không ngớt ca ngợi những công trình của thực dân tại Đông-dương và đặc biệt, trong chiều hướng ru ngủ giới trí-thức trẻ, ngoài việc bãi bỏ chữ Nho và mở Đại-học Hà-nội, thực dân đã bảo trợ cho ấn hành ngoài Bắc tạp chí Nam-Phong do Phạm Quỳnh chủ trương (1917) và trong Nam, Đại-Việt tạp-chí của Hồ Biểu Chánh (1918).

Ngoài ra cuối năm 1916 tại Trung-hoa, tình hình văn học sôi động với nhóm Trần Độc Tú, Hồ Thích, Tiền Huyền Đồng. Tháng giêng năm 1917, trên tạp chí Tân Thanh-niên, Hồ Thích tung quả bom đầu cho phong trào tân văn-hóa tại Trung-quốc: đó là bài *Văn học cải lương số nghị*.

Bài văn này chắc chắn gây một tiếng vang không nhỏ trong giới sĩ phu nước ta lúc bấy giờ. Nó mang luồng gió mới cho làng báo Nam-kỳ. Diễn hình là tờ Nông-cổ mìn-đàm năm 1917 với chủ bút là Nguyễn Chánh Sắt không ngớt cổ xúy các vấn đề sau đây:

— Cải lương nông nghiệp qua loạt bài «Thiệt nghiệp yếu luận» của Tân-châu Nguyễn Chánh Sắt.

— Cải lương tập tục qua loạt

bài «Cải lương tiểu quai» của Vinh-an-hà, Du-nhiên-tử tức bút hiệu của Nguyễn Chánh Sắt.

— Cải lương nếp sống của phụ nữ qua loạt bài «Nữ giới chung» của Madame Nguyễn Tử Thức.

— Cải lương văn-học qua loạt bài «Văn học thời đàm» của Hồ Biểu Chánh.

— Cải lương giáo dục qua loạt bài «Việt nam giáo dục luận» của Hồ văn Trung tự Biểu Chánh.

— Cải lương cách dựng tiểu thuyết qua truyện dài «Nghĩa khí tình si» của Trần Phát Văn mà đề tài rút từ cuộc sống thường ngày của giới bình dân (1).

Và đặc biệt toàn tập Nông-cổ mìn-đàm năm 1917 cổ xúy cho việc cải lương kịch nghệ miền Nam qua các bài của Lương Khắc Ninh, Nguyễn Chánh Sắt, Trần Phát Văn, Hồ Biểu Chánh mà chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau.

Nhưng tình hình Nam-kỳ năm 1917 thế nào qua bản phúc trình chánh trị của Thống đốc Nam kỳ gửi Toàn quyền Đông dương?

Bản phúc trình bằng Pháp-văn gồm 4 tập, mỗi tập là bản báo cáo cho từng tam-cá-nguyệt về mọi vấn đề liên hệ đến sinh hoạt người dân Nam-kỳ. Theo bản phúc trình, mặc dầu nhà cầm quyền thẳng tay đàn áp vụ phá Khâm lớn Sài gòn năm

(1) Xem Những tiểu thuyết đầu tiên viết bằng quốc ngữ tại Nam kỳ, cùng tác giả, sẽ đăng trên Bách Khoa.

1916 và bắt bớ tất cả những người tình nghi dính líu đến vụ nổi dậy này, các hội-kín vẫn hoạt động lẻ tẻ tại một vài nơi ở Nam-kỳ như ở Long-xuyên và Châu-đốc. Bản phúc trình tam-cá-nguyệt thứ ba có ghi lại lời báo cáo của tham-biện Châu-đốc, nơi mà hội kín mang màu sắc tôn giáo còn hoạt động mạnh nhất từ hồi đầu năm 1917 :

« Tại Châu-đốc cũng như tại nơi khác và có thể hơn ở các chỗ khác vì người dân Châu-đốc chất phác và dốt nát hơn cho nên người ta ghi nhận có hội kín là nơi gặp gỡ không phải của những kẻ bất mãn mà của một vài đầu óc xiu xa và của những kẻ lầm lỗi gây rối loạn. Họ trú ẩn nhất là trong vùng Tân-châu và dưới chân núi Tri-tôn, nơi đây có một vài kiềng chùa được người ta biết tới. Suốt ba tháng nay không có báo cáo về một cuộc họp nào của những người tình nghi hoặc một dấu hiệu nào cho thấy cuộc bạo động của họ. Ngoài ra không có chi cho thấy các hội này có thể được thành lập với một mạng lưới khởi loạn, các hội này không gì hơn là những nhóm trộm cướp và ca hát mà chủ đích là khai thác các nông dân dễ tin ».

Bản phúc-trình tam-cá-nguyệt thứ tư ghi nhận nhà cầm quyền thực dân tiếp tục thi hành cách sách khủng-bố. Ba tháng cuối năm 1917 chứng kiến nhiều vụ bắt bớ, khủng bố diễn ra khắp Nam-kỳ. Vụ đàn áp mạnh bạo nhất xảy ra tại Mò-cày (Kiến-hòa) chỉ vì tại đây có

nhiều người liên hệ xa gần với hội kín. Bản án nặng nhất trong thời kỳ này dành cho nhà sư Cao-văn-Long tự Bảy Do. Ông chánh gốc ở Thất-sơn, tu luyện lâu năm, xuống núi cứu đời, đưa mạng linh, phát bùa chú cho các tín đồ có liên hệ mật thiết với hội kín. Dân chúng ở Châu-đốc xem ông như một bực thánh sống. Cuối cùng, ông bị nhà cầm quyền thực dân bắt và khép vào tội mưu phản và làm loạn.

Tuy nhiên, bản phúc trình nhìn nhận đàn áp chưa đủ mà nhà nước cần phải thiết lập một cơ quan an ninh chánh trị nhằm ngăn ngừa các vụ bạo động có thể xảy ra. Bản phúc trình tam-cá-nguyệt thứ hai ghi :

« Người ta không chối cãi là phải thiết lập tại xứ này một cơ quan an ninh chánh-trị nhằm thực hiện một sự thanh sát phòng ngừa. Sự đàn áp cứng rắn nhất luôn luôn không đầy đủ, chỉ có thể kêu án với những hình phạt dành cho các sự việc đã làm rồi. »

Với chủ đích củng cố guồng máy cai trị, đưa vào bản phúc trình, nhà cầm quyền chỉ thị cho cảnh sát và công an siết chặt sự kiểm soát từ thành thị đến nông thôn. Đặc biệt đề tạo một bầu không khí mới qua chiêu bài canh tân, chánh quyền thực dân chỉ thị sửa đổi nghị-định ngày 27-8-1904 để thay đổi một phần cơ cấu tổ chức làng xã tại miền Nam.

Bản phúc-trình nhận định tiếp : « Rõ ràng nếu chúng ta thiết lập ở đất nước này nhiều cơ quan cảnh sát

khác nhau, cần cho việc giữ gìn an ninh công cộng, thì nhờ đó chúng ta sẽ củng cố được vị thế chính trị của chúng ta và tạo dựng một bầu không khí yên ổn và đầy tin tưởng thuận lợi cho việc phát triển công trình đi khai hóa của chúng ta. »

Qua bản phúc-trình tam-cá-nguyệt thứ tư, Thống-đốc Nam-kỳ khoe với Toàn-quyền Đông-dương là cơ quan mật thám Nam-kỳ đã được tổ chức lại trong một thời gian kỷ lục ngõ hầu đáp ứng đúng mức yêu cầu của tình thế. Nhờ đó, mọi sinh hoạt của người dân bản xứ đều bị kiểm soát chặt chẽ. Chắc chắn trong sinh hoạt ấy phải có sinh hoạt báo chí và kịch nghệ, hai bộ phận hệ trọng trong việc tác động tâm lý quần chúng.

Bản phúc trình tam-cá-nguyệt thứ hai cho biết tình hình báo chí tại Nam kỳ trong năm 1917 :

« Gần đây các tờ báo An-nam phát triển, người ta đếm có ít nhất 7 tờ báo tại Nam-kỳ, nhưng đáng chú ý nhất là các ấn-loát-phẩm cũng gia tăng. Ngoại trừ các tờ báo *Semaine religieuse* và *Moniteur des provinces* không thay đổi đường lối, các tờ báo khác đều đề cập tới các vấn-đề liên hệ đến việc phát-triển thể-chất và tinh-thần của dân An-nam. Sự tuyên truyền đáng ca ngợi nhất là khuyến khích giới trẻ đi vào các ngành tự do, các nghề tay chân và thương trường đã đến lúc phải thoát khỏi bọn con buôn Tàu »

Tuy nhiên, theo bản phúc trình

thì trình độ báo chí bản xứ chưa lấy gì làm khả quan. Ý tưởng trong các bài báo thường trình bày một cách phò quát, có một đặc điểm mà nhà cầm quyền chỉ-thị cho sở mật-thám Nam-kỳ theo dõi đặc biệt : đó là sự đòi hỏi canh tân trên báo chí An nam năm 1917.

Và chính trong bối cảnh chính trị ấy của năm 1917, mà kịch nghệ cải lương hay nói tắt là cải lương ra đời, ghi nhận sự kết hợp tài tình tinh thần Âu-Tây trong lối diễn xuất, đặt tuồng, trang trí sân khấu y trang và mức rung cảm sâu đậm của cổ nhạc qua các bài *Tứ-đại-oán*, *Vọng cổ* vv...

Xác định năm ra đời của Cải lương

Khi đề cập tới năm ra đời của Cải lương, ông Vương-Hồng-Sên trong cuốn « Năm mươi năm cải lương » và ông Trần văn Khê trong cuốn « *La musique Vietnamienne traditionnelle* » đều cho rằng năm sanh của Cải-lương là 1918. Riêng ông Trần-văn-Khải trong cuốn « *Nghệ-thuật sân-khấu Việt-nam* » viện-dẫn nhiều chứng liệu cho thấy Cải lương chào đời năm 1917. Tuy nhiên cả ba ông không trưng ra các tài liệu cụ thể nào.

Rất may trong khi đi tìm tài liệu nghiên cứu thời kỳ đầu văn học quốc ngữ tại miền Nam, chúng tôi tìm được trọn bộ *Nông-cổ mìn-đàm* năm 1917. Trong tập báo này có một số bài rất quý giá liên-hệ đến năm ra đời của Cải lương cũng như các hoài bão cao xa mà giới trí-thức

Nam-kỳ thời đó nuôi nấng về sân khấu Cải-lương.

Đề giúp bạn đọc nhận định rõ tiến trình của sân khấu Cải lương, chúng tôi xin tổng thuật theo thứ tự thời gian các bài báo có liên hệ ít nhiều đến bộ môn văn-nghệ này.

Ngày 11-2-1917, tại rạp hát bóng Casino (Mỹ-tho) có tổ chức buổi hát bóng quyên tiền giúp hội Hồng-thập-tự (1). Có điêm là hát bốn: một chặp rồi nghỉ trong giây lát. Trong thời gian này, đề làm vừa lòng khán giả, các nhạc sĩ lên sân khấu đờn và hát các bản nhạc Tây-phương.

Ngày 8-3-1917, Ban Hội-tề làng Điều-hòa (Mỹ-tho) tổ chức cuộc hát Tây tại nhà việc để cầu tiền giúp cho nhà Dưỡng đường của người An-nam tại Marseille (2). Theo lời báo tường thuật, cuộc hát có kếp hát danh tiếng từ Sài-gòn xuống giúp, lại có giàn nhạc ở Mỹ-tho. Chương trình gồm toàn các bài hát Tây, gần chót có mục: ca và đờn An-nam.

Ngày 28-3-1917 mới thật sự đánh dấu ngã rẽ của kịch-nghệ miền Nam vì ngày này, với bài diễn thuyết của ông Lương-Khắc-Ninh về hí-nghệ cải-lương tại nhà hội của Hội Khuyến-học Nam-kỳ đường Aviateur Garros nay là Thủ-khoa Huân, quần chúng trong Nam bắt đầu chú ý tới sự đổi mới của kịch-nghệ mà trước đây, họ chỉ được thưởng thức riêng rẽ hoặc giả hát bội, hoặc giả đờn bản trên bộ ván, hoặc giả xem chiếu bóng có xen kẽ các bài hát Tây, các

bài hát ta. Buổi nói chuyện của ông Lương-Khắc-Ninh (3) được tường thuật đầy đủ trên báo Nông-cò mìn-đàm số 12 năm thứ 16 ra ngày 19-4-1917.

Chúng tôi chưa tìm được nguyên văn bài diễn thuyết của ông Lương-Khắc-Ninh về hí-nghệ Cải-lương. Bài tường thuật trên báo Nông-cò mìn-đàm tạm đủ giúp ta hiểu được các phần chánh yếu của bài diễn-thuyết.

Dựa vào các báo Việt-ngữ năm 1916, 1917 như Nông-cò mìn-đàm, Lục-tỉnh tân-văn, chúng ta có thể nói ông Lương-Khắc-Ninh với bài diễn-thuyết trên là người đầu tiên đề cập tới vấn-đề Cải-lương Kịch-nghệ nước nhà.

Buổi diễn-thuyết bắt đầu lúc 8 giờ đêm 28-3-1917 với sự có mặt các ông Bùi Quang Chiêu, Diệp Văn Kỳ, Lê Thành Log... Mở đầu, nhân danh Hội trưởng, ông Bùi Quang Chiêu cho biết Hội Khuyến-học lập ra chẳng những khuyến khích Văn-chương mà còn đốc sức quần chúng tham gia và cải tiến các ngành nông thương kỹ nghệ. Theo ông Chiêu, hí-nghệ là một nghề cần được cải lương.

Ông Lương Khắc Ninh phiên trách tình trạng bệ rạc của nghề hát ở nước ta. Quần chúng thích đi

(1) (2) Nông-cò mìn-đàm số 6 năm thứ 16 ngày 8-3-1917.

(3) Về tiểu sử của ông Lương Khắc Ninh, xin xem: Nguyễn Duy Oanh, Tỉnh Bến tre, Saigon 1971. tr. 345.

xem hát nhưng không bao giờ trọng vọng người đi hát. Đã vậy, các bầu gánh chỉ biết lo thủ lợi, chớ không nghĩ cải tiến nghề hát. Đào kép đi hát lại nghèo, thường bị bầu gánh bóc lột.

Bài báo viết:

« Ấy là cuộc hát kim thời, ngài (chỉ ông Lương Khắc Ninh) tưởng rằng nếu muốn cải lương, chẳng phải bắt bọn đó (tức đào kép) mà cải lương.

« Muốn cải lương phải làm sao? Theo ý ngài, người An-nam ta chẳng phải thông minh hơn các nước, song có đủ lực mà hành sự. Như văn chương Lang-sa là khó, mình học được, bác-vật, có người học rồi có lý nào, các môn học thức ấy ta theo Đại Pháp được mà nghề hát ta chẳng theo Đại Pháp được sao? Vậy thì làm vậy, phải có người biết học ra đi hát, chẳng phải hát tuồng xưa, không vẽ mặt không vẽ mày, cũng không ăn mặc lòe loẹt đồ đen như kép hát bây giờ đó. »

Bài báo ghi lại nguyên văn lời ông Lương Khắc Ninh kêu gọi giới trẻ tích cực tham gia vào việc cải lương sân khấu:

« Vậy tôi mong nhiều thầy trai trẻ có sở ăn sở làm mà đồng tiền còn hẹp, phải đến mấy nhà buôn mà xin làm đêm, làm giờ, chớ chỉ một ít thầy hiệp lại, nhưn công một tuần chừng ít giờ tập hát theo tân thời, trước là chơi, hạ là có tiền mà xài, ba là cải lương các điệu hát. Chuyện nói đây không phải khó, đó học trò

trường Taberd đến lúc phát phần thưởng nó ra hát theo Lang sa, bộ tịch như Lang sa. Rất đổi hát theo ngoại-quốc, trẻ em còn làm được, hà huống người An-nam mà hát An-nam không được sao? ».

Sau khi nghe ông Lương Khắc Ninh trình bày về hi-nghệ cải-lương, ông Diệp vấn Kỳ đứng lên cho rằng việc cổ xúy của ông Ninh không nhằm thời vì lúc này không phải là lúc mọi người nên chăm lo cải lương nghề nông và mở mang kỹ nghệ hơn là lo cải lương sân khấu. Theo ý kiến ông Kỳ, nghề hát không mấy ích lợi mà sửa chữa, mà cải lương thì sẽ gặp ba cái khó khăn sau đây được ghi lại trong bài tường thuật:

« Một là cuộc hát phải có nhạc, mà nhạc An-nam còn phải sửa, vậy ai là ông nhạc sư ra sửa nhạc? »

« Hai là tuồng đặt xưa nay thì là dùng văn chương, dùng quốc tự. Vậy nay muốn sửa lại, ai là ông văn nhân ra đặt tuồng? Ai là ông Corneille, ai là ông Molière? (Hai ông này là hiền-sĩ đại danh bên Pháp, đặt tuồng rất hay, sanh nhằm thế-kỷ 17. Ông Molière lại là kép hát danh tiếng).

« Ba là hát phải có đào, có kép. Như ngài diễn thuyết cho anh em chúng tôi ra làm kép, vậy ai ra mà diễn thuyết cho bọn nữ lưu làm đào? »

Ông Lương Khắc Ninh trả lời về việc cải lương nghề nông đã có nhà nước lo liệu rồi. Ông nói tiếp:

« Nói qua nhạc thì xin bài nhạc đi. Đây tôi tính hát tiếng thường, không ham khách gì nên không kể đến nhạc. Hát tuồng giều mì răng đời (c. m. é. d. e. s) thôi.

« Luận câu hỏi ai là Corneille, ai là Molière thì không ai cả. Xét cho kỹ hai ông ấy là danh sĩ theo thời ấy mà thôi. Nam-kỳ ta cũng có người, tuy chẳng được như Corneille, Molière, chứ cũng đặt đề cho bực trung trung hiểu được. Chẳng phải đặt cao kỳ, mắc mỏ chỉ cho người tầm thường khờ; hiểu thấu mà coi rằng khó. Đặt tiếng thường dùng như nói chuyện vậy, có khó gì đâu. »

Ông Diệp Văn Kỳ hỏi thêm ông Lương Khắc Ninh :

« Tại Nam-kỳ đây, tôi nghe ngài ra làm bầu đặng tân chế nghề hát mà ngài đã làm được điều chi rõ. đâu?... Nếu nghề hát mà thiệt là đạ ích cho nước, ắt đã có người sang Đại Pháp, mà du học việc ấy. Nhưng bởi nghề ấy không phải cần, nên người sang Đại Pháp chỉ học văn chương, bác vậ, lương y, luật khoa chứ không tưởng đến ca xướng. Lấy theo nghĩa chữ hát bộ thì tôi thiết tưởng người tử tế không dám dự đâu. Ngài muốn sửa nghề, xin ngài sửa cái tên trước đã. »

Ông Lương Khắc Ninh đáp lại là nghề hát cũng quan trọng như các nghề khác trong đời sống hàng ngày. Nhưng ông không khuyến dụ giới trẻ bỏ nhà đi theo hát, trái lại theo ý kiến ông, những lúc rảnh rang,

giới trẻ hát chơi cho vui, ông phác họa một vài nét chánh lối soạn tuồng cho sân khấu cải lương :

— « Còn như tiếng hát bộ, người xưa đặt vậy là vì kép hát nhảy nhót ra bộ, ra tịch. Sau lần lần ta nói trại ra là hát bội. Quốc dân đã quen dùng thuở nay, nên rất khó mà đặt tiếng mới.

« Bây giờ đây muốn đặt tuồng hát thì tôi chịu lãnh mà đặt, chẳng phải là dùng văn chương, dùng tiếng cao xa, dùng điệu nói lối thường cho mấy con mẹ bán cá nghe cũng hiểu được nữa. Mấy bôn tuồng của quan Tổng-đốc Cao-Hữu-Dực ở An-giang thiệt rất hay mà đời này chẳng còn mấy ông Nhiều mấy ông Tú nữa, cho nên dùng bất tiện, đời nào theo đời nấy. »

Ông Lương Khắc Ninh còn lo âu báo :

« Tôi đã đặt hiểm, mà chưa dùng nên chưa in ra bán. Nếu có hát thì tôi đặt chừng vài bữa rồi một bôn tuồng. »

Bài tường thuật của ông Lương Khắc Ninh đêm 28-3-1917 tại nhà Hội khuyến học Sài gòn về hí nghệ cải lương kết luận :

— Rốt lại, định ngày thứ tư 8 Avril (tức tháng 4) tựu lại nhà hội mà tính. Lương đại nhơn sẽ đặt tuồng đem lại, có nhiều thầy vui lòng vãng lời dạy của Lương đại nhơn đặt tuồng cho ăn với thời thế, cho trúng điệu văn chương, cho mỗi người đều nghe được. hiểu được, cho động lòng mỗi người

hầu cho mỗi người lấy đó mà răn mình.»

Tóm lại bài diễn thuyết của ông Lương Khắc Ninh có mấy điểm chính yếu sau đây :

— Ông Lương đi tìm một loại sân khấu thay thế hát-bộ, đó là sân khấu cải lương.

— Nhưng sân khấu cải lương theo ông Lương đặt trọng tâm vào hí kịch tức thoại kịch giễu đời.

— Sân khấu cải-lương từ lối viết tuồng cho đến diễn xiết, y trang đều hoàn toàn theo Pháp. Do đó không có cồng nhạc dùng để đệm và tuồng hát rút tía đề tài từ cuộc sống thực tại.

Những điểm chính yếu này là

cái mốc đánh dấu sự phát khởi của sân khấu cải-lương tại miền Nam. Sau bài diễn thuyết của ông Lương Khắc Ninh, phong trào cải lương rầm rộ đi về tỉnh và được sự hỗ trợ của nhà cầm quyền lúc bấy giờ.

Cuối năm 1917 và đầu năm 1918, sân khấu Cải lương do ông Lương Khắc Ninh đề ra, lại thoát xác đề rồi các bài ca được đưa lên sân khấu trong các vở tuồng gọi là Cải lương.

PHẠM LONG ĐIỀN

Kỳ sau : Cải lương qua lăng kính thực dân và Cải lương trên đường phục vụ văn hóa dân tộc.

« Tôi chưa được đọc « BÀI THƠ CHO AI » nhưng ít lâu nay có đọc lẻ tẻ vài bài trên mấy tạp chí, cũng đã thấy sức quyến rũ của ngôn từ, những éo le của cảm giác, những xúc cảm mãnh liệt của tâm hồn, một tâm hồn cô đơn mà « vô lượng », sống ở hải ngoại mà khắc khoải về quê hương, quần quai trong thực tế mà vẫn không quên hương thượng, bấy nhiêu đó được diễn ra bằng ngọn bút phong phú, sáng sủa, đầy nhạc điệu chơi vơi... »

Đó là một đoạn trích trong Tựa của Lãng Nhân cho tập

BÀI THƠ CHO AI

THI PHẨM THỨ BA CỦA
MINH ĐỨC HOÀI TRINH

BÁCH KHOA PHÁT HÀNH ĐẦU THÁNG MƯỜI 1974



Bổ máu Chuông vàng
Soluté B1, B12, Fer

FERAMIN

Mất máu — Đau mới khỏi — Ăn
không tiêu — Bần thần mỏi mệt

Viện bào chế TENAMYD

Đậy kỹ và giữ trong tối

thuốc ho viên

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm. suyễn
sưng cổ họng

ĐƯỢC TRI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cổ họng

Bán tại các nhà thuốc tây.

Ivan D. Illich

và chủ-trương « Hủy bỏ học-đường »



Ông Trần Trung Lương, tác giả bài này, và Ivan Illich

Ông. Các tư-tưởng cách-mạng của ông được đúc-kết trong 3 tác-phẩm chính sau đây : « Deschooling Society », « Celebration of Awareness », và « After Deschooling, What ? » Đọc xong 3 cuốn này và xem các bài tham-luận của ông trong các cuộc hội-thảo, quả thực chúng ta thấy các nhận-xét của ông về giáo-dục, giáo-hội Vatican, bạo-lực, những bất-công Bắc-Mỹ dành cho Nam Mỹ, tất cả đều gây xúc-động và khích-động, ý-tưởng có chiều sâu và văn-từ rất trí-thức và hùng-biện.

Illich là ai ?

Ivan D. Illich sinh năm 1926 tại Vienne. Cha người Nam-tư, Mẹ người Đức gốc Do-thái. Ông học thần-học và triết-học tại Đại-học Grégoire ở Roma và thụ-phong Linh-mục tại đây. Tòa-thánh Vatican thấy ông quá thông-minh nên định cho ông theo học trường Ngoại-giao của Tòa-thánh nhưng ông bỏ thủ-đô Giáo-hội, sang Hoa-kỳ, năm 1951 và tại đây ông đậu bằng Tiến-sĩ Sử-học Đại-học Salzburg. Ông coi xứ đạo Incarnation. Hồng-Y Spellman khâm-phục bộ óc của Illich nên

Trong lãnh-vực giáo-dục của thập-niên 60 vừa qua không có ai được nổi tiếng hơn Ivan D. Illich. Ông sáng chói hơn Marshall Mc. Luhan, Buckminster Fuller và trội vượt hơn cả những người có cùng huynh-hướng như Paul Goodman, John Holt và Edgar Friedenberg. Các bài báo trong Time, Saturday Review, New York Review of Books, New York Times và các phương-tiện truyền-thông bên Hoa-kỳ cũng như các báo Esprit và Temps Modernes bên Pháp, tất cả đã mang vòng hoa « cách-mạng » đội lên đầu

đã vận động với Vatican phong-chức Monseigneur cho ông lúc ông mới 29 tuổi. Hằng ngày sống giữa giáo-dân nghèo-khò, xứ Incarnation ở phía tây New York, và dân-chúng đều là gốc dân Ái-nhĩ-lan và Puerto Rico. Đám dân đen đói rách này bị kỳ-thị ngay trong thành-phố Nữu-ước đã làm ông bỏ hẳn hàng-ngũ giáo-hội Mỹ giàu có. Từ 1956 đến 1960 ông làm Phó Viện-trưởng Đại-học Công-giáo Puerto Rico. Cùng với hai thân-hữu Feodora Stancioff và Gerry Morris, Illich thiết-lập Trung tâm truyền bá

văn-hóa Nam-Mỹ tại Cuernavana, Mexico. Trung-tâm này có tên là CIDOC (Center For Intercultural Documentation). Đây là một thứ Đại-học tự-do, và nổi tiếng nhất về những khóa hội-thảo giáo-dục và huấn-luyện tiếng Tây-ban-nha. Tại đây học-viên chỉ cần học 3 tháng là biết nói ngoại-ngữ này rất trôi chảy. Học-sinh trung-học hiện nay trên khắp thế-giới đều phải học ít nhất một ngoại ngữ, nhưng sau 6 hay 7 năm Trung-học, học sinh đa số vẫn không nói trôi chảy. Đây là một trong nhiều nhược-điểm mà chế-độ học-đường hiện-đại mắc phải, nó làm tổn hao nhiều nhân lực, tài-lực và thời giờ mà kết-quả là « số không » nếu so sánh với kết quả 3 tháng học tại CIDOC. Illich rất tự hào về điểm này.

Illich là người chống-đối giáo-hội Vatican kịch liệt, nhất là sau thông-điệp Humanae Vitae. Ông kết-án Vatican đã sai-lầm trong cơ-chế tổ-chức giáo-hội. Ông cho rằng giáo-hội đúng ý nghĩa của Chúa là toàn-bích (Church-as-She), còn giáo-hội theo cách lãnh-đạo sai lầm của Vatican đã bị lệch hướng (Church-as-It). Ông đã trả chức Linh-mục và chức Đức-Ông cho Vatican, tuyên bố bỏ giáo-hội sai lầm Vatican nhưng vẫn giữ đạo chính tông của Chúa và quyết sống độc-thân. Sau khi đả-kích Vatican đủ rồi, ông dành thời giờ cho các vấn đề trong xã hội. Và giáo-dục đã là cái đích để ông khảo cứu và rồi sau đó ông dùng hết khả-năng để đả-kích học đường hiện-đại.

Quan điểm của Illich về giáo-dục

Cũng như ông đã đả-kích giáo-hội Vatican đi sai đường, bây giờ ông lại kết-án học đường theo cơ-cấu tổ chức hiện đại đã đi sai đường giáo-dục. Học đường hiện nay chỉ là một trong nhiều giải-pháp đem kiến thức đến cho con người, nhưng học đường hiện nay đã lỗi thời, không được phép giữ vai trò độc-tôn trong vấn-đề giáo-dục. Ông không chủ trương canh-tân iê-iôi giáo-dục hiện có vì ông bảo như vậy vẫn còn trong vòng lẩn quẩn. Phải đập bỏ học đường hiện tại vì ý nghĩa giáo-dục đích-thực (Education as-She) đã bị học-đường hiện-tại (Education-as-It) làm lệch lạc.

1/ *Illich đả kích học-đường hiện nay như sau :*

* Cường bắt trẻ em tới trường là như bắt chúng trèo lên một cái thang mà trên cùng không dẫn tới đâu cả (open-ender ladder). Việc cưỡng bách đi học không tạo thêm sự bình đẳng cho mọi học-sinh, trái lại chỉ tạo nên sự có lợi cho những em được may mắn bắt đầu sớm hơn, khỏe mạnh hơn, có cha mẹ anh chị chuẩn bị cho từ trước.

* Cường bách giáo-dục làm chết đi cái ý muốn tự học (self-motivated)

* Kiến-thức đã bị học-đường coi như một món hàng đóng từng hộp, hay như món ăn đã nấu chín trước, đem bán ở lớp học.

* Ngoài ra ông chỉ trích mãnh-liệt cái uy-quyền của học-đường. Ai

cũng mặc nhiên công-nhận rằng chỉ có nhà trường mới có thẩm quyền chuẩn-bị cho ta vào đời, chỉ những gì nhà trường dạy mới có giá-trị còn những gì học ở ngoài học-đường thì vô-giá-trị hay không cần-thiết. Cái uy-quyền ấy bắt trẻ em ở khắp nơi, ở vào lứa tuổi nào đó, phải tới trường, phải vào lớp, phải chịu quyền cai-trị của ông thầy và mỗi năm phải học từ 500 tới 1000 giờ. Còn ông thầy, một khi đã tốt-nghiệp trường đào-tạo thì đương-nhiên có quyền muốn dạy cái gì và dạy thế nào cũng được; ông độc-tài, hách-dịch, nông cạn, điều đó không quan-trọng, điều quan-trọng là học-sinh phải biết rằng sự giáo-dục chỉ có giá-trị nếu được học theo một thứ-tự lớp lang mà nhà trường đã định sẵn, rằng sự thành-công mai sau trong xã-hội sẽ tùy-thuộc vào số-lượng chữ nghĩa học được ở nhà trường. Nhà trường là nơi giữ « bí-mật nhà nghề », chỉ ông thầy mới có quyền hé mở dần dần. Nhà trường tự cho mình sứ-mạng cao cả là ban-phát sự khôn-ngoan mà thực ra nhiều điều khôn-ngoan chúng ta đã học được ở ngoài đời.

Illich còn chỉ trích học-đường ở điềm xã-hội đã coi nó như « con bò thánh ». Học-đường đã không đáp-ứng được các nhu-cầu thiết-yếu của của con người, thế mà học-đường còn đánh lừa chúng ta, cho chúng ta những ảo-tưởng về tiến-bộ, sản-xuất, hữu-hiệu, nhiều lợi-tức và coi đó là cái thước đo giá-trị của đời sống đích-thực... Học-đường đã phạm lỗi, lầm lớn khi biến sự học, tự nó là

một hoạt-động linh-động thành một món hàng bất-động, để rồi tự cho mình độc quyền bán, và học-sinh đương-nhiên trở thành người tiêu-thụ. Học-đường đã cho người ta quan-niệm rằng càng học nhiều ở trường thì kho kiến-thức càng lớn. Chính học-đường đã đứng ra qui-định trật-tự địa-vị trong xã-hội: người học càng nhiều ở trường thì càng được xã-hội cho nhiều ưu-đãi, Illich gọi độc-quyền phân-phát kiến-thức này là chủ-nghĩa tư-bản kiến-thức (knowledge-capitalism), và các nước kỹ-nghệ đều chấp nhận chủ-nghĩa này và coi như kim chỉ-nam để phân-phối công-việc và lợi-tức.

2/ Illich đả-kích mọi giải-pháp canh-tân

Theo Illich, ông tổ của học-đường hiện tại, là Giám-mục Tin-lành-giáo, John Armos Comenius (1592-1670), người Tiệp-khắc. Ông tổ này đã theo phương-thức luyện-kim ngày xưa để chế-biến ra các cấp bậc của học-đường. Comenius coi học-đường là nơi dạy mọi sự khôn-ngoan cho mọi người. Nhưng học-đường hiện nay đã không chuẩn-bị con người để đi vào một thế-giới khoa-học mà con người làm chủ vũ-trụ. Các nhà giáo-dục cũng nhận ra những khuyết-điểm của học-đường nên đã đề ra những giải-pháp canh-tân tóm tắt như sau:

— cập-nhật-hóa chương-trình, bỏ một số môn, thêm vào một số môn hợp thời-trang như: tân chủ-nghĩa, thực-dân, phong-trào phụ-nữ giải-

phóng, giáo-dục sinh-lý, kế-hoạch-hóa gia-đình...

— cho học-đường được tự-do (free schools), nhà trường tổ-chức ra sao cũng được, ông thầy dạy thế nào cũng xong, học-trò học cái gì và học ra sao cũng đều tốt.

— cho áp-dụng những kỹ-thuật tối-tân : dùng máy-dạy-học, truyền-hình và truyền-thanh dạy học, dùng computers, dùng máy chấm thi...

Illich cho những giải-pháp canh-tân trên đây là vá-víu và lẩn-quẩn vì chỉ tạo ra những thiếu-số chuyên-môn, rồi lại tru-đãi nhóm này, chuyên-môn-hóa hết mọi ngành, kiến-thức trở thành món hàng đắt tiền chỉ nhà giàu mới mua được, ngoài tầm tay của đại-đa-số. Trong hệ-thống giáo-dục hiện-tại, càng mở nhiều ngành học (tưởng rằng đáp ứng nhu-cầu) càng chuyên-môn-hóa một thiếu-số. Bằng sáng-chế được pháp-luật bảo-vệ, bí-mật nghề-nghiệp được hội-viên bảo-mật và các nhóm chuyên-viên mặc-nhiên móc nối với nhau. Ông ra ví dụ : các hộp thuốc hiện nay chỉ còn mang tên thuốc và một vài bí-số, không còn in những lời chỉ-dẫn, dược-sĩ chỉ bán thuốc theo toa y-sĩ, và chỉ có y-sĩ mới có đủ thẩm-quyền định bệnh và cho toa. Chính ông là nạn-nhân của thiếu-số chuyên-môn này. Một hôm ông bị cảm nhẹ, ông biết chỉ cần vài viên thuốc thông-thường là khỏi, nhưng các dược-phòng đã từ-chối bán thuốc vì không có toa y-sĩ.

Những giải-pháp thay thế học đường của Illich

1) Xã-hội phải bảo-đảm :

—a. không kỳ-thị về việc làm đối với bất cứ ai đã không theo một học-trình nào đó. Phải xét theo khả-năng thực tế.

—b. không kỳ-thị trong việc hành-nghề

—c. mọi người có quyền sử-dụng đồng đều những tài-nguyên chung dùng cho việc học

2) Đặt tiêu-chuẩn cho việc sản-xuất máy-móc :

Không được sản-xuất những loại máy đắt tiền. Các dụng-cụ cơ-khí phải dễ chế-tạo, dễ sửa chữa, dễ sử-dụng, dễ bảo-trì, phải bền-bỉ và vừa túi tiền của mọi người. Ông cho cày máy (tractors) là một quái thai của cơ-khí vì quá mắc tiền đối với đa-số nông-dân : máy tuy có sức mạnh nhưng đòi người lái phải học, cần phải có chuyên-viên bảo-trì và sửa chữa, như vậy cày máy gián-tiếp vẫn lệ thuộc vào một thiếu-số chuyên môn là sản-phẩm của học-đường

3) Học thế nào ?

—a. phải làm sao cho mọi người có thể tới gần những nguồn cung-ứng kiến-thức (Sách, báo, dụng-cụ căn-bản...). Những thứ này phải rẻ, hình thức đơn sơ, đặt tại các thư-viện, phòng triển-lãm, viện bảo-tàng, những cơ-sở cho mượn. Tất cả những ai muốn tìm hiểu và muốn học đều có thể tới xem, mượn

miễn phí hay mượn với giá rẻ tại bất cứ chỗ nào và với bất cứ ai ở vào tuổi tác hay địa-vị nào. Những thứ nặng nề như phi cơ, nhà máy... thì phải dành mọi sự dễ dàng cho bất cứ ai thích quan-sát hay học đều có thể tới tận chỗ xem được.

—b. khuyến-khích trao đổi tài năng giữa những ai muốn dạy và những ai muốn học. Chẳng hạn có những văn-phòng để những ai có tài gì muốn trao đổi hay dạy thì tới đó ghi địa-chỉ và cho biết điều-kiện cũng mô-tả tài của mình, còn những ai muốn học thì cũng tới đó ghi nhu-cầu, điều kiện trao đổi hay trả tiền công và địa-chỉ. Văn-phòng loại này sẽ liên-lạc giữa những người muốn dạy và những người muốn học. Ai cũng có thể là thầy và chỗ nào cũng có thể là chỗ dạy.

—c. những ai muốn trình-bày một giải-pháp cho một vấn-đề gì thì phải cho họ cơ-hội để trình-bày.

Tạm thay phần kết-luận

Chúng ta không dám kết-luận về chủ-trương của Illich vì đây là một triết-lý giáo-dục mới, chúng tôi không dám tin rằng mình đã hiểu thấu-đáo. Theo nhận xét riêng của chúng tôi, Illich cực lực đả kích học đường hiện tại là đã làm cho xã-hội toàn-cầu trở nên phi-nhân, vì dành quyền-hành rộng lớn cho một số chuyên-viên mà nhóm này càng ngày càng trở nên bất-lực trong mọi lãnh-vực, nhất là lãnh-vực giáo dục.

Nam Mỹ là nơi ông hiện cư-ngụ đã trở thành bối-cảnh và là một

bằng chứng hùng-hồn cho các luận-thuyết của ông. Ông dùng hai xứ Bolivia và Cuba làm bằng-chứng rõ rệt nhất. Ông chê Bolivia vì xứ này dân gầy, đất nghèo, mà ham phát-triển học-đường theo các nước nhà giàu trong khi chính các nước nhà giàu đang sa lầy vì học-đường của họ. Bolivia dành một phần ba ngân-sách quốc-gia để phát-triển học-đường nhưng học-đường đã chỉ phục-vụ được một phần trăm dân số lớp trẻ trong lứa tuổi đi học. Ông ca-ngợi Cuba là nước có phước vị được lãnh tụ Castro khởi xướng cuộc cách-mạng văn-hóa. Vì nhận thấy các đại học trong nước không bao giờ cung ứng đủ chuyên-viên, và những người tốt-nghiệp thì có đầu óc bảo-thủ khư khư giữ địa-vị và quyền lợi của mình nên Castro đã ra lệnh chuyển tiếp và trước năm 1980, các đại học phải đóng cửa để toàn thể nước Cuba trở thành một đại-học mới, không theo khuôn mẫu của bất cứ nước nào, để toàn dân vừa được học, vừa làm vừa thành thạo. Cuba sẽ xây lại kim-tự-tháp giáo-dục, thay vì phát triển lên chiều cao (mà đỉnh tự-tháp sẽ là một nhóm chuyên-viên ưu đãi), kim-tự-tháp giáo-dục Cuba sẽ phát triển theo chiều ngang, sẽ nói rộng nền kim-tự-tháp. Nguyễn-văn-Trung chắc cũng ảnh-hưởng lập trường này nên ông đã viết trong giai-phẩm Bách-Khoa số D tháng 2-1974 như sau : « ... khi hòa-bình thực sự được lập lại, tạm thời đóng cửa tất cả các trường đại-học và trung-học đệ nhị cấp trong một năm để toàn thể giáo

sư sinh-viên cùng tìm, bằng cách tham-dự vào các công-tác xã-hội, văn-hóa, bình-dân giáo-dục khắp nơi (đô-thị, nông-thôn) và thông qua các công-tác đó, nêu vấn-đề, phê-phán gợi ý về việc học: học cái gì, học thế nào, học với ai, học để làm gì, dựa trên những nhận xét quan-sát kinh-nghiệm thảo-luận được tại chỗ, từ thực-tế... »

Tháng Tư năm 1972, Illich nhận lời sang tham-dự tuần-lễ hội-thảo về đề-tài: « Đi tìm những giải-pháp cho giáo-dục » do Trung-tâm INNOTECH tổ-chức tại Singapore. Lúc đó tôi là Ủy-viên giao-tế của Trung-tâm này. Tôi được hân-hạnh tiếp-xúc với Illich rất nhiều ngày. Ông dáng người cao đổng, khắc-khò, nhưng đôi mắt rất tinh-anh. Nói chuyện với các đại-diện giáo-dục của các nước thì ông không mấy thích-thú, nhưng nói chuyện với các học-viên của 8 nước đang ở Singapore để tìm một quan-niệm mới về giáo-dục và nói chuyện với các phóng-viên nhà báo thì ông thao thao bất-tuyệt. Ông trả lời, ông biện-luận, ông gây phản-ứng. Trong buổi lễ khai-mạc, ông ngồi ở hàng đầu nhưng nét mặt không hứng thú gì. Sau này ông nói nhỏ với tôi rằng ông thất-vọng vì những bài diễn-văn trống rỗng, những chiều-hướng của khóa hội-thảo đã được loan báo vẫn lần-quần trong kinh-đô của học-đường. Buổi trưa, ông không muốn ăn chung với các tham-dự-viên vì ông cho rằng da trắng thì thực-dân, da vàng thì « kinh-viện ». Ông bỏ tiền ra nhờ tôi

tổ-chức hai bữa ăn ở ngoài để ông có dịp tiếp xúc thẳng với học-viên tám nước đang được huấn-luyện tại Trung-tâm Innotech. Tôi xếp các học-viên Lào, Khmer và V.N. vào nhóm đầu. Ông vừa ăn vừa thảo-luận bằng tiếng Pháp, còn nhóm thứ hai gồm học viên các nước Indone-sia, Mã-lai, Phi-lật-tân, Singapore và Thái-lan, nhóm này vừa ăn vừa thảo-luận với ông bằng tiếng Anh. Illich thích thú về cách xếp đặt này lắm nên mỗi lần gặp lại đều cảm ơn hết lời. Bữa ăn nào ông cũng là người ăn trễ nhất vì có lẽ ăn là phần phụ, thảo-luận gây phản-ứng để chỉnh-phục cho triết lý mới của ông hay để học hỏi thêm mới là phần chính. Ban tổ-chức khóa hội-thảo dành trọn một ngày cho ông thuyết-trình. Ngày đó phòng họp đầy nghẹt, nhiều người không được mời nhưng vì nghe tiếng Illich nên đã đến thật sớm. Trong các buổi khác, sau mỗi bài thuyết-trình hay phát-biểu, ban tổ-chức phải dịch sang tiếng Pháp, nhưng trong ngày của ông, sau khi ông nói tiếng Anh, ông liền dịch ra ngay ra tiếng Pháp, không phải ông có ý khoe tiếng Pháp nhưng ông sợ người dịch làm phản ý của ông. Tôi chưa hề gặp một người Mỹ-châu nào nói tiếng Pháp trí-thức, hùng hồn và hay đến thế. Trong một buổi đi chung xe với ông, tôi hỏi ông về phương-pháp nào đã được áp-dụng cho khóa 3 tháng dạy tiếng Tây-ban-nha của ông tại Cidoc. Tôi có học về phương-pháp giảng-dạy sinh-ngữ nhưng chưa hề nghe có phương-pháp nào thần-diệu đến độ chỉ học trong

3 tháng mà phương-pháp đó giúp người học nói trôi chảy. Ông cười vỗ vai tôi mà nói : chẳng có phương pháp nào mới cả, chúng tôi áp-dụng các phương-pháp hiện đang dùng khắp nơi cộng với Ý-chí muốn học. Trung-tâm Cidoc không nhận những người được học-bằng để tới học vì họ là người lười nhất, chúng tôi chỉ nhận những học-viên tự-nhân đóng đủ tiền 3 tháng trước khi học và hứa sẽ học chăm theo đúng luật của Trường. Trước mỗi buổi học ban sáng, chúng tôi khảo bài ngày hôm trước rất gắt, ai không thuộc chúng tôi loại khỏi trường ngay, thành ra học viên nào cũng phải học hết mình. Sau giờ lớp thì vào phòng thính-thị, sau giờ thính-thị thì ra phố, ra nông trại áp dụng bài học. Thi ra chính với ý chí của ông mà ông đã thông-thạo 12 ngoại ngữ từ năm 1971, và nay thì chắc số lượng ngoại-ngữ của Illich đã tăng thêm. Nói chuyện với ông, vấn đề gì ông cũng nắm vững, bao giờ phát biểu ông cũng

chứng minh bằng lịch-sử hay con số thống-kê. Ông là người được các nhà phê bình Âu-châu và Mỹ-châu gọi là « người gây sôi nổi » trong bất cứ cuộc thảo luận hay nói chuyện nào. Ông rất ghét chính sách đối-ngoại của Hoa-kỳ, ông gọi đó là chính-sách « tân thực-dân », ông rất hay trích dẫn các chứng cứ về việc khống-chế kinh-tế của Mỹ tại Mỹ-châu Latin. Sau khi ông rời Singapore, tôi vẫn nuôi một giấc mộng : nếu ngày nào đó tôi được phép và có đủ tiền, tôi sẽ bay sang Mexico để dự khóa học tiếng Tây-ban-nha trong 3 tháng, vừa để kiểm lại ý chí của mình, vừa để gặp lại người hùng Illich. Trong khi chờ đợi, tôi xin ghi lại địa chỉ của ngôi-sao sáng này để quý vị có thể liên lạc : Dr. Ivan D. Illich, CIDOC, Cuerna, Mexico.

TRẦN TRUNG LƯƠNG

Saigon, ngày 22-8-1974

Tài-liệu tham-khảo :

- ILLICH, Ivan D, *Deschooling Society*, New York : Harper-Row, 1971
 ILLICH, Ivan D. *Celebration of Awareness*, New York : Anchor, 1971
 GARTNER Alan, *After Deschooling, What ?* New York : Harper-Row
 1973
 Innotech 1972 : *Alternatives in Education, a Regional Practicum*
 Saturday Review : *The Alternative to Schooling*, June 1971
 Esprit, Mars 1972 — Juillet-Aout 1973
 Temps Modernes, Aout-Septembre 1970
 Nguyễn-văn-Trung, *Bách-Khoa C - D / 1974*

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
CỦA

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hời-lộng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(**S. O. A. E. O.**)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Ivan Illich và Y-khoa

« Que les médecins excusent un peu ma liberté (...): cette antipathie que j'aie à leur art m'est héréditaire... »

MONTAIGNE

Đây không phải là một trường hợp Tolstoi ước-định tiên lượng sai lầm, khiến thay-đổi số-phận của nhân-vật chính trong truyện ngắn « Cái chết của Ivan Ilyitch ». Mặc dầu cái chết ấy thực rất đắt giá đối với y-học, đắt giá đến nỗi đáng lẽ các trường Y-khoa phải bắt các cô cậu Tú đọc — và nhất là hiểu — tác-phẩm ấy trước khi chen nhau vào ngưỡng cửa trường thuốc. Không, đây không phải là Ilyitch của Tolstoi, đây là một nhân-vật khác, tuy rằng cả hai, như Montaigne, chắc phải cùng mang một bản tin di-truyền tương-tự, bởi cùng không ưa nghề y, ít nhất thì cũng trên vài phương-diện.

Bỗng nhiên thấy mình hấp-hối, nhân-vật Ilyitch của Tolstoi chết trong một vùng *no man's land* của một nền y-học hủ-lậu, ngu ngốc, phi-nhân. Ivan Illich của chúng ta ngày nay khoẻ mạnh, phương cương hơn bao giờ hết, nhưng lại mô-tả y-học như là một thứ u buớu mọc trên cái cơ-thể của xã-hội hiện-đại!

Cực kỳ thông-minh, diễn-tả tư-tưởng theo một phong-thái hết sức trí-thức, Illich, trong khi đả-kích Giáo-hội Vatican và lên án học-đường, đã chia luôn mũi dùi vào y-khoa và giới y-sĩ. Khẳng-định con

người ai cũng cần thuốc men, ai cũng cần y-sĩ, Illich cho rằng xã-hội chúng ta đang sống đã quan-niệm sai lệch về vai trò của người thầy thuốc (và của các hạng chuyên-viên khác), biến người y-sĩ thành một kẻ hành-xử đặc quyền trị bệnh, và chỉ có y-sĩ mới có được đặc quyền ấy mà thôi. Con người càng ngày càng lệ thuộc vào y-sĩ để được chữa trị bệnh-tật đến nỗi — Illich kể — khi thấy có nạn-nhân lẩn đùng ra giữa đường, tay chân co giật, mồm miệng sùi bọt thì « thoát tiên thiên-hạ sợ cái kẻ đang lên kinh kia, rồi thiên hạ đâm ra bất lực không giúp gì y được, và cuối cùng, thiên hạ không còn thiết lưu tâm đến « ca » « ấy nữa », vì ai cũng chỉ còn biết tự nhủ « hãy để kẻ khác lo lắng cho y ». Vậy là mọi người mặc nhiên chấp nhận rằng phải cần một y-sĩ khi có người lên kinh giữa đường. Còn người y-sĩ? Trong cái vòng luẩn quẩn nó là hậu quả của tình-trạng con người nô-lệ đối với máy móc và đối với các chuyên viên, người y-sĩ lại nghĩ rằng ta phải có một cái xe để di chuyển đến với thân chủ, hoặc ta phải có một cô trợ tá để gửi đi trên chiếc xe cứu-thương:

Cái đặc-quyền trị bệnh ấy của

giới y-sĩ đã trở thành một đề tài châm biếm nhiều khi đến cay-độc của Illich trong các bài viết, bài nói. Mà xã hội càng tiến bộ, càng văn-minh bao nhiêu thì đặc quyền ấy càng vững chãi, càng chặt chẽ, càng quá đáng bấy nhiêu. Kết quả là khi gặp một nạn nhân bị thương một người sinh viên Pháp không đủ kiến-thức để cứu cấp người đồng-chúng của mình cho bằng một người lao-động Mỹ-tây-cơ. Mấy năm trở lại đây, thuốc men bán ra không còn có phần ghi lời chỉ dẫn lâm sàng nữa. Một hôm Illich sửa soạn diễn-thuyết ở tiểu-bang Iowa (Hoa-kỳ) thì bị cảm khá nặng. Đi mua thuốc thì nhà thuốc không chịu bán. đành phải đi khám bác sĩ. Mang toa bác-sĩ ra dược phòng thì chỉ nhận được một cái lọ trên ấy có ghi một con số, tên bệnh nhân và lời dặn uống mỗi ngày hai viên thuốc trong lọ. Hỏi dược-sĩ để được biết rõ thêm về bản chất viên thuốc thì bị từ chối thẳng thừng vì không có sự thỏa-thuận của bác sĩ mà chỉ dẫn ầu là vi luật, trái nghĩa vụ luận. Đi kiểm sách thuốc phổ-thông — cuốn Merck Manual, một cuốn sách về trị-liệu-học — thì tìm không ra, vì sách ấy càng ngày phát hành càng hạn-chế.

Do nơi sự kiện các định-chế của xã-hội càng ngày càng phức-tạp, làm đảo-lộn cả môi-trường tự nhiên trong đó chúng ta đã từng quen sống, nên con người càng ngày càng phải được bảo-vệ một cách giả-tạo và nhất là một cách hết sức tốn kém, mà tình-trạng phi-lý này chỉ có hậu-quả là

đầy con người càng sâu hơn xuống cái hố nô-lệ cho nền văn-minh. Để giữ mức sức khỏe trung bình cho một thanh niên Nữ-ước, phải cần những biện-pháp phiền toái, đắt đỏ thập bội nếu so với cùng một công việc ấy, nhưng lấy đối-tượng là một người dân Soudan. Nuôi dưỡng con người trong những điều-kiện siêu-vệ-sinh hiện-đại chỉ khiến cho y mất khả-năng đề-kháng tự nhiên, và kết quả là y không thể nào sống nổi trong một môi-trường sinh-học vốn sẵn phức tạp.

Nếu trường học là những dụng-cụ để sản-xuất giáo-dục thì nhà thương là những dụng-cụ để sản-xuất dịch-vụ bảo-vệ sức khỏe. Nhưng cái thảm cảnh của xã-hội văn-minh cơ-khí là các dụng-cụ ấy lại phải nương tựa vào nhau. Do đó số bác-sĩ chỉ có thể gia-tăng khi khả-năng sản-xuất của các trường y-khoa gia tăng, cũng như số trường y-khoa chỉ có thể gia tăng khi số các nhà thương thực-tập gia-tăng. Cái vòng luẩn quẩn ấy cứ như vậy mà trôi buộc con người, bóp nghẹt con người trong mớ xiềng xích bất nhân của sự sản-xuất!

Cơ-cấu y-tế tiến-bộ chủ-trương bảo-hiêm xã-hội. Tuy nhiên bảo-hiêm xã-hội chẳng qua chỉ là một hình-thức tập trung các phương-tiện tài-chánh của quốc-gia để giao vào vòng tay kiểm-soát, phân-phối của giới y-sĩ. Và rồi, do áp-lực của nghiệp y, vấn-đề bảo-vệ sức-khỏe, vấn-đề tái-lập tình-trạng bình-thường sau một cơn bệnh hay một tai-nạn, chót hết,

vấn-đề kéo dài sự sống, tất cả chung qui đều được thu-góp về một thứ đặc quyền chuyên mại, một thứ kỹ-nghệ y-khoa, tương-tự như vai trò đào luyện, uốn nắn tuổi trẻ đang thuộc đặc quyền của kỹ-nghệ giáo-dục.

Tình-cảnh đặc quyền y-khoa ấy đưa đến những đặc lợi quái-dãn. Illich đản-cử làm chứng-dẫn trường-hợp của Công-ty sản-xuất dược-phẩm Hoffmann La Roche ở Mỹ. Thoạt tiên, Công-ty này tung ra thị-trường vị thuốc đặc-chế Librium. Vì pháp-luật chỉ bảo-vệ bản quyền sản-xuất đặc chế trong vòng mười bảy năm nên ngay trước khi bản quyền ấy chấm dứt, Công-ty liên-hệ với-vàng tổ-chức rầm-rộ một chiến-dịch quảng cáo cho một sản-phẩm tương tự như Librium, tức là đặc-chế Valium, mà họ mô-tả là có phẩm-chất tiến-bộ, ưu-việt hơn. Nhưng mặt trái của chiến-dịch ấy là gì? Thực chất của nó ra sao? Illich cho chúng ta biết rằng mỗi kí-lô dược-phẩm chỉ có giá vốn lời một trăm Mỹ-kim, và giá thành (sau khi đóng gói) lời tám trăm Mỹ-kim. Tung bán trên thị-trường Gia-nã-đại mỗi kí-lô Valium trị-giá cắt cõ mười ba ngàn Mỹ-kim. (khốn-khờ tội-nghiệp cho người dân Gia, nhưng lại càng khốn-khờ, tội-nghiệp hơn cho người dân Việt khổ rách áo ôm) Vậy mà chưa hết. Công-ty Hoffmann La Roche còn áp-dụng « y-học phòng ngừa » bằng cách đề cao ăm-ỉ một dược phẩm đặc-chế khác, tuy cũng chỉ là cùng một chất căn-bản tương-tự với hai vị trên: đặc chế thứ ba này

là Nobrium. Dĩ nhiên, khai-sinh ra vị Nobrium là để dành cho tương-lai, khi bản quyền bảo-chế vị Valium chấm dứt. Điều hết sức chua chát, xuyên qua tinh-thần các bài viết của Illich, là người ta không hề có đủ bằng-chứng để kết-luận rằng tất cả những dược-phẩm vừa kể có thực sự tốt hơn các loại thuốc ngủ thông thường hay không, mà các thuốc ngủ thì lại bán với giá rẻ rề.

Giải-pháp cho tấn thâm-kịch văn minh, theo Illich, là đảo ngược các định-chế lại, và trong phạm-vi y-khoa, những định-chế lý tưởng sẽ là những định chế tổ-chức theo một phương-thức đặc-biệt, phương-thức ấy bắt buộc những kẻ chỉ-huy các định-chế mới phải cho phép những người không phải là chuyên viên có thể học-hỏi, có thể tự săn-sóc, tự điều dưỡng, với một niềm hy-vọng là bất cứ ai, nếu đã có dịp bắt tay vào những tác-vụ chuyên-môn, thì về sau, sẽ có khả-năng truyền-bá những tác-vụ chuyên-khoa ấy cho tha nhân khiến mọi người, nếu muốn, có thể đảm-trách vai trò hiện nay đang được tạm-thời trao-phó cho giới chuyên-viên.

Theo hệ-thống tổ-chức mới, trong bối-cảnh hủy-định-chế — *dis-establish, désinstitutionnaliser* — và với những định-chế đảo-ngược, một số hình-thức giải-phẫu sọ-não — Illich nêu làm ví-dụ — sẽ trở thành vô-ích. Và Illich giải-thích. Trong một buổi hội-thảo, một nhóm chuyên-viên giải-phẫu thần-kinh cùng thừa-nhận rằng một người đàn bà nhà quê khéo tay

và hơi thông-minh một chút có thừa sức để tiến-hành phần lớn các kỹ-thuật chuyên-khoa mổ xẻ sọ não sau khi theo học chừng vài tháng. Illich kể lại lập luận ấy cho một bộ ba gồm một y-sĩ, một thầy thuốc tâm-trí và một chuyên-viên giải-phẫu thần-kinh cùng nghe. Người sau này phản-đối lời tuyên-bố của các đồng-nghiệp, mô-tả họ là vô-trách-nhiệm. Illich thoát tiên tạm chấp-nhận điểm sửa sai này. Nhưng sau đó, trong một cuộc mạn đàm riêng tây, vị bác-sĩ giải-phẫu thần-kinh đã giải-thích cho Illich rõ vì sao nhiều đồng-nghiệp của mình hay phát-biểu những ý-kiến vô-trách-nhiệm: đó chỉ là vì thủ-thuật giải-phẫu thần-kinh thường không mang lại bao nhiêu thành-công, và sau một tuần lễ làm việc chẳng hạn, ngồi nhìn lại công-tác của mình, thủ-thuật viên não-tủy thường ghi-nhận rằng đại đa-số các thân-chủ đều từ-trần, còn nếu có được một thiếu-số sống-sót thì trong thiếu-số gọi là may mắn ấy chỉ có một thiếu-số rất khiêm-tốn có thể tiếp-tục sống một cuộc sống bình-thường. Kết-qua; Illich và người môn đệ Hippocrate chia tay nhau trong tình bằng-hữu thắm-thiết hơn bao giờ hết, và cả hai cùng đồng-ý rằng, ít nhất là ở châu Mỹ la-tinh và ít nhất là trong hiện-trạng y-khoa ở đây, các phương-tiện y-học đáng lẽ ra đã có thể được sử-dụng một cách khác.

oOo

Y-khoa, trong thập-niên chúng ta đang sống, đã và đang bị đà-kích, chống đối. Người viết bài này, trên

những cột này, đã có dịp nói lên sự thực ấy.

Nạn nhân đầu tiên — và ở một mức độ tư duy tương-đối thấp — của sự tố-khố này là môn bệnh-học tâm-trí. Người ta lên án rằng nếu anh tự xưng là chuyên-viên tâm-trí thì anh phải dùng tâm-trí để chữa bệnh, chứ sao lại dùng... thuốc men? (Cũng tỷ như ở ta, nếu anh treo bảng châm-y trước phòng khám bệnh, thì anh phải dùng kim châm mà trị bệnh, chứ sao lại dùng... thuốc Tây?)

Nhưng rõ-ràng Illich không chống-đối y-khoa theo chiến thuật tầm thường ấy. Mà Illich đặt vấn-đề hết sức rộng lớn, bởi thái-độ lên án y-khoa của Illich (nếu chúng ta có thể gọi đây là lên án) nằm trong hoài-bảo to lớn xây-dựng xã-hội theo một khuôn mẫu khác hẳn khuôn mẫu hiện thời.

Illich chủ-tâm vạch rõ rằng sự tiến-bộ của kỹ-thuật, trên một khía cạnh và trong một chừng mực nào đó, gần như chỉ càng tố-cáo thêm sự vị-kỳ của xã-hội văn-minh. Ở các quốc-gia giàu có, sức khỏe được bảo-vệ nhiều khi một cách thực-sự là quá đáng, trong khi ở các quốc-gia chậm tiến, sức khỏe là một món hàng xa xỉ. Người viết xin mượn thống-kê y-học để chứng-minh. Một đứa bé khai-sinh dưới tên Jack, Jane sẽ có cơ may sống được trên bảy mươi tuổi; trong khi cùng sinh ra dưới một ngôi sao nhưng nếu mang tên là Tèo, là Gái, nó sẽ chỉ sống trung-bình lối bốn mươi lăm năm. Trong một nghìn thằng Jack,

chỉ có mười bảy tháng phải chết lúc sơ-sinh; trong một nghìn tháng Tèo, có đến hai trăm đứa không sống nổi quá hai tuần. Tháng Jack không phải sợ các bệnh nhiễm nữa (ngoại trừ bệnh cúm), còn bệnh lao thời cũng sắp là quá-khứ; trong khi tập-thể tháng Tèo vẫn còn là con mồi ngon cho vi-trùng Koch, cho ký-sinh trùng sốt rét, cho mọi thứ ôn hoàng dịch lệ và tằm mức đe dọa ở đây, hôm nay, cũng vẫn suýt soát với tằm mức đe dọa của cùng những chứng bệnh ấy ở Âu-châu của thời Trung-cổ.

Các quốc-gia tiên-tiến riêng chiếm 1.200.000 y-sĩ để chăm lo cho một dân-số không quá $\frac{2}{5}$ nhân-loại nghĩa là lối một y-sĩ cho tám trăm dân, trong khi các nước nghèo chỉ có 300.000 y-sĩ cho hơn $\frac{3}{5}$ loài người, nghĩa là một thầy thuốc cho từ 10.000 đến 50.000 đầu người. Trong những xứ giàu là các bệnh-viện tối tân nhất, các kỹ-thuật tân-kỳ nhất, các hệ-thống phòng ngừa hữu-hiệu nhất, trong những xứ khó thì không có hoặc có rất ít bệnh-viện, còn các dịch vụ bảo-vệ sức-khỏe thì hoàn toàn thiếu sót.

Tính nhân-bản của y-khoa không còn nữa: những con người cần chăm chút, cần điều dưỡng nhất lại chính là những kẻ được chăm chút, được điều dưỡng tồi tệ nhất. Tất cả chỉ là giả nhân giả nghĩa.

Mùi vị cay đắng càng cay đắng thêm đối với Illich vì Illich phục-vụ cho một cộng-đồng bị « quê hương ruộng bỏ, giống nòi khinh » tức là cộng-đồng Puerto Rico, tức là cả

một châu Mỹ la-tinh bao la hậu-tiến, bên cạnh và trong lòng một xã-hội văn minh bậc nhất, một xã-hội mẫu mực cho nhân-loại, một giấc mơ của mọi người có lẽ, tức là xã-hội Hợp-chúng-quốc Hoa-kỳ.

Giới áo trắng có nhiều người cùng chia xẻ một lập-trường với Illich. Và có người còn đi xa hơn cả Illich nữa.

Có người hùng hồn vạch rõ tính phi-lý — và phi nhân — của tiến bộ kỹ-thuật. Họ đặt lên hai bàn cân để cân lường các phí-tồn và tằm hiệu-năng gắn liền với hai quan-niệm y-khoa. Chẳng hạn có người tự hỏi nếu đào tạo ra một trăm y-tá học lực tằm thường nhưng biết chích ngừa BCG cho đại chúng để phòng lao thì có phải là hữu ích hơn đào-tạo cho được một chuyên-viên lao phổi trong một thời gian dài đặc và với một số vốn đầu tư rất lớn? Nếu tổ chức giáo dục y-tế cộng-đồng đảng hoàng, do những người không phải là y-sĩ hướng dẫn, thì có phải là ta có thể giảm thiểu số tử-vong một cách mạnh mẽ hơn là dốc hầu bao để trang bị cả một vốn liếng trí thức khổng lồ cho chừng mười chuyên viên nhi-khoa biết cách hồi-sức những đứa trẻ bị nhiễm độc nặng hay bị suy dinh dưỡng? Nếu thực sự và nhất là sáng suốt thương xót dân chúng của mình thì giới lãnh-đạo y-tế của một số lớn quốc-gia chắc phải chọn giải pháp xây-dựng một nhà máy chế-biến thức ăn hợp vệ-sinh dành cho các trẻ bỏ bú, thay vì mang cùng một số vốn liếng ấy để mà mua sắm một quả bom

cobalt (1) hay huấn luyện nên những chuyên gia giải phẫu thần kinh.

Có người lớn tiếng đòi hỏi phải quan-niệm lại chiều hướng đào-tạo chuyên viên y-khoa. Đừng đại dốt búng các cô y-tá ra khỏi mảnh đất họ vẫn sống hằng ngày. Đừng có « bảo chế » họ theo quan niệm hàn-lâm-viện : họ sẽ không trở lại với vùng trời thôn dã, với núi rừng cao nguyên xuất xứ của họ đâu. Và nhất là phải dạy cho những người trong đại gia đình y khoa những kiến thức thực tế, những kỹ thuật có thể áp dụng được cho xứ sở họ. Hãy mang một đại Giáo sư y khoa Hoa-kỳ ra thả cho ông ta nhảy dù xuống một buôn Thượng Việt-nam để cho ông ta ngồi mà ngẫm nghĩ về sự phù phiếm, vô bổ của các tri thức y-khoa của mình đối trước các chứng bệnh của những sắc dân thiểu số (tất nhiên nghĩ như vậy là không đúng)! Ấy có người đã bi-phản kêu lên đại khái như thế!

Domenach — Domenach là người chủ-trương tạp-chí *Esprit*, vẫn đăng các bài của Illich — thì tâm sự « Gia đình tôi có chín anh em, và chúng tôi đã được thân-mẫu chăm sóc rất chu đáo thuở ấu-thời. Cả chín anh em chúng tôi, nhờ ơn mẹ, đều hiện còn sống và mạnh-khỏe. Mới đây, tôi có gặp một bác-sĩ lập-nghiệp ở Casablanca và vị bác-sĩ này đã kể cho tôi nghe rằng hiện nay ông ta không thể chữa trị một số bệnh tật cho các thân-chủ nghèo, chỉ vì thuốc men đã trở nên quá phức-tạp và quá đắt đỏ, đến nỗi ông ta

không thể nào viết toa được nữa. » Có lẽ — theo Domenach — penixilin quả là tốt hơn cao dán, nhưng khi mà bệnh-nhân không đủ tiền mua penixilin, còn y-khoa thì lại không chịu dùng cao dán nữa, thì đâu còn gì để mà làm cho bệnh-nhân!

oOo

Chắc phải có nhiều người có cảm-tình với Illich về quan-niệm độc-đáo xã-hội vô-học-đường, *deschooling society* của ông. Và y-giới phải nhận rằng quả có nhiều điều phải làm, quả có nhiều canh-cải phải thực-hiện, trong lĩnh-vực tổ-chức, điều-hành, phân-phối hệ-thống cung-cấp dịch-vụ Y-khoa. Những điểm Illich đả-kích học-đường, nếu áp-dụng vào các Trường Đại-Học Y-Khoa, quả có nhiều điều rất đúng.

Nhưng trên một vài khía cạnh và trong một vài vấn đề, Illich có vẻ chưa nắm vững nội dung những gì mình nói ra.

Chủ trương rằng một người đàn bà nhà quê có thể tiến hành thủ thuật giải phẫu thần kinh sau ba tháng học tập quả là quá táo bạo, quá liều lĩnh. Chắc chắn không ai trong chúng ta, mặc dầu hết sức yêu mến các đồng bào của chúng ta nơi đồng nội, lại mong muốn được một thiếu phụ chân lấm tay bùn... đực sọ cho mình, nếu vì rủi ro, vì tới số mà mình bị tai nạn lưu thông! Trong trường hợp này — xin cầu Chúa cho nó đừng xảy ra — và nếu nạn nhân lại là Ivan Illich thì chắc chắn Ivan Illich sẽ không còn có dịp

(1) Đề trị ung-thư.

viết, nói nữa ! Vả lại, trong một tác vụ y-khoa, sự quan trọng đâu phải ở chỗ làm được, mà ở chỗ biết rõ tại sao phải làm như vậy, làm như vậy trong trường hợp nào (và không được làm như vậy trong trường hợp nào), rồi sau khi hoàn thành tác vụ thì phải làm những gì nữa. Tất cả những điều đó hẳn nhiên phải khiến người thầy thuốc khác cô thôn nữ, dẫu là cô thôn nữ hơi thông minh.

Nào có phải vì độc quyền trị liệu của giới bác-sĩ mà một số hộp thuốc không mang lời chỉ dẫn. Mà chỉ là vì nếu có bản chỉ-dẫn thì những người không ở trong nghề như Illich cũng không thể nào hiểu được. Không phải cứ nói tám sinh-ngữ thì có thể hiểu được thuật-ngữ y, dược-khoa ! Thực sự ta không thể nào trang-bị cho mọi công-dân một vốn liếng tri-thức vừa đủ để giúp cho họ sử-dụng đúng đắn các vị thuốc tân-thời. (Trái lại, người thầy thuốc chỉ thấy hoảng-sợ trước lối dùng thuốc của các thân hữu !). Các dược-sĩ không chịu chỉ-dẫn cho bệnh-nhân về công năng, thành-phần của thuốc có lẽ là chuyện thực ở Iowa. Nhưng ở Saigon thì chỉ thấy các cô bán thuốc thỉnh-thoảng vui miệng chê bai toa thuốc bác-sĩ và có khi sửa luôn toa thuốc ! Ngay đến y-sĩ vẫn phải luôn luôn lật từ-điển thuật-ngữ y-khoa cơ mà !

Chúng ta hãy trở lại với nạn-nhân đang lên cơn động-khinh giữa đường mà chúng ta từng gặp ở phần đầu bài này. Illich của chúng ta muốn gì bây giờ ? Muốn có một chị bán nem

nướng luôn luôn mang trong mình ống tiêm và một cây kim đã khử-trùng, một cái garô, một miếng gòn, tầm sần cồn, một ống thuốc thích-hợp (!), tất cả để mà giúp cho đồng-loại đang co giật liên-miêu kia thoát cơn co giật hay sao ? Hay là Illich muốn có chẳng hạn một nhà thần-học, một linh-mục biết nhiều thứ tiếng có đủ tài-ba và y-cụ để khám xét đáy mắt cho người bệnh kinh-giảm ? Hay Illich nghĩ rằng xã-hội có thể có những người công-chức — thuế-vụ chẳng hạn ! — luôn luôn mang theo trong mình một cái máy ghi não-diện-đồ, những người thợ sửa xe Honda mang lẫn-lộn trong đồng đồ nghề của mình một số y-cụ đục sọ, tất-cả để giúp người bệnh đáng thương kia thoát khỏi cơn tăng-áp nội-sọ để bớt làm kinh ? Nếu những điều-kiện dị-kỳ, trái thường ấy không thực-hiện được thì chúng ta biết làm gì khác hơn là chờ đợi bệnh-nhân đến bác-sĩ bây giờ ? Và bác-sĩ — tôi muốn nói bác-sĩ hành nghề ở phòng mạch tư — cũng chỉ có thể cấp cứu tạm thời cho bệnh nhân để rồi sau đó, lại phải gửi bệnh nhân vào bệnh viện Chợ Rẫy, khu Thần kinh học. Chứ biết làm gì khác hơn và nhất là hơn nữa !

Quả thực người y-sĩ đã trở thành nô-lệ cho kỹ-thuật, nô-lệ của y-cụ. Một hôm, người viết những trang này bị đánh thức dậy vào khoảng ba giờ sáng để đi khám bệnh cho một người láng giềng. Mắt nhắm mắt mở, chỉ kịp xách cặp đồ nghề hối-hả theo chân người gọi để rồi đến nhà thân chủ, trong cảnh hỗn loạn

của một gia đình đột ngột có người ốm nặng, thầy thuốc mới đỡ khóc đỡ cười thấy trong xách tay của mình không có cái... ống nghe mà về sau mới biết rằng cậu con út đã mang cất trong bàn học của nó, vì chiều hôm ấy nó muốn hành nghề y sĩ bất-hợp pháp đối với các thân-chủ nhóc tí lồi xóm. Người nha-sĩ không có máy răng, không có kim nhổ răng thì sẽ ăn nói ra sao với bệnh nhân? Nhưng đây là những bài toán do sự tiến bộ đặt ra cho chúng ta mà chúng ta đành chấp nhận. Ngày Laënnec phát-minh ra cái ống nghe, tiên sinh đã "chế tạo" nó dưới hình thức một cuốn vở cuộn tròn lại thành cái ống. Dĩ nhiên không bệnh nhân nào muốn được nghe tim nghe phổi với một cái ống nghe loại ấy, trong thời đại này.

Quả thực là có những đấng tử-mẫu — như bà Cụ thân mẫu khả-kính của Chủ bút Domenach — rất thành thạo nghệ thuật dưỡng nhi. Nhưng chắc chắn không phải vì sự đóng góp của những bà mẹ hiền đáng kính ấy mà vi trùng Koch chịu rút lui, không mượn chứng bệnh lao màng óc để giết trẻ con như đã từng giết chúng một cách "ngon lành" cách đây chưa quá ba mươi

năm. Các biện pháp siêu-vệ-sinh dưới mắt Illich đầu sao cũng đã chiến thắng phần nào các bệnh nhiễm, đó là một điều không ai chối cãi được. Và nếu ở các quốc gia Tây-phương, cộng đồng chi phí một số tiền lớn cho chế độ bảo hiểm xã-hội, thì cộng-đồng cũng đâu có cho phép giới áo trắng muốn phung phí ngân-quỹ quốc-gia thế nào cũng được.

oOo

Ivan Illich có vẻ muốn nêu lên một lời nguyện-cầu. Nguyện-cầu cho một cơ-cấu y-tế hợp-lý, một hình-thức phân-phối phương-tiện y-khoa công-bình, một đường-hướng đào-tạo chuyên-viên áo trắng hữu-hiệu. Lời nguyện cầu thực đẹp-đẽ, thực thành-khẩn. Nhưng liệu ta có thể xây-dựng một xã-hội trên căn-bản một lời nguyện-cầu và nhất là liệu ta có quyền hy-vọng rằng tất-cả mọi người sẽ đều cùng có thực nhiều thành tâm, thiện chí?

Hay cuối cùng, có lẽ một y-sĩ được đào-tạo tốt vẫn có giá hơn một nhà không tưởng thực quảng-đại?

TRẦN VĂN TÍCH

2-9-1974

Đề biếu rõ về Thế giới Chính trị và Ngoại giao — những bí ẩn của trận đệ nhị Thế chiến, tâm tư ray rứt của De Gaulle, người đã cứu vãn được nước Pháp sau trận thảm bại 1940.

Hãy đọc

HỒI KÝ DE GAULLE

dịch giả VŨ ĐÌNH LƯU

Đông Nai tổng phát hành vào ngày 6-7-74

Lá thư nước ngoài

MINH ĐỨC HOÀI TRINH

Washington 9-8-74

Anh Ch.

Rời Paris về xứ nhưng không đi theo lối cũ mà đi vòng sang Hoa-thịnh-đốn. Ông chủ báo dặn dò phải thu nhặt ít nhiều tin tức về vấn đề ông Nixon. Tôi đã làm hết bổn phận, thư này đến anh thì mọi sự đã được xong xuôi.

Tôi vừa nghe bài diễn-từ và nhin ông tân Tổng-Thống Ford tuyên thệ rồi hôn vợ, hứa hẹn sẽ đem hết sức lực ra phụng sự cho tổ quốc.

Bài diễn-từ được mọi người chú ý đến câu mà ông Ford đã đọc lên với giọng tha thiết, chắc anh cũng đã nghe các báo nhấn mạnh, làm « tít », gạch dưới rồi. Ông Ford nói rằng ông Nixon đã đưa hòa bình đến cho hàng triệu người thì hôm nay cầu xin cho đến phiên ông ấy cũng được hưởng chút hòa bình v.v. Đêm kia lúc ngồi nhìn ông Nixon đọc bản diễn-văn cuối cùng có những lúc tôi chờ đợi một sự bùng nổ, giây thần kinh căng thẳng quá như sợi giây đàn lúc lên quá mức ; nó tung ra, âm thanh rùng rợn như thể nào thì chắc khi giây thần kinh đứt con người cũng sẽ bật lên như thế. Có lúc nhin đôi mắt ông Nixon, tôi chờ đợi hai giọt nước mắt sẽ trào ra mới là con người. Nhưng không, chỉ có hai nét nhăn bên mép như được hấn đậm hơn một chút rồi thôi.

⊙ Dầu ở phe bạn hay phe thù cũng phải công nhận rằng ông ta đã vượt qua một giai đoạn lao đao mà không phải ai cũng đủ sức chịu đựng.

Buồn cười nhất là sau đó tôi lấy

tắc-xi xuống phố gặp ông tài-xế, hỏi thăm, nghe ông ta nói vừa chở một người khách và người khách đã bật khóc lên vì ức. May là mọi sự đã được dàn xếp, nếu cứ kéo dài chắc thế giới còn mệt nhiều.

Nhưng câu chuyện tôi kể cho anh nghe chưa phải chấm dứt ở đây, kể thêm một mẩu cuối nữa đề anh chia phần « cá sừn » với tôi.

Sau khi nghe xong bài diễn-từ của ông Ford, tôi định đi phố. Vừa ra khỏi phòng thì gặp một vị mục-sư, ngài là láng giềng ở phòng bên mà tôi không biết. Ngài gặp tôi vui vẻ hỏi thăm vì chúng tôi đi cùng một đoạn hành lang khi ra lấy thang máy. Câu chuyện cố nhiên là không ra ngoài vấn-đề phê-bình bài diễn-từ của ông tân Tổng-Thống và nói đến ông cựu Tổng-Thống. Chờ thang máy khá lâu vì đông khách hay vì có một sự gì khác, chỉ biết rằng chúng tôi có đủ thì giờ để nói chuyện rất nhiều. Thế rồi, ngài bỗng tò mò đặt câu hỏi là tôi từ xứ nào đến ? Tôi thẳng thắn trả lời : người Việt-Nam. Nghe xong hai chữ Việt-

Nam ngàì chỉ hứ một tiếng và bước ra ngay không thèm chào hỏi già từì hay thêm bớt một câu. Mọi người, nhìn, hơi tỏ vẻ ngạc nhiên; cố nhiên tôi là đứạ ngạc nhiên nhất. Anh bảo như vậy mà không ngâm bài thơ « *Ta có lỗi gì đâu* » sao được.

Suốt dọc đường tôi cứ ấm ức, tự hỏi bạn sau nếu có một dịp khác thì theo anh, có nên khai thật hay là nói dối để biết thêm một nhân vật nữa. Nói ra để anh và các bạn suy nghiệm. Lần này không phải là lần thứ nhất, mà là lần thứ mấy rồi. Có một lần, lần ấy Hội nhà báo mở một buổi đại dạ lễ, đông cả năm bảy trăm người, đủ mặt bá quan. Tôi và một số bạn ngồi chung, đến lúc ra nhảy nhót, trở về thấy bên cạnh chỗ tôi đã có một ký giả báo Nga ở đó rồi. Tôi vừa ngồi xuống là ông tuôn ra những lời xỉ vả bắt đầu bằng một câu: « *Tôi ghét báo miền Nam v.v.* »

Tôi tức quá, nếu không dẫn được chắc là có sự đánh nhau. Tôi biết rằng ông ta đã quá chén nhưng sao không đi tìm các đồng nghiệp khác mà lại tìm đến tôi để sinh sự cãi nhau. Một người bạn thấy tôi câu nên đứng dậy kéo tôi sang bàn khác. Chuyện xảy ra cũng trên hai năm. Từ sau, mỗi lần đi họp, ông ta cứ chực nhìn tôi để chào nhưng tôi quay mặt đi không cho chào. Nếu kẹt mà phải chào lại tôi dùng lối chào của người tuyết! Hình như về sau có một vài người phê bình và ông ta đã nhận ra sự quá chén của mình... Anh chắc không lạ gì cái tính mọi rợ của tôi, không

bao giờ quên được những hành động xấu hay tốt của ai đối với mình. Chưa vào núi tu được là vì cái tính sân si ấy.

Nhưng hỏi anh từ nay nên thế nào. Khai ra ngay nhé. Gặp ai muốn gọi chuyện là phải bảo trước rằng: « *Tôi là người Việt Nam đây* », cho người ta biết và nếu họ ghét thì cả hai bên khỏi mất thì giờ. Anh nghĩ sao.

Ba năm rồi mới trở lại xứ Hoa-Kỳ, thấy nhà cửa mọc thêm, lan rộng ra. Vẫn đầy đủ phủ phê, xe mới vẫn đầy đường, kiểu xe vẫn dài, rộng, chạt đường chạt sá và uống xăng nhiều hơn xe Âu. Vậy mà đọc báo cứ nghe la lối tưởng chừng như cả xứ đều đang chết đói, chết rét đến nơi.

Thảo nào mà dân Âu-châu ức lắm, bảo rằng cuộc khủng hoảng dầu hỏa chỉ làm điêu đứng Âu-châu và các nước bé nhỏ, còn đàn anh Hoa-Kỳ vẫn phây phây ra mà hưởng thụ.

Đài truyền hình có thêm nhiều mặt của người Mỹ da đen, họ tung ra cái mốt tóc quéo nên bây giờ có nhiều người Mỹ da trắng muốn tỏ ra cấp tiến cũng đi uốn quéo cái tóc, chải tròn lên như cái tổ quạ. Xứ Hoa-Kỳ chắc rồi còn trình diễn cho thế-giới xem nhiều màn gay cấn nữa chứ chưa phải hết đâu.

Dầu sao, tôi không muốn sống trên xứ ấy, vì cảm thấy rất lạc loài. Ở Âu châu đã lạc loài rồi mà sang đó lại càng lạc loài hơn. Làm như khi con người được no đủ quá

thì nó đâm ra... cạn cạn. Hay là tại phong thổ, ngay cả những kẻ không cạn mà sang sinh sống ở xứ ấy cũng phải hao mòn lần hồi. Cây cam ngọt mang trồng đất chua cũng phải chịu ít nhiều ảnh hưởng. (Đây là tôi nói lén riêng với anh thôi, anh đừng mách ai, người ta giận tôi đấy). Nhất là những kẻ nào đang phê phỡn sống ở xứ người mà nghe được chắc sẽ không vui.

Lần này tôi lại sắp được về xứ để sống một thời gian, gặp gia đình, thăm mộ bố mẹ và ra tòa báo nói dóc với các anh mỗi ngày. Về xứ ăn xôi lúa. Sao lại gọi là xôi lúa anh có biết không? Ở Pháp tôi có bà bạn cũng có biệt tài nấu xôi lúa, chẳng thua gì ở quê hương.

Sao không gọi là xôi bắp nhỉ, hay lại cũng có sự một tên mà khác nghĩa để hận cho nhau. Kề anh nghe: Tôi có mấy người bạn ngoại quốc, chúng nó thù trái bắp lắm. Anh biết tại sao không? Tại hồi đệ-nhị thế chiến, dân Âu-châu đói. Sau khi Đức quốc đầu hàng rồi, Hoa-kỳ mới vện trợ thức ăn. Dân Đức yêu cầu xin gửi "Corn" cho họ. Khốn nỗi chữ "Corn" ở xứ Tô-Cách-Lan nó chỉ để gọi riêng lúa mì (oats) Tàu gọi là "yến mạch". Không ngờ là sang đến Hoa-Kỳ nó lại để chỉ riêng cho cây bắp, mà các chú chệt gọi là Ngọc thực-thứ. Do sự dùng chữ khác nghĩa ấy mà người Hoa kỳ chở sang Âu-châu hằng trăm tấn bắp. Các ông Đức la lối bảo rằng chúng tôi xin lúa mì chứ có ai xin bắp đâu, nhưng người Hoa-Kỳ trả lời: "Rán chịu, ai

bảo không tra tự-điền cho cần thận. Xin lúa mì thì phải bảo xin lúa mì."

Thế là dân Đức, phải chia nhau ăn cho hết mấy chục mấy trăm tấn bắp, tháng này qua tháng khác, không ăn thì đói. Dân Pháp cũng ghét bắp vì độ ấy cũng đã từng phải ăn bắp thay bánh mì suốt thời gian không gieo trồng được lúa mì. Riêng tôi thì tại ngày xưa có mẹ tu hành, bắt các con tụng niệm một câu "Phú quý bất khả hưởng tận", ngày nghỉ hoặc buổi chiều, giờ ăn quà, ngoài những món quà của quê hương như bánh bèo, bánh ướt v.v... Mẹ hay bắt các con làm thân với khoai, sắn, bắp, đậu v.v... Hình như linh tinh báo trước rằng cuộc đời sẽ có những sự đổi thay và con người không được phép giữ mãi cái địa vị ưu đãi trong xã hội nữa.

Vì thế mà đối với những sản phẩm tự trồng lòng đất ấy, chúng rất quen thuộc đối với chúng tôi. Nhất là trái bắp. Ở anh xứ nào biết cách nấu bắp ngon nhất. Xứ Nhật-Bản, vì họ bỏ trong bao ni-lông rồi hấp lên không có nước vào, nhờ vậy mà trái bắp giữ được vị ngọt. Xứ nào nấu bắp tời nhất? Xứ Do-Thái, họ bóc áo, đổ vào một cái thùng nước lớn đun sôi, ai mua cứ đến mua rồi ăn ngay. Đài Loan cũng chẳng được ngọt ngào chỉ vì bắp họ hái tự mấy hôm trước, khi đến đô-thị là hết cả chất ngọt. Ở Hoa-Kỳ người ta ăn bắp mà ở Pháp chẳng ai thèm, chỉ để cho ngựa. Từ khi người Việt-Nam ta sang đô-hộ, giáo-hóa thì mấy năm nay bắt đầu thấy có sự hiện diện của trái

bắp trên các chợ. Người Hoa-Kỳ không bán, người Việt-Nam mua về nấu chè, chè là, hơi mặn vì lúc đóng hộp người ta có pha muối vào. Tệ hơn một chút là có nhiều hiệu ăn VN ở Pháp cũng bắt chước nấu chè bắp nước dừa, nhưng họ hà tiện nên đã mua bắp khô về ngâm nước mà ngâm không kỹ ăn thật tồi, gây cả răng.

Đi xa mấy hôm rồi, hai con bồ câu của tôi chắc sẽ nhớ tôi, từ nay phải tự kiếm ăn nuôi lấy thân. Mỗi sáng không còn đến trước cửa sò đứng chờ tôi cho ăn nữa. Chắc mấy hôm đầu chúng nó khó chịu lắm, ngạc nhiên nữa. Chúng nó đâu có bỏ chuồng đi ngủ lang lâu quá vậy, trong khi loài người thì bỏ tổ đi năm này qua tháng khác, có kẻ đi suốt đời mà không thất lạc.

Sáng nay tôi vào Ngũ-giác-dài để mua bán; nơi này có đầy đủ không kém gì một cái siêu-thị. Anh sẽ bảo là tôi cầu kỳ, nhưng có vậy mới có chuyện kể dông dài cho anh nghe chứ đi phố mua như mọi người thì nhàm, không vui.

Dự định đi Mỹ-tây-cơ gần như có thể thực hiện được. Tôi có cô bạn

làm ở Viện Bảo tàng bên ấy. Cô bạn cứ đưa vấn-đề khảo-cổ ra như đề dự thảo cho tới phải sang mới thôi. Lần này liệu, cho cô nàng một sự ngạc nhiên nhưng đi vào tháng tám là tháng nghỉ hè nên hơi chật vật. Máy bay hết chỗ, phòng trọ hết chỗ.

Nghe báo ở xứ ấy hay mưa, tôi phải đi sắm cái áo mưa, và nhân tiện mua cái ấm điện mới vì đường còn dài mà nghiện trà như tôi thì vấn đề đun nước sôi là một chuyện rất quan trọng.

Còn lại ít thì giờ tôi đi lùng sách để mua, xong lại phải gửi đi trước chứ sách là thứ chiếm kí-lô rất nhiều. Những kẻ thông-minh học rộng khối cần sách vở, họ đi đâu cũng nhẹ nhàng, còn mình số kiếp thật là lặn lội.

Thư này lảng nhảng nhiều thứ chuyện quá, à quên, khoe với anh là tôi đã giữ chỗ ở Đài-Loan, định sang lần này đi viếng mấy cái đồi trà để bổ túc cho quyển sách đang sửa soạn viết. Anh gặp anh em hỏi giùm có anh nào biết nhiều về trà thì Minh Đức về sẽ xin thụ giáo thêm.

Anh nhớ nhé. Thăm cả làng Bách Khoa.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin :

Giáo sư NGUYỄN VĂN TOÁN (Nhà văn TOAN ÁNH) ở 307/17 Cách-mạng Saigon làm lễ thành hôn cho Thứ nam là : **NGUYỄN MINH KỶ** cùng cô **TRẦN-THỊ BÍCH-SƠN**.

Hôn lễ cử hành tại Saigon ngày 25-9-1974 (10 tháng 8 năm Giáp Dần).

Xin chân thành mừng Văn-hữu Toan-Ánh và chúc chú rể cô dâu trăm năm hạnh phúc.

Lê Ngô Châu, Bà Minh-Quân, Nguyễn Liên, Võ Phiến.

Đêm mưa về Hội-An

Thơ LUÂN HOÁN

ta trở về đêm mưa ru Phố ngủ
đường hoang vu thao thức ánh đèn vàng
ôi nỗi buồn đẹp nhất của Hội-An
ta bước nhẹ e sợ người thức giấc
gió tha thướt vỗ trăm lời thân mật
mừng ta về thăm lại phố phường xưa
ôi nhìn nhau phố đã nhận ra chưa
ta vĩnh viễn một thẳng con bắt hiểu
thân phiêu bạt giờ đây lòng trái chiều
quí xin cho ta được tạ ơn đời
ba mươi năm hồn thả sợi tình lơ
lơ giờ buộc đời ta vào với Phố ?
cây nghiêng bóng cho lá cùng đi dạo
cùng ta qua, qua hết nỗi u buồn
bước chân thăm thả nhẹ triều tở vương
Pho trầm lặng Phố của ta thuở trước
mùi đất ngọt chuốc hồn ta say khướt
giọt mưa bay nồng giọt rượu xum vầy
ôi ta về ôi ta đã về đây
về với phố với Hội An già cả
thân mệt mỏi hồn sâu ta chưa ngã
nhưng cho ta ngồi nép bên Chùa Cầu
nhà cũ ta giờ chẳng biết nơi đâu
ta chỉ nhớ cây vông đồng trước ngõ
ta chỉ nhớ một cửa hàng nho nhỏ
mẹ ta ngồi chào hỏi những người qua
trước những món hàng như những nụ hoa
nay tất cả chỉ còn trong kỷ niệm
ta chỉ nhớ tiếng chuông Chùa Phước Kiến
du dỗ lòng cậu bé tập băng khuâng
chiều trên sông nắng trái lụa quanh chân
ta vốc nước vui đùa cùng lũ cát
nhờ một thuở mê cháu Trần-Quý-Cáp

may chưa yêu nên chưa kịp thất tình
thơ chưa sâu đời chưa biết lênh đênh
giờ người đẹp chắc đã đầy bồn phận ?
còn riêng ta vẫn cuối trời lặn dần
ngực vẫn đầy hơi thở của Hội An
nay ta về trong đêm tối vội vàng
người đóng cửa thôi ta đành quay lại
người có thấy thôi xin đừng ái ngại
bến xe dò ta tìm ghế ngã lưng
đưa con hoang là gã khách lạnh lùng ?
thôi cũng được ta cảm ơn Phố cũ
Phố trầm lặng Phố sâu nghiêng bóng rữ
ta lại đi ta lại phải giang hồ
ôi cao-lầu chưa ăn kịp vài tô
nhưng lòng đã ám hương tình của đất
Ôi Hội-An đừng cho ta bật khóc...

Trên đường về Miền Tây

Thơ TRẦN CỎ SƯƠNG

Ta từ Biên Hòa về miền sông Hậu
Ngày phép quân trường chan chứa niềm hoài hương
Em chán thành đô xuống chơi vùng châu thổ
Mình có duyên nên quen nhau dọc đường
Ta mời em uống nước chờ qua « bắc »
Vạt áo dài màu bông phấn bay phất phơ
Em dễ thương mím nụ cười mười chín
Ôi duyên lưu rơi xuống thật linh cơ
Đò Mỹ Thuận, những chuyến xe quen thuộc,
Ta và em trên sông nước Tiền-giang
Cô nữ sinh năm cuối cùng Trung học
Có nghe trong ta bao giây phút rộn ràng ?
Sông dù rộng nhưng đò rồi vẫn tới
Em cũng buồn ngủi khi nói lời chia tay
Em ghé Vĩnh Long những ngày hè muộn
Con đường ta đi bỗng dưng thêm dài

Cánh tay đã lìa

Cồn ngồi nhâm nhi uống rượu, chiều nay không biết là lần thứ bao nhiêu, cũng chỗ này trong góc Cầu lạc bộ của bệnh viện, chàng ngồi mài miệt uống rượu lạnh ngắm cái ống khói lò hỏa thiêu ở xế bên cửa Cầu lạc bộ. Ống khói lêu nghêu, xây bằng gạch thẻ cháy nám từng chỗ, loang lổ, chỗ đậm chỗ nhạt trông như con hươu cao cổ đang nghênh cổ thở ra hơi khói trắng đục, những lúc gió tạt vào Cầu lạc bộ đưa vào mùi thịt cháy khen khét.

Ngay buổi sáng hôm sau khi ra khỏi phòng hồi sinh, mẩu cánh tay cụt hầy còn đau buốt, chàng cũng đã cố nhờ người bệnh nằm cùng phòng với mình đẩy chiếc xe lăn đưa chàng xuống lò hỏa thiêu tìm lại cánh tay gãy lìa của mình. Chàng muốn giữ lại mẩu thân thể đã sớm lìa khỏi thân thể chàng đó cho tới ngày lìa đời, bỏ vào quan tài đem chôn vùi chung dưới ba tấc đất. Người ta đã quăng cánh tay gãy lìa của Cồn vào lò hỏa thiêu. Cánh tay đã cháy thành tro than. Chàng đã ngồi đây hàng giờ, nhiều lúc chàng có cảm tưởng như đang thấy cánh tay cháy xèo xèo trước mắt mình, và cho mãi đến bây giờ Cồn vẫn có cảm giác mẩu tay còn lại lủng lẳng bên vai đang cháy âm ỉ, ngón dẫn, bông rạt...

Cồn biết rằng trong đám tro bụi đang lờn vờn quanh chàng, chàng

đang thở hít vào đám tro bụi của chính thân xác mình, biết đâu chúng chẳng ủa tới, tìm về thân xác chàng.

Cồn khóc, nước mắt nhạt nhòa. Rượu giúp chàng khóc ngọt bùi, buông thả. Chàng cảm thấy chông chênh. Chàng khóc cho tới khi nước mắt không còn. Lúc đó, rượu khơi dậy tính nghịch ngợm: chàng ngoáy mẩu tay cụt ngón theo điệu nhạc, trong như cánh tay loài hải cẩu.

Cồn chờ người con gái hầu bàn có bộ ngực đồ sộ nhìn về phía chàng, Cồn vẫy gọi. Chàng không biết người con gái có bộ ngực đã nảy nở từ trước hay là sau khi cô ta vào làm ở nơi này.

Người con gái tiến tới đứng bên chờ, Cồn hấp háy đôi mắt. Chàng đút cánh tay lạnh lặn còn lại vào túi như đề lấy tiền.

Cồn thấy cánh tay vô hình táy máy. Nó muốn sờ mó. Chàng cố kiểm hãm cánh tay "mất dây", cánh tay đã trở thành bất trị của mình. Cánh tay đã phản loạn không còn nghe theo ý tưởng của chàng. Nhiều lúc Cồn nhận thấy không hẳn là chàng không đồng lõa với nó. Cánh tay quái đản đã gãy lìa, nhưng không hiểu sao Cồn vẫn thấy nó còn sống với thân xác chàng...

Nó lăm le muốn đưa lên vuốt

khối thịt căng tròn của người con gái đứng bên cạnh. Còn rùng mình, sợ hãi. Máu dâng lên làm chín khuôn mặt chàng. Xấu hổ trải ra hăng hà sa số mũi kim nhọn châm nhẹ nhẹ lên da mặt chàng, nhưng cùng lúc đó cảm giác rần rần ấy trở thành một thứ vô về, vượt ve chàng. Một cảm khoái kỳ thú. Còn lăm lét nhìn từng khuôn mặt trong đám đông đang vây quanh chàng.

Cánh tay vô hình của chàng đưa lên, đưa lên. Đưa lên. Người con gái vẫn đứng thản nhiên. Còn rút bàn tay còn lại đưa lên nắm chặt mẫu vai cụt như muốn giữ cánh tay tội lỗi lại. Bất trị. Còn co nhỏ người lại, chết lạng từ từ. Tê dại.

Còn nhận thấy người con gái không mặc áo nịt ngực. Người con gái xoay người lại lườm chàng. Còn cúi mặt xuống, khuôn mặt của một kẻ gian, chàng thấy đôi chân mình run lẩy bẩy, hình như người con gái la làng cầu cứu. Nhưng không, người con gái chỉ bước ra xa vài bước, dường như nàng chỉ kinh tởm mẫu tay cụt ngùn của chàng. Nàng kéo căng phần áo thun chùn lại phía trên gò ngực. Còn ném vọi mấy tờ bạc lên bàn.

Mừng rỡ, Còn lên ra khỏi đám đông. Chàng đi lang thang cho tới khi cảm giác tội lỗi chỉ còn lại những ray rứt, ăn năn. Tiếng chuông nhà thờ đổ, khiến chàng dừng lại, ngửa mặt lên nhìn tháp chuông. Chàng đứng nhìn quả chuông cho tới khi nó thông xuống, bất động.

Còn bước vào nhà thờ, chàng tìm một góc vắng, quì xuống, mặt úp xuống bàn tay còn lại...

Có tiếng người tăng hăng trong tòa giải tội. Còn ngàng nhia lên, không còn ai trong nhà thờ. Chàng thu hết can đảm tiến tới tòa giải tội đặt đít ngồi xuống ghế xưng tội...

— Thưa Cha, con muốn xin Cha giải tội cho con.

— Chuyện gì, con cứ cho Cha rõ, cha sẵn sàng giúp con.

— Cánh tay cụt của con...

— Cha đã thấy...

— Cánh tay con đã gãy lìa khỏi thân xác con, nó đã cháy thành tro than trong lò hỏa thiêu nhưng không hiểu sao nó vẫn còn bám dính vào thân xác con.

— Cha không thấy nó...

— Mọi người không thấy nó nhưng nhiều lúc con vẫn thấy nó, thỉnh thoảng soi gương con bất chợt thấy nó trong gương.

— Chắc vì con luyện tiếc nó nhiều.

— Thưa Cha nó là một phần thân xác con, một phần thân xác quý giá nhất nơi thân thể con, thưa Cha con là một họa sĩ, và đó là cánh tay phải.

— Con bị mất trong trường hợp nào.

— Bị pháo kích, thưa Cha. Thật ra nhiều lúc con mong muốn nó còn tồn tại và sống mãi với con, nhưng nhiều lúc con không kiềm hãm và điều khiển nổi nó nữa.

— Cha nghĩ đó là một ảo giác, sao con không thay cánh tay cụt của con bằng một cánh tay giả.

— Thừa Cha, con đã cố nhiều lần nhưng không tài nào được. Nó ghen tuông làm con khó chịu và cuối cùng con phải từ bỏ cánh tay giả.

— Con nuông chiều nó.

— Vì nó còn sống với con và đem lại cho con những cảm giác...

— Những cảm giác tội lỗi?

— Chính vì vậy con muốn xin Cha giải tội cho con. Nó táy máy khi con đứng gần đàn bà con gái.

— Phản ứng của họ ra sao?

— Con cũng không biết rõ nữa. Có người lờm con rồi tránh ra xa, có người đỏ mặt, nhột nhạt...

— Con hãy cố kiềm hãm nó, Cha sẽ cầu nguyện cho con, tốt hơn hết là con hãy tìm đến bác sĩ...

Còn rời nhà thờ đi lang thang. Thật ra nhiều lần chàng muốn tìm đến

bác sĩ nhưng chàng lại nhút nhát, sợ hãi, chàng luyến tiếc, vương vấn những cảm giác tội lỗi, chàng thích thú đồng lõa với cánh tay đã lìa, cánh tay vô hình còn dính vào xác thân chàng, một bàn tay di vãng.

Một bản nhạc quân hành vọng lại, Còn sửa lại chân cho đúng nhịp bước. Chàng chớp mắt nhìn xuống hai bên thân: hai cánh tay chàng đong đưa, đong đưa đang đánh đàng xa...

Còn đi ép sát vào một người con gái đang đứng im chờ đợi ai, dưới gốc cây bên đường, trong bóng tối mờ mịt. Còn thò cánh tay còn lại vào túi rút bao thuốc lá, chàng bước nhanh lướt qua người con gái.

— Đồ mắc dịch!

Còn mỉm cười, cúi thấp đầu xuống, lăm lăm bước đi, lắc lư.

NGUYỄN XUÂN QUANG

ĐÓN ĐỌC

HÀM NGHI và PHONG TRÀO CẢN VƯƠNG

của ĐÔNG TÙNG và HỒNG LIÊN

Căn cứ trên những tài liệu chưa được công bố:

- về những hoạt động tích cực của phong trào Cản Vương tỉnh Nghệ-an
- về niên hiệu Hàm Nghi thứ 5, 6, 7, 8, 9, 10
- về nguyên văn các tờ trình, văn kiện trong nội bộ Cản vương; tư văn của Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải gửi các quan Pháp; biên bản khám nghiệm tử thi Phan Đình Phùng v.v... Tất cả đều được chụp in lại nguyên bản.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Vết rạn trên da đá

Sau buổi lễ, dường như chỉ còn có Vịnh và cô Ngân ở lại trên sân trường. Họp hành phân công cho nhiều, cuối cùng từ ông hiệu trưởng cho đến cai trường đều bỏ về, mọi chuyện buổi chiều lo dọn dẹp sau. Cô Ngân ở lại vì cái mền màu xanh dương mới tinh của cụ Khuyển. Cô giáo được phân công việc xếp đặt phần thưởng, đem trao cho quan khách sau khi ông hiệu đọc danh sách các học sinh xuất sắc. Trong tình cảnh thiếu thốn chung của trại định cư, đáng lẽ Ngân chỉ lo xếp các gói vở trên hai chiếc bàn gỗ tạp kê sát vào nhau trước mặt ông quận là đủ. Nhưng khát vọng thầm kín của phái yếu, niềm mong ước đạt cho được tậu cùng của cái đẹp quấy rầy cô giáo. Ngân thấy cầu thả như vậy tội nghiệp cho lũ học trò ngoan của mình. Nàng nắn nỉ mượn bà cụ chủ nhà trọ cái mền Đại Hàn vừa được cấp phát để phủ kín mặt bàn loang lổ mực xanh mực tím. Những gói sách vở mỏng manh đặt trên nền vải len màu lơ, tạo nên một cảnh sắc chan chứa hi vọng và triu mến. Ông hiệu trưởng khẽ lời ca tụng óc thẩm mỹ của Ngân, đồng thời trưng dụng luôn cái bọc ni lông bao mền phủ lên cái bàn thấp trước mặt ông quận. Ngân căn dặn :

— Ông hiệu cẩn thận cho chút. Tôi đã hứa giữ gìn cẩn thận. Bà cụ chặt chiu không dám dùng, cho mới để dễ bán.

Vậy mà cuối cùng, xong cuộc, chỉ có một mình cô giáo lo xếp mền, lấy ống tay áo gạt hết nước trà đổ vương vãi trên mặt ni-lông trước khi bọc mền lại như cũ. Vịnh đang gỡ cái khẩu hiệu « Chào mừng quan khách », thấy Ngân khó nhọc tranh đấu với cơn gió lạnh thổi từ đỉnh núi xuống thung lũng, mãi một lúc lâu chưa xếp gọn được chiếc mền, vội đến giúp :

— Cô để tôi giữ hộ một bên.

Ngân chữa thẹn :

— Em tưởng dễ. Không ngờ gió mạnh quá đi mất.

Lúc đó, gió bỗng nhiên thổi dữ hơn. Chiếc mền càng lộng thành cái dù rộng, kéo bạt hai người đi một khoảng xa. Vịnh cười :

— Cô nắm cho chặt nhé. Trời muốn mình bay bổng lên không.

Ngân cố ngược cao mặt để tránh làn tóc rối phủ lấp cả mắt, nói trong hơi gió :

— Em chỉ mong có thể. Mong gió thổi tạt em qua khỏi đèo, cho em về miền đồng bằng. Nếu biết phải lên đây...

Vịnh đưa hai ché mền cho Ngân, rồi giúp nàng gấp tư trở lại. Thấy vẻ mặt Ngân phụng phịu, và nhìn đôi môi tái vì khí núi và sương buổi sáng của Ngân, Vịnh cảm thấy lòng mình bàng hoàng, thương xót lẫn với lo lắng. Chàng biết nếu mình

bạo dạn hơn, quả quyết hơn trước, nhân cơ hội này, chàng có thể nắm lấy hai bàn tay nhỏ của cô giáo, ủ nóng trong tay mình. Biết bao lần chàng muốn làm như vậy, hồi hộp nhìn mấy ngón tay nhỏ không trang điểm ấy xếp dài ngoan ngoãn đầu đó trước mắt chàng, hình như đang chờ đợi trong lặng lẽ, thúc giục trong e ấp nhu mì; thế mà lòng can đảm bỏ rơi chàng giữa cơn lúng túng cuống quýt. Vịnh nghĩ nhanh: « Cuối niên khóa rồi. Ngày mai, hay biết đâu ngay buổi chiều nay, Ngàn sẽ xin về. Rồi biết đâu nàng không tìm cách thuyên chuyển khỏi khu định cư heo hút, lìa bỏ vĩnh viễn thung lũng nắng chói trên nền xi-măng và gió thổi ào ào từng cơn mỗi đêm khuya này. Xe sẽ chở nàng qua đèo. Xe sẽ đi thật nhanh, tìm lại những phố biển. Ở đó Ngàn sẽ ngây ngất với gió cát và mặt sóng xanh, quay cuồng trong ồn ào. Ở đó Ngàn như một hạt cát tung tăng giữa khí hậu cuồng nhiệt của miền nhiệt đới, trí nhớ bốc hơi nhanh như khói thuốc lá, xóa nhanh hình ảnh một ông thầy giáo tâm thường, lặng lẽ, vụng về... » Càng nghĩ Vịnh càng thấy lòng nôn nao. Ngàn nhắc:

— Anh đưa chéo mền cho em. Anh sao thế?

Vịnh giật mình nói lảng:

— Gió dữ thật. Lúc này tôi chỉ sợ tấm khăn hiệu bị gió giật rơi xuống đầu ông quận trưởng. Tôi đóng đinh chặt kỹ, nhưng gió làm rách cả vải.

Ngàn tưởng tượng hình ảnh ngộ nghĩnh, cười lên thích thú.

— Nếu rơi thật, thì ông quận sẽ ra sao?

— Sẽ nổi sùng.

— Sẽ nổi sùng, nhưng vì ở thế kẹt, không thể để lộ sự giận dữ cho mọi người biết, nên nét mặt vẫn tỉnh táo Ông quận sẽ ngồi yên, xem như không việc gì xảy ra cả. Ông hiệu trưởng chạy đến xin lỗi, ông quận sẽ phác tay nói nhỏ: « Không sao. Không sao »!

Vịnh khâm phục trí tưởng tượng hợp lý của Ngàn, tiếp nối của trò chơi phạm thượng thú vị ấy.

— Tuy vậy ông hiệu trưởng sẽ không yên tâm. Ruột ông rối lên. Người ta — nghĩa là tôi đây — vừa giới thiệu ông hiệu trưởng đọc diễn văn chào mừng. Ông hiệu trưởng sẽ lên chỗ đặt micro, sẽ thò phù phù vào đó xem máy có tốt không. Máy tốt. Ông bắt đầu, nhưng bài diễn văn ở đâu kia? Túi trên không thấy — Túi quần? Không! Chẳng lẽ lại bỏ vào túi sau! Chẳng lẽ phải móc bóp ra trước mặt quan khách lục tìm bài diễn văn như lục tìm thẻ căn cước khi bị cảnh sát xét hỏi! Ông hiệu trưởng sẽ phải ứng khẩu.

Ngàn tiếp lời Vịnh và giọng đọc bài e a:

« — Thật là một vinh hạnh cho toàn thể học sinh và giáo viên chúng tôi khi được tiếp đón ông quận trưởng trong buổi lễ phát phần thưởng này. Sự hiện diện của ông quận trưởng là

một khích lệ lớn lao... »

Nàng không dẫn được cái cười tinh nghịch, phải dừng lại ở lưng chừng. Vịnh liếc nhìn hai bàn tay ngoan của Ngàn trên nền vải xanh, cố quay đi để khỏi bị đưa đẩy đến một hành động can đảm tuyệt vọng. Nhưng chàng lại bị gương mặt tươi cười đang nghiêng chếch lên phía đỉnh núi, đối diện với hướng gió của Ngàn thu hút vào ngây say. Vịnh thì thào :

— Cô dám ngàng mặt trước đầu gió. Xứng đáng làm hiệu trưởng lắm.

Ngàn chưa kịp nhận ra cái giọng cảm động bất chợt của Vịnh, tiếp tục bông đùa :

— Lúc ấy « tôi » sẽ rút một tuần lễ xuống bót, cho thời gian ngắn lại theo ước mong của lũ nhỏ. Mỗi tuần lễ gồm có 1 ngày. Ngày đó là ngày chủ nhật. Và để lấy điểm của giáo viên, « tôi » sẽ cho phép họ dẫn học trò lên đầu núi, chỉ cho học trò thấy lối qua đèo, thấy sông Côn, thấy đụn cát, thấy biển cả. Chao ôi ! nước biển mùa này trong và xanh. Gió không cuồng như ở đây.

Vịnh thấy đau ở trái tim, như nhịp luân lưu của cuộc sống chàng đột ngột bị khựng lại. Ngàn trước mặt chàng đặt ý nghĩa của hạnh phúc dưới chân đèo, bập bênh trên những đợt sóng. Đã từ lâu, chàng cố gắng lôi kéo nàng vào quyết định chung, quyết định của gần hai mươi nghìn người mất quê hương cam chịu mọi đẩy đưa của hoàn cảnh và số mệnh, bằng lòng đứng chân trên bãi doanh

rai hoang liêu này, dựng vôi chỗ núp gió, cày xới thung lũng để gieo hạt hy vọng, tự đặt vào đời sống định cư. Núi cao bao bọc lấy thung lũng ngấm bảo cho loài người sự khiêm tốn, nhẫn nhục. Gió đêm đêm đe dọa, ngăn ngừa các cuồng vọng. Thế mà chưa lúc nào Ngàn bỏ hẳn ý định leo lên đỉnh núi để thấy suốt cả sườn phía đông của Trường Sơn, tìm cho được vùng đất hứa là những bãi cát trắng. Vịnh nhận thấy phải cố bảo chữa cho Cao nguyên :

— Tuy vậy nhưng gió ở đây hiền. Nó chỉ hùng hồ bề ngoài. Cô thấy không, ai lên ở đây cũng mạnh khỏe ra. Không bù với thời kỳ ở dưới Phú Tài, gió biển thổi qua núi đá nóng đến là người.

Ngàn không muốn tranh luận với Vịnh như mọi lần, chỉ bảo :

— Mấy đêm nay em không ngủ được. Từ khoảng chín giờ là gió bắt đầu hú. Căn lều của bà cụ như muốn xiêu muốn đổ. Bà cụ ho cả đêm. Em đề nghị xò cái mền này ra đắp cho ấm. Bà cụ nhất định không chịu. Cứ muốn đề nguyên trong bọc cho dễ bán. Tội nghiệp quá. Còn em nôn nao không có cách nào chợp mắt. Thôi thì nghe rõ được đủ thứ âm thanh. Tiếng gió ào ào trên cao khác với tiếng gió rít qua mái tôn. Tiếng gió đập phần phật lên vách lều làm bằng bao cát và ván tạp. Tiếng của cát hay sỏi bị gió cuốn va chạm như tiếng mưa rào.

Vịnh cười bảo :

— Cô đúng là một nhạc sĩ mù, có tài phân biệt được những âm thanh lạ. Tôi thì chỉ ghi nhận đại khái được tiếng gió thổi hung dữ, và tiếng keng cãm canh trên chi khu. Nhất là tiếng keng, vì hồi bị bắt, hề lần nào về khuya có ý tưởng liêu lĩnh đào thoát, là tiếng keng lại đến đúng lúc, như cảnh cáo đe dọa.

Ngàn cãi lại :

— Tiếng keng ở đây khác. Đề em nhớ lại xem nào. Đầu tiên là tiếng keng ở trạm canh gần nhất. Có lẽ trạm canh chỗ công chi khu. Âm thanh trầm, ngân dài, thông thả ba tiếng tiếp nối. Em nằm chờ một lúc độ 5 hoặc 3 phút, thì nghe được vọng canh thứ hai trả lời. Họ dùng loại vỏ đạn nhỏ hơn, nên tiếng thanh và vọt, giống như tiếng con bò cái trả lời tiếng *Nghé o* gọi đàn của con bò đực, thanh bình chi lạ ! Nhưng hai giọng keng của trạm cuối khác hẳn. Giọng keng trạm canh thứ ba quá thanh, lại quá xa nên gió giật bạt sang hướng khác, nghe như tiếng một cô bé lạc cổ thất thanh gọi mẹ. Còn tiếng keng vọng canh cuối thì vờ ra, như tiếng ho của bà cụ Khuyến — Hình như mấy anh lính canh quá lười, nhất đại một ống đạn cũ hoen rỉ làm dụng cụ cãm canh.

Vịnh thấy Ngàn không bao giờ quên được cái ý tưởng bỏ đây mà đi, ý tưởng đã ám ảnh nàng, làm cho gương mặt nàng lúc nào cũng bần thần, tâm trí lúc nào cũng gửi cả về miền xưa. Sự xa lìa ở hồ với thực tại trước mắt, nhất là trong cảnh vật thực tại ấy có Vịnh, có

niềm hy vọng của Vịnh, có đôi núi thung lũng sương đêm và cây cối che chở bao bọc cho niềm hy vọng của chàng khởi bay theo gió, đã làm cho Vịnh lo lắng. Chàng không biết phải làm gì, nói gì, đành nhắc Ngàn :

— Trưa rồi. Minh về thôi. Đề tôi đưa cái mền về nhà bà cụ.

Ngàn giật mình trở lại thực tế từ chối :

— Thôi, đề em về được rồi.

— Nhưng cái mền này cũng keng quá. Cô đưa cho tôi. Còn cô thì ôm giùm câu khâu hiệu.

Lúc Ngàn trao bọc mền cho Vịnh, chàng đề ý thấy vết nước trà hoen ở cánh tay áo dài trắng phía phải. Ngàn phân bua :

— Em đã sợ, nhưng không tránh được. Gió làm đổ tách nước trà trước mặt ông quận. Em lại không tìm thấy thứ gì để lau. Đành dùng ống tay áo vậy. Đề nước trà đi cái mền mới của bà cụ, rầy rà to. Em đã hứa đem xuống dưới ấy bán giúp cho bà cụ, chắc chắn giá cao hơn ở đây.

Vịnh không thể dẫn được lòng giận dữ, quay lại nhìn Ngàn trách móc trong im lặng. Ngàn không hiểu sự im lặng đột ngột và thái độ bạo dạn thất thường ấy. Vịnh đành bảo :

— Tại sao lúc nào cô cũng chỉ nghĩ đến chuyện bỏ đây mà đi. Về ! Về ! Làm như mọi người ở đây đều là thù hằn, đều là... Vịnh muốn tìm một chữ độc địa để ám chỉ mình, như chữ « quê mùa », như chữ « tầm

thường» như chữ «kém cỏi ngu dốt». Nhưng chính vì đó là những mấu chốt của mặc cảm đau đớn, vì không muốn công khai xác nhận niềm tuyệt vọng của đời mình, nên Vịnh ngưng lại. Chàng giận mình, giận hoàn cảnh mình, giận cuộc đời mình. Giận tất cả cái trớ trêu ngoắt ngoéo của cuộc sống phức tạp. Có một điều chắc chắn, là chàng không dám giận Ngân, vì lúc đó cô giáo đứng dừng lại, cái nhìn van lơn, hối tiếc :

— Tại em sống ở đây, bất tiện quá. Không phải em sợ khổ đâu. Lúc còn đang học sư phạm, em đã vào hướng đạo. Mùa hè đó không ngày nào bọn em không có mặt ở trại tạm cư. Vét giếng. Khai hầm rút. Làm cầu tiêu. Phát thuốc. Đôi khi làm cả thẻ gia đình, thẻ trợ cấp xã hội cho đồng bào bị nạn nữa. Cả ngày làm việc quần quật, mệt nhọc thể xác và mệt nhọc cả tinh thần. Trong cảnh cùng quẫn, hình như con người ích kỷ xấu xa hơn. Họ muốn vơ hết đồ trợ cấp cho mình, hoặc muốn bẻ cả hộp thuốc cho chắc ăn. Em phát khóc vì không chịu nổi những tiếng bác tiếng chi. Họ đổ cả sự bực bội bất mãn lên đầu tội em vì biết tội em vô hại. Tuy vậy, không có lúc nào em nghĩ đến thối chí, chán nản. Em hiểu vì sao họ cau có, họ tham lam, họ nóng nảy. Họ như cái cây bị bật gốc. Hồi đó em đặc biệt chú ý đến lũ nhỏ. Quần áo rách rưới, mũi chảy thò lò, mặt mày nhem nhuốc, lũ trẻ không có trường để học hành, suốt ngày ngồi đợi ở cổng trại. Chúng đợi xe chở gạo. Xe vừa dừng,

thì cái rùng con nít khét nắng ấy bu lại, lấy dao rạch thủng bao gạo Mỹ để cướp. Thấy cảnh đó, ai cũng phải nản. Em quyết định phải tìm chỗ mở lại lớp học. Bàn là các súc gỗ tạp kê trên hai chõng gạch. Ghế là mấy viên gạch xi măng đúc. Ban đầu lũ trẻ chê, không thèm tới. Tội em nhờ ban quản trại ép buộc cha mẹ cho con cái đi học. Sĩ số ngày một đông thêm. Em phải nhờ ba giáo sinh khác dạy bớt. Anh thấy không, lúc ra trường, em không ngần ngại chọn nhiệm sở là trại tạm cư. Học trò ở đây coi như học trò cũ của em hết. Nhưng lúc trại bị giải tán, và đồng bào được chở lên khăn hoang trên này, thì mọi sự đổi khác. Em phải xa nhà, một thân một mình lên miền heo hút này. Nếu ông hiệu trưởng không gửi em cho bà cụ Khuyến thì em còn biết ở đâu. Em oán hận mình là con gái. Bất tiện nhiều chuyện quá !

Vịnh xúc động khi nghe giọng khăn thiết chân thành của Ngân, nhưng chàng vẫn thấy tức tối vu vơ. Chàng muốn tìm một lối nói châm biếm khéo léo, hoặc chỉ trích kín đáo. Chàng bối rối và hoang mang đến nỗi mãi một lúc lâu chàng chưa tìm được lời nào. Bước chân hai người trên đường sỏi, tiếng khua động của đất đá không đủ khóa lấp sự trống trải, lạnh lẽo bất thường. Ngân tự nghĩ mình đã nói nhiều, nói hết, và bây giờ phải đến lượt Vịnh. Nàng chăm chú nhìn xuống con đường xi-măng lồi lõm dẫn về túp lều của cụ Khuyến, lâu lâu liếc nhìn Vịnh kiên nhẫn nhắc

nhỏ, đẹp ghê. Giọng Vịnh sợ sệt, thiếu hẳn quả quyết :

— Mọi sự đổi khác. Có lẽ đúng. Tình cảnh của đồng bào ở trại tạm cư hay ở đây cũng như nhau. Lũ trẻ nhỏ cũng vậy. Sự xa nhà chỉ là một yếu tố nhỏ. Nguyên nhân chính, theo tôi, là do tâm trạng của cô ở dưới đó khác với trên này. Lúc còn đi học, cô sống an toàn, làm việc xã hội như là diễn một vở kịch cảm động, theo dõi một trò chơi lớn. Cô có khổ đấy, nhưng nhờ ưu thế an toàn, cô tách rời với đám đông nheo nhóc, làm một bà tiên hiền dung dị hay làm một khán giả từ tâm. Khi lên đây, ưu thế an toàn không còn nữa. Đời sống của cô là đời sống chung của khu khàn hoang. Cô phải tranh với dân định cư từng ca nước để rửa mặt, phải nếm cái lạnh của khí núi hàng đêm. Bỏ vai trò khán giả, cô thành diễn viên. Giả sử bây giờ có một toán thanh nữ hướng đạo đến nhà cụ Khuyến quét tuyết giùm cho cô, đào giếng giùm cho cô, hỏi han thăm nom cô với giọng kẻ cả như cô đã hỏi han thăm nom lũ trẻ trước kia, cô sẽ cảm thấy thế nào? Sự đổi khác là ở đó, không phải là khí hậu, hay cao độ, hay xa gần gia đình...

Vịnh nói một mạch, càng nói càng bạo dạn, giọng nói bớt rụt rè và thêm mạnh bạo, phần kích. Cho đến lúc chấm dứt, chàng hốt hoảng, không hiểu vì sao mình dám nói những câu như vậy với một cô gái nhiều thiện chí và sống cô độc xa nhà. Chàng tự trách đã để lòng ích kỷ xúi giục, đưa chàng tìm lý lẽ biện

hộ cho mình và phi báng kẻ khác. Ngàn không nói, chỉ cắn cùi bưóc. Nàng giận rồi, làm sao đây? Ước gì gió thổi bạt những lời căm hận của Vịnh, đem trả về không trung. Hoặc tiếng sỏi dưới chân lấp mắt những lời, những tiếng lí nhí của chàng. Ngàn có nghe rõ không? Tại sao nét mặt của nàng tự nhiên khó hiểu, trở thành một bí nhiệm tuyệt đối : ở đôi môi mím, ở ánh mắt che giấu trong mái tóc rối, ở gò má hơi cao và lối dùng tấm vải khâu hiệu che mắt nửa khuôn mặt. Vịnh không thể đoán được Ngàn đang vui hay đang buồn. Chàng hỏi nhỏ ?

— Chắc cô giận tôi :

Ngàn ngược lên, ánh mắt xa như gửi vào tận đâu đâu :

— Anh hỏi gì em ?

— Tôi hỏi : Chắc Ngàn giận tôi ?
Ngàn ngo ngoác thật sự :

— Anh có làm gì phật lòng em đâu ?

Vịnh nghĩ nhanh : « Cảm ơn gió thổi. Cảm ơn tiếng sỏi, hay cảm ơn huyền lực của bãi cát trắng lù mù bên kia đèo. Chàng hỏi sang chuyện khác :

— Chừng nào cô về ?

— Em định chiều nay, không biết có chuyến xe nào không.

Vịnh cố nói vớt :

— Chắc không còn chuyến nào đâu. Từ hơn tuần lễ nay, đường qua đèo không yên, nhất là về buổi chiều.

— Em cũng nghĩ vậy. Và lại phải tìm người gửi gắm bà cụ. Em sợ suốt ba tháng hè, ở một mình, không ai rót nước cho cụ mỗi lần lên cơn suyễn.

Ngàn ngần ngừ một chút, rồi lấy bạo đề nghị.

— Hay anh dọn lại ở đằng nhà cụ Khuyến cho vui?

Vịnh không trả lời ngay, lăm lăm bước về tận hương về bối rồi van lơn từng là dáng điệu đẹp nhất của cô giáo. Ngàn chụm lấy cơ hội quý giá, nói thêm:

— Anh nhận không? Em sẽ đề nguyên đồ đạc cho anh. Cái giường bố, khỏi phải trả cho ông quận. Ông ấy biếu em rồi. Mền gối em để lại đây cũng được. Dưới đó mùa hè nóng, không cần. Em còn cả một cái rề-sô nhỏ nấu bằng xăng, và mấy cuốn truyện...

Ngàn càng nói, Vịnh càng nao nức. Chàng tưởng tượng đến lúc được hít thở cái không khí quen thuộc của cô giáo, áp má lên mặt gối ấy, được cầm quyền sách ấy, nhìn lên đỉnh mùng ấy, lan man theo dõi một sự hiện diện thân ái quanh quần, hư hư thực thực như tình yêu của chàng. Lúc ấy họ đã về tới trước túp lều của cụ Khuyến. Ngàn, trong vội vã quên cả dè dặt, cầm lấy cánh tay Vịnh dặt dặt:

— Anh đồng ý rồi nhé. Mai dọn lại đây nhé. Đồng ý chưa, em vào báo cho bà cụ mừng.

Vịnh phải hoãn binh:

— Cô phải cho tôi chút thì giờ suy tính đã chứ. Nhất là phải hỏi xem cụ Khuyến có cho tôi ở trọ không. Ở với cô, ngoan ngoãn dịu dàng, khác với tôi chứ.

Bà chủ trọ của Ngàn nghe tiếng hai người, từ trong nhà bước ra. Ngàn vui vẻ nói:

— Con vừa nhờ anh Vịnh lại ở đây với cụ trong ba tháng hè. Anh ấy sắp bằng lòng rồi. Chỉ ngại cụ thấy phiền.

Trái với sự chờ đợi của Ngàn, bà cụ không mấy vồn vập với đề nghị của nàng. Cụ Khuyến khẽ gật đầu chào Vịnh như chào một khách lạ, rồi quay sang nói với cô giáo:

— Cháu về trễ quá. Tôi chờ mãi. Tiền trọ cấp có lãnh được đâu. Họ bảo phải thêm cái đơn gì nữa đấy.

Bà cụ đưa cho Ngàn cuốn sổ gia đình cuốn tròn. Một cán bộ hành chánh nào đó trên quận viết lên mặt giấy lịch, bảo bà cụ thiếu chứng từ xuất trại. Vịnh liếc nhìn vào sổ gia đình, thấy hình bà cụ đứng một mình trước câu khẩu hiệu chống Cộng, hai tay cầm lá cờ nâng cao ngang ngực.



Trong cuộc cạnh

tranh để sinh tồn, họ là những người thua thiệt. Hơn nữa phần lớn các ông già bà cả lại không biết chữ. Điều đó gây phiền phức cho cơ quan hành chánh, và cho họ.

Ngàn lấy cái mền trên tay Vịnh trả lại cho cụ Khuyến. Thấy bà cụ chú ý vết nước trà dổ trên bao nhựa, Ngàn phải nhanh miệng nói:

— Cụ khỏi lo. Đề chiều nay cháu lên gặp ông quận, xin giấy tờ bỏ tức, nếu không xong, mai con sẽ xuống tỉnh. Con cũng sẽ mang luôn cái mền về dưới đó bán cho cụ.

Trút được gánh lo âu, bà cụ đỡ hẳn thái độ. Cụ vồn vã mời Vịnh vào nhà, giục Ngàn pha nước mời khách. Vịnh từ chối, vì đến lúc ấy, mặt trời mới vượt qua khỏi lớp mây dày, chiếu ánh sáng óng ả xuống các luống rau xanh quanh túp lều của bà cụ. Khi Ngàn trở ra, Vịnh bảo.

— Mấy luống rau hôm nay mướt quá. Cô có bón phân không.

Ngàn vui sướng đáp:

— Không. Em cũng lười tưới nữa. May hai tuần nay tối nào cũng có mưa. Anh không thấy cả thung lũng trở màu hết sao? Hình như đất ở đây hợp với khoai và mì. Anh nhìn kia, ba vòng lang ngoài cùng, công trình riêng của em đó. — Đất này chỉ hợp với mỡ hôi mà thôi. Biết bao nhiêu mỡ hôi đã đổ vào thung lũng...

Hai người cùng yên lặng, rùng mình ôn lại công trình của sức người,

Khu định cư nằm trên doanh trại cũ của sư đoàn 1 không vận. Người Mỹ đã rút đi, bỏ lại một thung lũng loang lổ những nền xi-măng và bờ tường thấp. Dân tị nạn được phân lô của doanh trại để cất nhà. Và để nuôi hy vọng, để định cư, họ phải lấy cuốc, xẻng phá các nền xi-măng trên thung lũng để lấy đất trồng tía. Bàn tay già nhăn nheo của cụ Khuyến, bàn tay ốm yếu vụng về chưa quen với lao động của Ngàn — đã làm rạn những nền đá cứng. Vết rạn loang ra, rộng dần, đất đen bên dưới hứa hẹn cuộc sống mới. Chính nhờ công việc vất vả này của hai người đàn bà, một già một trẻ, mà Vịnh có dịp quen thân với Ngàn. Chàng đã đến giúp họ vỡ đất, lãnh hết phần nặng nhọc. Vườn rau của cụ Khuyến rộng thêm. Những tảng xi-măng được Vịnh xếp chồng quanh vườn, như những pháo đài canh chừng cho đồng bằng trở bông lúa. Những nhát búa Vịnh đập vào nền đá cứng đã làm mềm lòng hai người đàn bà. Nhất là mềm lòng cô giáo. Ngàn bỏ hẳn thái độ phòng-vệ cẩn-trọng ban đầu. Mọi người nhìn họ vừa khuyến-khích vừa chế-diễu. Lòng Vịnh lên xanh, trong khi Ngàn hoang mang chưa hiểu dấu rạn vô hình ấy trong tâm hồn mình báo hiệu điều gì. Cảm giác bàng hoàng bất định ấy hiện giờ còn đó. Ngàn nhắc Vịnh:

— Anh vào nhà, không bị nắng

Vịnh chỉ về phía đất trồng mì:

— Không sao. Nắng Cao nguyên' thắm gì. Cô có thấy mấy gốc mì

kia không ? Thân và lá như vậy là vừa. Lá tốt quá, mì không có củ.

Rồi chợt xúc động vì nhớ lại đời sống kham khổ trong trại giam, giọng Vịnh cũng rạn như mặt đá.

— Hồi bị Việt cộng bắt, suốt một năm tôi chỉ ăn có mì. Buổi sáng, mỗi người tù được phát nước và một muống cà phê muối hòa ra để chấm bánh mì. Nhằm ngày lễ trọng, như lễ Lao động, Sinh nhật H.C.M. mới được phát nước mắm cái. Không phải thứ nguyên chất đâu. Mắm cái, đổ thêm nước và muối cho loãng, phát một ca cho mười hai người. Mỗi lần như vậy, phải tận hưởng khoái lạc của đời sống. Trước hết, mình húp vài muống « nguyên chất » cho « đã », rồi mới pha loãng lẫn nữa để dành chấm củ mì ăn dần. Hồi ấy mình thèm chất mặn, thèm muối chi lạ. Giá được cả nước biển Đông, để

uống cho hết hạnh phúc...

Ngàn yên lặng đứng bên lắng nghe Vịnh kể. Thấy Vịnh dừng lại bất chợt, nàng hỏi :

— Sao anh đem chuyện đó kể với Ngàn ?

Vịnh bối rối không hiểu phút tâm sự thất thường ấy, tìm một lối giải thích mù mờ :

— Chẳng hiểu tại sao ! Chắc vì tôi ghen với biển. Tôi lấy hết sức bình sinh đẩy võ nền đá xếp tường che gió cho mấy ngọn rau. Núi cao vây quanh giữ tất cả chúng ta trong thung lũng thấp. Vậy mà cuối cùng, hình như núi và tôi thua cuộc, không ngăn nổi Cô mơ về biển. Cô có hiểu gì không, hiểu được gì không, hở Ngàn ?

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Qui Nhơn chiều 8-6-1974

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233.235, Phạm Ngũ Lão — SAIGON

Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Những buổi nói chuyện về cổ nhạc Việt-nam của G.s. TRẦN VĂN KHÊ

O Giáo sư Trần văn Khê, nhà nhạc học Việt-nam nổi danh trên thế giới với nhạc Đông phương, trong chuyến công tác tại Úc châu và trên đường trở lại Pháp, có ghé về thăm Saigon từ 15 - 8 - 74. Ông đã được bà con bạn bè và các nhạc sĩ, cùng giới hâm mộ nhạc ở Saigon đón tiếp rất nồng hậu. Trong dịp ở lại thủ đô miền Nam ông đã nói chuyện về cổ nhạc V.N. tại nhiều nơi : 2 lần tại Trường Quốc gia Âm nhạc Saigon, 1 lần trong buổi tiếp tân do Hội Ái hữu Nghệ sĩ V.N. tổ chức, 1 lần tại Trường Đại học Vạn Hạnh, 1 lần tại Trung tâm Văn hóa Pháp, và 1 lần tại Hội Việt Mỹ.



G.s. Trần văn Khê nói chuyện tại trường Quốc Gia Âm Nhạc ngày 24-8-1974.

Tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon, ông đã nói về đề tài : *Vài đặc điểm trong nền cổ nhạc Việt Nam* vào chiều thứ bảy 24/8/74 và đề tài : *Vài ý kiến về vấn đề bảo vệ và phát triển truyền thống Âm nhạc V.N.* vào chiều thứ bảy 31-8-74.

Trong những buổi nói chuyện trên đây ông Phụ tá đặc trách văn hóa có giới thiệu sơ lược tiểu sử của diễn giả và người ta được biết : Giáo sư Trần văn Khê sinh năm 1921 tại xã Bình Hòa Đông tỉnh Định Tường trong một gia đình trung lưu và thuần phục về âm nhạc từ nhiều đời. Nhờ vậy mà ông Trần văn Khê đã sành về đàn kìm và đàn cò từ khi lên 6 tuổi. Đến năm 12 tuổi ông đã biết đàn tranh và người cậu là ông Nguyễn Tri Khương đã dạy đánh trống cúng tế gọi là nhạc lễ. Năm 16 tuổi ông đã chơi được các đàn mandoline, guitare, violon và học nhạc pháp Tây phương.

Từ năm 1941 đến năm 1943, khi học tại Y-khoa Đại-học Hà Nội, ông đã thành lập và chỉ huy một ban nhạc. Sau đó một thời gian ông sang Pháp, học Chính-trị-học tại Paris và tốt nghiệp vào năm 1951. Rồi ông soạn Luận-án Tiến-sĩ Văn-chương tại Đại-học Paris với đề tài chánh : « Âm nhạc truyền thống V.N » và hai đề-tài phụ : *Vị trí của âm nhạc trong giới bình dân V.N ; Không Tử và âm nhạc*. Từ đó sự nghiệp văn hóa của G.S. Trần văn Khê diễn tiến trên hai lãnh vực : giáo dục và nghiên cứu âm nhạc, kịch nghệ. Ông hiện giữ những chức vụ sau đây tại Pháp :

Giáo sư về Dân-tộc Nhạc-học tại Đại-học Sorbonne; Giám-đốc Trung-tâm Nhạc-học Đông-phương tại Đại-học Sorbonne; Giáo-sư Giám-đốc khảo cứu tại Trung tâm Quốc gia Nghiên cứu Khoa học Pháp quốc, (CNRS); Hội viên Hội đồng Quốc tế Âm nhạc thuộc tổ chức UNESCO.

Giáo sư Trần văn Khê đã tham dự, thuyết trình và diễn giảng tại nhiều Đại-hội âm-nhạc quốc-tế, tại nhiều Đại-học các nước trên thế-giới về âm nhạc Đông-phương và âm nhạc cổ truyền Việt nam. Sang đầu năm 1974 này, từ 4/3 đến 10/4, ông cũng đã diễn giảng tại Đại-học Montréal bên Gia-nã-đại về các truyền-thống âm-nhạc Á-châu.

Cũng xin ghi thêm: Giáo sư Trần văn Khê cộng tác với tạp-chí Bách-Khoa từ năm đầu tiên, 1957, cho tới năm 1969 và đã đóng góp cho tờ báo rất nhiều bài nghiên cứu giá trị về âm nhạc cổ truyền V.N. và âm nhạc Tây phương, cùng thuật lại các Đại hội âm nhạc quốc tế mà ông đã tham dự. Vào các năm 1963, 1964 cho tới năm 1968, bà Mộng Trung cũng ghi lại trên Bách Khoa các chuyến đi diễn giảng và trình tấu nhạc Việt của Giáo sư Trần văn Khê và Bà tại rất nhiều nơi bên Âu châu với loạt bài « Nhạc Việt xứ người » được các bạn đọc Bách Khoa rất ưa thích.

Tại Saigon trong những buổi nói chuyện, dù ở nơi nào, Giáo sư Khê cũng đều chỉ ứng khẩu rất lưu loát bằng tiếng Việt hay tiếng Anh (Hội Việt Mỹ), tiếng Pháp (Trung tâm Văn hóa Pháp) trên một tiếng đồng hồ với một giọng đầm ấm, thân mật, dí dỏm. Sau đó thường là phần trao đổi ý kiến, ông lại giải đáp các thắc mắc nêu lên trong một hai giờ liên tiếp, bộc lộ vốn kiến thức thật phong phú của ông về nhạc học, làm thính giả mê say theo dõi ông hết buổi nói chuyện này đến buổi khác. Cũng vì bài ứng khẩu chứ không phải viết sẵn, lại thính thoảng có những thí dụ cụ thể về bài ca, nốt nhạc mà với tài năng thiên phú, ông bắt chước các giọng hát, tiếng đàn, nhịp trống rất tự nhiên, nên câu chuyện của ông thật vui và lôi cuốn, nhưng lại không thể ghi lại đúng từng chữ được.

Bởi vậy sau đây chúng tôi chỉ có thể thuật lại sơ lược hoặc đại ý những lời ông nói mà thôi, mong bạn đọc thông cảm cho.

VÀI ĐẶC ĐIỂM TRONG NỀN CỔ NHẠC V.N

Trước hết Giáo sư Trần-văn-Khê cũng tạ lỗi cùng các bạn ông, vì thời cảm ơn Khố Văn hóa đã tạo cho ông gian trở về chưa có bao nhiêu, nên một dịp gặp gỡ các bạn cũ — các với nhiều bạn ông chưa kịp gọi điện bạn trong giới nhạc và ngoài giới thoại thăm hỏi nữa, do đó đây là dịp nhạc — sau 25 năm xa cách. Ông mà ông trình diện với các bạn, và

đồng thời cũng nói với các bạn về những hoạt động của ông trong 25 năm qua.

Khi về đến Việt-Nam mà lại nói về đặc điểm của nhạc Việt-Nam thì chẳng khác gì có lần nọ ông đến Ba-Tur mà các giáo sư bên đó lại nhờ ông nói về đặc điểm của nhạc Ba-Tur! Hai lần tuy khác nhau nhưng ông cũng có cảm tưởng tương tự là không đem lại được chi mới lạ cho người nghe. Nhưng đây chỉ là một số nhận xét riêng của ông về cờ nhạc V.N, coi như mở đầu cho câu chuyện.

Việt-Nam nằm ở giữa Trung-Hoa và Ấn-Độ nên nhạc cổ truyền của V.N. chịu hai luồng ảnh hưởng của hai nước lớn trên đây. Một số nhạc khí V.N. ngày hôm nay còn mang tên Trung quốc mà đọc giọng VN, chẳng như cây đàn tranh, cũng do cây đàn tương tự ở Miền Nam Trung quốc 16 dây (cây đàn ở miền Bắc T.H. có 13 dây), ống tiêu, ống địch, đàn tam huyền v.v... đều có mang tên Trung quốc mà đọc theo tiếng Việt.

Xét lại cách chép nhạc Việt-Nam: Hò, xự, xang, xê, cống thì cách chép nhạc của Trung quốc, bắt đầu từ đời nhà Nguyên phổ thông: Ho, se, i, chang, tche, cong, fan, liou...

Rồi đến tên các bản nhạc thì Việt Nam có bản « Lưu Thủy » thì Trung quốc cũng có bản « Lưu Thủy » (Cao san lưu thủy).

Việt-Nam không những có nhạc thính phòng mà có cả nhạc triều đình. Ngày xưa bắt đầu từ thời nhà Lê, khi vua Lê Thái Tông sai Lương

Đặng và Nguyễn Trãi khai định nhã nhạc cho nước V.N. thì Lương Đặng đã có nghiên cứu nhạc nhà Minh mà lập ra nhạc V.N. Lúc đó từ quan Thái Thường cho đến Đường-thượng-chi-nhạc, Đường-hạ-chi-nhạc từ lúc trước còn lại, hoặc tất cả bài bản đánh trong cung, Cửu tấu hay Lục tấu, đều phỏng theo nhạc nhà Minh. Nhắc lại từ thời nhà Trần, khi ta chiến thắng được quan Mông Cổ, thì cuối thế kỷ thứ 3 (1238) trong một trận binh sĩ ta bắt được một kịch sĩ của nhà Nguyên là Lý Nguyên Cát, thì kịch sĩ này đã đem ơn tha chết bằng cách dạy người V.N. cái truyền thống ca kịch của Trung quốc. Không phải nền ca kịch V.N. bắt đầu từ đó, vì vấn đề còn đang được xem xét lại, nhưng nếu căn cứ vào sách vở thì bắt đầu từ cuối thế kỷ thứ 13 ca kịch Trung-Hoa đã bắt đầu xâm nhập vào ca kịch V.N, xem từ cách dặm mặt đến cách múa hoặc là quần áo thì có nhiều nét tương đồng, nhưng đi sâu vào chi tiết thì người Việt Nam không bao giờ mượn của người ngoại quốc rồi để y như vậy, luôn luôn là phổ biến và Việt-nam-hóa.

Như vậy nguồn ảnh-hưởng của Trung quốc đối với chúng ta rất quan trọng; quan trọng vì đem cho chúng ta một số nhạc khí, một cách chép nhạc, đưa lại cho chúng ta một phong cách những bài bản, đem tới những yếu tố về nghệ thuật kịch nghệ, về hát tuồng. Ngoài ra, những loại giàn nhạc như ti trúc tế nhạc (dây tơ và ống trúc) thì V.N. cũng do theo người Trung quốc mà ra.

Nhưng nước VN không phải chỉ gần bên Trung quốc mà thôi. Phía Nam Việt-Nam có nước Chàm-pa, nước Chàm-pa có một luồng văn minh Ấn-Độ. Vì thế nếu xem lại những bản chạm ở cột chùa Phật Tích (Bắc Ninh) thì chúng ta thấy các nhạc công đánh đàn có thể đứng như là các Apsaras hay những bức tượng mà chúng ta thấy bên Ấn Độ, nhưng cái chũn có cái nẹp, mà cái nẹp đó (xà-cạp) thì chỉ có ở người Trung quốc mà thôi. Trong bức chạm đó chúng ta thấy sự gặp gỡ của hai luồng ảnh hưởng : Trung Hoa và Ấn-Độ. Xem trong nhạc khí thì chúng ta có cái trống cơm; cái trống cơm từ thời kỳ Lê Tắc viết trong cuốn " Annam chí lược " đã nói đến rằng trong đại nhạc có « phạn cồ bồn chi Chiêm thành giả », cái trống cơm là do Chiêm thành đem tới, mà Chiêm thành lại chịu ảnh hưởng do nơi Ấn Độ đưa qua. Ngày nay Miền Nam Ấn Độ còn có trống *Mridangam* đánh một cách tương tự như trống cơm. (Ở Nam Dương cũng có trống *Kendang chiblon* đánh một thể thức như trống cơm.

Nước Việt Nam còn hấp thụ nơi Ấn Độ nhiều thứ khác nữa chẳng hạn cách dạy đánh trống Ấn Độ khi dạy trống *tabla* họ nói chữ « na » đánh như thế nào, chữ « ta » đánh như thế nào vv... thì VN cũng có cách dạy như thế, là các roi trống bên mặt đánh xuống giữa mặt trống là « toong », rùi rồi đánh nữa là « tà roong », đánh bên tang trống là « táng », « tà ráng », gõ một cái l

« cắc », gõ 2 cái là « trắc », rùi trắc là « tà rắc » vv... Ấn-Độ dạy đánh trống bằng khẩu truyền thì Việt Nam cũng dạy « cắc cắc tùng rụp » gần giống như Ấn.

Trong cách đờn, Việt Nam có cái « rao » thì Trung Hoa ngày xưa cũng có lối đờn như vậy, Nhật ngày xưa khi đờn nhã nhạc cũng có đoạn gọi là *nētori* (âm cảm) là một dịp cho những nhạc công trước khi đờn, so đây rồi tùy hứng, mà ngày nay thành bài cố định là bài *nētori*.

Người V.N. ngày nay còn giữ phong cách đó cho nên trước khi đờn còn rao mấy khúc, khúc rao đó là khúc đàn tùy hứng, từ trong tâm phát ra. Tiếc rằng ngày nay cách rao đó dần dần bớt đi nhường chỗ cho bài bản thì đó là một điều đáng tiếc vậy. Cách rao đó là ảnh hưởng của Ấn Độ bởi vì Ấn Độ tới ngày hôm nay trước khi đờn họ còn rao. Mặc dầu xã hội Ấn đã biến chuyển nhưng cách rao vẫn phong phú. Cái rao của họ tùy theo nơi, tùy theo thì giờ mà có thể đi từ 4 phút đến một giờ đồng hồ. Người ta rao một giờ đồng hồ mà thính giả vẫn ngồi yên lặng nghe thích thú. Khi Giáo sư Khê ghé Ấn độ (năm 1966), ông muốn nghiên cứu tại làm sao người Ấn có thể rao trong 1 giờ đồng hồ mà thính giả vẫn nghe được, trong khi chúng ta rao có 3 phút mà muốn gần như hết chữ rồi. Ông lại nhà Ravi Shankar và ông này ngỏ ý muốn đờn cho ông Khê nghe một buổi. Thường khi ra ngoại quốc lúc đờn, nhà nhạc sĩ Ấn nổi danh này cho rằng

người ngoại quốc chưa thấu hiểu cách rao của Ấn Độ, nên chỉ rao chừng 3, 4 phút thôi không cần rao lâu. Nhưng gặp ông Khê ông lại ngỡ ý muốn đờn cho ông Khê nghe và rao với tất cả truyền thống của nước ông. Ông Khê xin phép được thâu thì Ravi Shankar nói rằng: « Anh đừng thâu là vì trong lúc đờn tùy hứng tôi chỉ muốn anh nghe một lần rồi quên đi, vì tôi có thể tùy hứng xuống câu đờn trật mà anh thâu cái trật đó của tôi giữ lại suốt đời thì tôi không bao giờ dám rao ». Bữa đó Giáo sư Trần Văn Khê đã được nghe một buổi rao trong 2 giờ rất là hào hứng.

Người VN không phải chỉ có học của Trung quốc và Ấn-Độ. Người VN có phần đóng góp của mình bằng cách đưa những nhạc khí mới lạ vào trong số nhạc khí mình đã thâu thập được, đưa những khúc điệu mới lạ, những phương thức mới lạ, những tiết tấu, nhịp điệu mới lạ. Về nhạc khí chẳng hạn, V.N có cây đờn độc huyền còn gọi là đờn bầu, không biết vào nước VN từ bao giờ nhưng cuốn « Kiến văn tiểu lục » của Lê Quý Đôn có ghi rằng hồi thế kỷ 15, khi tiếp sứ ngoại quốc, dàn nhạc VN có một cây nhất huyền cầm cũng có chỗ viết là độc huyền cầm. Cây đờn độc huyền của ta khác với cây Nhất huyền cầm của Trung quốc bởi vì cây đờn của Trung quốc chỉ có 1 dây tơ, 1 tay gảy, 1 ngón tay thì đưa lên đưa xuống, giống như cách đờn Guitare hawaïenne. Cây đờn 1 dây của Nhật, Ichi Gen-K'in, cũng

thế, tay mặt thì đờn, còn tay trái cầm một miếng ngà « Isume », vuốt lên vuốt xuống như đàn Guitare hawaïenne. Cả hai cây đờn 1 dây của Nhật và của Trung quốc đều theo phương pháp làm cho sợi dây ngắn lại để có tiếng cao, và sợi dây dài ra để có tiếng thấp. Cây đờn độc huyền của V.N. thì không thế, người ta đặt bàn tay ở chỗ đặc biệt, đánh lên thì nghe một tiếng bồi âm (harmonique) tay trái lại nắm cái cần lên xuống thành ra sự co dãn của sợi dây làm cho bồi âm đó có 1 cao độ khác nhau. Nhờ đó mà cây đờn độc huyền của ta khác với cây Nhất huyền cầm của Trung Hoa. Cây Ichi Gen-K'in của Nhật, cây Sadiou của Cambuchia, cây Gopiyatra của Ấn. Khi người Cambuchia đờn cây Sadiou thì họ ôm nó vào lòng, để cái bầu trên ngực, tay trái co dãn sợi dây, tay mặt gảy, nghe : từng, từng, từng... không có tiếng thanh như tiếng đờn độc huyền của ta. Cây Gopiyatra Ấn độ cũng có 1 dây mà những người mù của Ấn độ thường đờn, dùng sự co dãn của sợi dây đó mà thôi.

Cây đờn độc huyền của ta còn có cả sự tích của nó nữa. Đó là sự tích chàng Trương Viên ngày xưa đi lính, vợ và mẹ ở nhà gặp chiến tranh phải bỏ làng đi ăn xin, mẹ bị yêu quái móc mắt rồi đau ốm, vợ Trương Viên phải cắt thịt bắp vẽ cho mẹ chồng ăn để lành bệnh. Cảm vì sự hy sinh đó mà một bà tiên hiện lên cho người vợ cây đờn để làm kẻ độ nhật và nhờ cây đờn này mà vợ chồng lại được trùng

phùng. Cây đờn đó là cây độc huyền cầm.

Ngoài ra nước VN còn có một cây đờn mà không nước nào có là cây đờn Đáy, đặc biệt là tên kêu đờn Đáy mà đờn lại không có đáy ! Cây đàn đó có ba dây mà nó khác với cây đờn Tam huyền, phẩm nó cao như đờn Nguyệt mà phím đàn đầu tiên lại ở chính giữa theo phương pháp của đờn Tý bà ; phối hợp 3 đặc điểm đó vào trong 1 cây đờn, đánh lên không phải đánh 1 chữ đờn mà có thể đánh luôn 3,4 chữ đờn. Theo cuốn sách về ca trù bị khảo thì cây đờn Đáy xuất hiện ở VN từ đời nhà Lê do một chàng thư sinh tên Đinh Lễ được hai ông tiên cho một hình vẽ và một cây như loại ngô đồng để theo hình mà làm thành cây đờn. Theo tiên ông cây đờn này làm xong đánh lên thì người buồn cũng vui mà người đau cũng mạnh và do đó người thư sinh sẽ tìm được hôn nhân. Đinh Lễ y theo lời làm xong đờn, mỗi lúc đờn lên chim, cá cũng muốn nghe, người trong làng ai nghe lòng cũng thấy vui. Trong vùng đó có một cô gái ông quan, tuổi vừa đôi tám, đột nhiên mắc chứng bệnh gì mà không nói được nữa. Anh Đinh Lễ được mời tới vào lúc cô đó đương ăn cơm ; tiếng đờn văng lên thì cô bỏ 2 chiếc đĩa gỗ xuống bàn, bật nổi lên rằng hay quá và cất tiếng ca theo. Vì 2 cây đĩa gỗ của cô gái mà sau này ở đảo có cái phách có 2 thanh gỗ đánh lên miếng tre. Đinh Lễ lấy cô gái, dạy vợ đàn hát và lập nên truyền thống ở đảo. Xem như thế cây đờn Đáy

có sự tích của VN, có phong cách của VN, lại đờn lên những bài bản đặc biệt VN.

VN còn có cây Sênh tiền. Trong một cây Sênh tiền có tổng hợp 3 nhạc khí. Người Âu, Á, Phi Châu khi gõ nhịp thì gõ 2 miếng tre hay 2 miếng gỗ vào nhau gọi là "phách" mà cái "Quán tiền phách" của VN tức cây Sênh tiền có 3 thứ cũng gõ vào nhau, trong đó có một cây cọ kẹ, cọ kẹ, làm ra một thứ tiếng rọc rọc mà người Âu châu gọi là racleur, (Trung Hoa cũng có loại này) đồng thời lại có đồng tiền nhảy sập sinh trên đó thì Âu châu, Hy Lạp, Ai cập cũng có một loại tương tự.

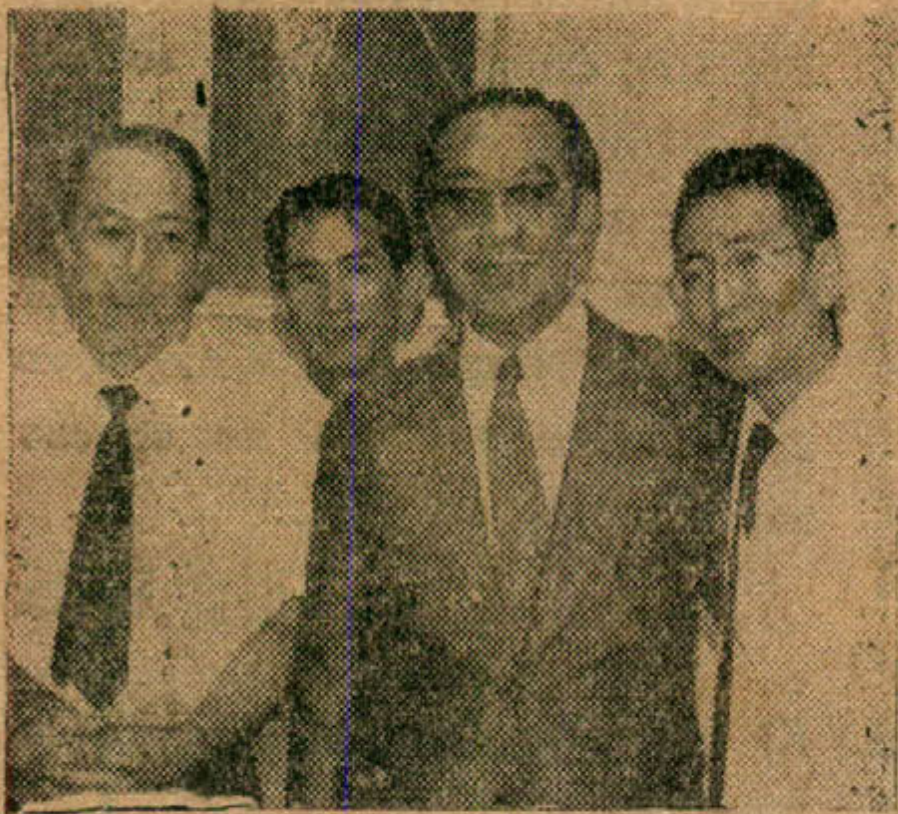
Rồi VN có cây đờn Kim. Đờn Kim của VN nó không phải là cây Nguyệt cầm của Trung quốc bởi vì Nguyệt cầm của Trung quốc là cây đờn mà trong Nam gọi là đờn đoản, ngoài Bắc gọi là đờn Nhựt hay đờn Tàu. Thứ đờn này ngày nay người Trung quốc không còn dùng nữa mà người VN đem ra làm Nguyệt cầm. Đờn Nguyệt cầm này không phải là cây đờn nói trên của Trung quốc, mà không phải là cây Nguyễn cầm mà ta thấy nói trong Kiều. Mặc dầu trong Kiều nói rằng: « Trên hiên treo sẵn cầm trăng » nhưng đó là cây đờn nói trên do nơi Nguyễn cầm mà ra vì nó có 4 dây, dây vĩ dây văn « 4 dây to nhỏ », chứ không phải 2 dây như cây Nguyệt cầm của ta. Mà cây Nguyệt cầm của ta ngày xưa cũng không phải tên là Nguyệt cầm nữa. Nguyệt cầm của ta ngày xưa ở trong dàn nhạc đem sang Trung quốc,

(đàn nhạc trước gọi là An-Nam quốc nhạc, và bắt đầu từ 1802 đổi là Việt Nam quốc nhạc) được người Trung quốc phỏng vấn và viết lại, nói rằng : « cái đàn song vận, nó có 2 tiếng, mà giống như Nguyệt cầm của ta » (của ta đây là của Trung quốc); vậy rõ ràng cây đàn Nguyệt VN không phải là Nguyệt cầm của Trung quốc. Cách đàn nó lại giống như cách đàn một thứ đàn của Cambuchia nhưng đàn Cambuchia chỉ truyền mà ít nhấn, còn đàn Kim hay đàn Nguyệt của ta có cái nhấn rất là phong phú.

Luôn dịp đó chúng ta thấy rằng sự đóng góp của người VN trong cái kho tàng âm nhạc VN cũng không phải là nhỏ : ngoài những điệu Bắc, điệu Quảng, những điệu từ phương Bắc đi xuống tức là theo từ Trung quốc đưa qua, chúng ta còn những điệu Nam, mà người ta nói rằng chịu ảnh hưởng của người Chăm. Cái đó cũng chưa có bằng cứ gì chắc chắn mà chỉ có một vài lần điệu cho chúng ta thấy rằng cái đàn của người Chăm ngày nay cũng có nhiều cái tương tự như đàn của VN ; nhưng mà theo tài liệu do anh Phạm Duy thu thập thì cái đàn của người Chăm Rabap Katoh (Ra bap ca to) giống như cây đàn độc huyền của ta và bản Doh Dam Dara (Tọ tam tà rà), bài hát ân tình Chăm, có hơi hướng giống như điệu oán của ta. Tuy nhiên không biết đó là do người Chăm nghe điệu oán của mình mà đàn lại, hay là người mình nghe theo điệu của người Chăm, thì cái đó cũng

chưa biết được. Có điều là cái điệu Nam của ta chẳng hạn như điệu Xuân, thì không đâu có, Trung Hoa Ấn Độ cũng không có, mà nó có sắc thái đặc biệt VN. Ngoài ra VN không những chỉ có những loại nhạc đàn trong phòng mà còn có bao nhiêu lối nhạc dính liền với đời sống con người, từ lúc sơ sanh cho đến lúc về nơi an nghỉ cuối cùng, bao nhiêu nét nhạc độc đáo, đặc biệt của người VN, mà những người VN, từ đời này qua đời nọ, có khi không đề tên lại, nhưng đã âm thầm đóng góp vào cái kho tàng lịch sử văn hóa của đất nước. Do đó đặc điểm thứ nhất là ta thấy rằng nền âm nhạc VN do nơi nhiều luồng ảnh hưởng của Trung quốc, của Ấn Độ, kết tinh lại, góp vào với sáng kiến của dân tộc VN qua bao đời mới tạo dựng được, nên nó mang rất nhiều sắc thái VN.

Thứ hai nữa là những đặc điểm của các nhạc khí VN. Thí dụ cây đàn Kim, cách đây 2 năm, khi nghiên cứu ông Khê đo đường kính nó là 36 cm, thì người bạn đồng nghiệp của ông thay vì đo từ phía dưới con dơi tới đầu cây đàn, lại đo từ giữa con dơi, chỗ sợi dây, tới con cóc thì thấy 72 cm, là 36 x 2. Ông Khê giật mình đo trở lại thì thấy đầu cây đàn là 12 cm, là 36 / 3, trục đàn là 12 cm (36 / 3), bề ngang lớn của đầu đàn là 9 cm (36 / 4), bề ngang nhỏ là 4 cm (36 / 9), bề dày là 6 cm (36 / 6), con dơi là 12 cm (36 / 3), con dơi để cách phía dưới 4 cm (36 / 9). Xem như thế thì tô uen của ta



Ô. Trần văn Khê đứng giữa, bên trái là Ô. Bùi văn Nhu người đã làm ra cây đàn gáo kêu to hơn bên mặt là nhà văn Ngũ Í, người đã làm gạch nối giữa Ô. Khê và Bách Khoa suốt 18 năm nay.

khi làm ra cây đàn Kim đã đề ý đến con số 36 này của đường kính, rồi kích thước các phần khác: do từ số đo đường kính này mà tính toán ra cho có sự điều hòa, đem lại dáng vẻ thanh tao cho cây đàn chẳng khác chi con số vàng (nombre d'or) đã đem lại dáng vẻ đẹp đẽ cho cây đàn violon của Tây phương vậy. Do đó mà Ô. Khê hên sẽ nghiên cứu cứu lại các cây đàn VN, đo lại theo những phương pháp mới, để tìm ra những đặc điểm của các cây đàn này.

Cây đàn của VN hình dáng đẹp nhưng tiếng có đẹp hay không? Cây đàn cò VN khi đưa vô thâu thanh rồi đem phân tích ra thì những âm nào quan trọng, ba động có 3000 Herz đều nổi bật lên — nên biết tai người ta nghe những tiếng từ 2500 đến 3500 Herz một cách rất rõ ràng — cho nên cây đàn cò kéo nhẹ mà người ngồi cách xa cũng nghe thấy được, mặc dầu người VN làm ra những cây đàn đó không hề theo

một phương pháp khoa học nào. Cũng như cây Song lang của VN đã làm cho các nhà khảo cứu rất ngạc nhiên. Cây Song lang nhỏ xiu mà đánh lên một tiếng « cóc », ai cũng giật mình, muốn điếc lỗ tai. Lúc đánh lên đo ra thì là 3000 Herz, mà cái nào cái nấy đánh lên đều gần như nhau cả. Người VN lấy một miếng cây, cưa một phía, rồi cạo mấy cái, gõ nghe thấy được, là đánh lên đo ra 3000 Herz rồi; nên có thể nói người VN đã có cái máy điện-tử trong lỗ tai! Ông Giám đốc Viện thí nghiệm về Thanh học ở Paris có xin ông Khê một cái Song lang để sau đó không cần dùng máy móc gì nữa, mà chỉ dùng cái Song lang đánh lên là xem xét được âm thanh trong căn phòng ra sao rồi.

Gần đây Ô. Khê có những người bạn như ông Bùi văn Nhu làm nhiều cây đàn gáo, sáng chế ra phương pháp mới làm cho đàn kêu to hơn như đề 1 cái lò so vào trong mặt đàn. Ông Khê đưa cây đàn gáo của

Ô. Nhu cho mấy nhà thanh học xem thì các ông này ngạc nhiên hỏi cái ông chế ra cây đàn này học kỹ-sư trường nào? Ông Khê nói: « Ông này không có kỹ sư trường nào hết, mà là Nho học »! Nguyên là bên Đức hiện nay người ta cũng đang nghiên cứu phương pháp để cái lò so vào máy phóng thanh để mà không dùng điện, cái tiếng phát ra cũng lớn được. Như vậy óc sáng chế của người VN thật là lạ lùng,

Chẳng hạn cái đàn tranh của Ô. Vĩnh Bảo làm, đánh lên, do thứ, so với đàn cò truyền, thì âm thanh giàu hơn, dày dặn hơn. Vậy do óc sáng kiến và sự tìm tòi của người V.N mà nhạc khí VN ngày nay đã hay hơn ngày xưa và ngày mai nó sẽ còn hay hơn ngày nay nữa.

THỂ NHÂN

Kỳ tới : Đặc điểm thứ 3 : ngôn ngữ âm nhạc



Nhức đầu

Đông,

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ.



KN 8 (21) / 877 / QCOF

SINH HOẠT

Văn Bút VN và quyền tự do cầm bút

Ngày 7-9-74 vừa qua, theo thư mời của Ông Tổng trưởng Dân Vận và Chiêu Hồi đề ngày 4/9, một phái đoàn của Trung Tâm Văn Bút V.N. gồm Chủ tịch: L.M Thanh Lãng, Phó Chủ tịch: nhà văn Nhật Tiến, Tổng Thư ký: nhà văn Phạm-Việt-Tuyền, Cố vấn: nhà văn Tam Lang, đã đến tiếp xúc với Ông Tổng trưởng Dân Vận và Chiêu Hồi. Sau đó, ông Tổng trưởng có gửi thư (1) cảm ơn phái đoàn Văn Bút và nói rằng:

« Sau một tiếng rưỡi đồng hồ trao đổi quan điểm, Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi xin xác nhận, trong tinh thần hợp tác và thân hữu, chúng tôi sẵn sàng cứu xét lại tất cả các thỉnh nguyện của các anh em văn nghệ sĩ. Cuộc cứu xét sẽ được thực hiện trên căn bản đối thoại cởi mở.

« Ngoài ra, Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi sẽ đặc biệt nghiên cứu tất cả các vấn đề trọng đại nêu ra trong buổi tiếp xúc ngày hôm nay.

« Đề cụ thể hóa tinh thần hợp tác thân hữu nêu trên, kể từ ngày thứ Hai 9-9-74, Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi sẽ cứu xét lại các tác phẩm chưa được phép xuất bản khi có lời yêu cầu. »

Ngày 11-9-74 trong buổi hội thảo về tự do báo chí và tự do xuất bản tổ chức tại Trung Tâm Văn Bút V.N — mà thành phần tham dự ngoài Ban Chấp hành Văn Bút còn có các

nhà văn, nhà thơ, đại diện báo chí, các dân biểu... — phái đoàn Văn Bút đã trình bày trước Hội-nghị diễn tiến cuộc tiếp xúc với Ông Tổng trưởng Dân Vận và Chiêu Hồi nói trên đây.

Sau một cuộc phát biểu ý kiến sôi nổi, Trung Tâm Văn Bút Việt-Nam đã đưa ra một bản tuyên bố như sau:

« Tuyên Bố của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam sau cuộc tiếp xúc với Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi ngày 7/9/1974

1) Chiếu Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế tôn trọng các tác phẩm Văn Nghệ như tài sản chung của nhân loại, trong mọi hoàn cảnh, nhất là trong thời chiến không để cho những phong trào Quốc gia hay Chính trị xâm phạm tới

2) Chiếu Hiến - pháp Việt-Nam Cộng-Hòa bảo đảm các quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí và xuất bản

3) Chiếu tinh thần cởi mở và thân hữu, trong cuộc hội kiến giữa Văn Bút và Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi ngày 7-9-74 cũng như văn thư số 2400 cùng ngày của Bộ DVCH gửi Trung Tâm Văn bút Việt Nam

Toàn thể các Văn nghệ sĩ hiện diện trong cuộc Hội thảo tại TTVB/VN ngày 11-9-74, đồng thanh quyết nghị:

(1) Văn thư số 2400 đề ngày 07/9/74

Thứ nhất : Yêu cầu Chính phủ đưa ra một Chính sách Văn hóa tôn trọng các quyền tự do tư tưởng, sáng tạo, ngôn luận, báo chí và xuất bản.

Thứ hai : Yêu cầu hủy bỏ Sắc luật 007 và Đạo luật 19/69 về báo chí, thay thế bằng một Đạo luật tôn trọng các quyền tự do nói trên.

Thứ ba : Yêu cầu Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi cụ-thể-hóa tinh thần hợp tác thân hữu nêu trong văn thư số 2400 ngày 7-9-74 bằng việc giải quyết một số trường hợp thiết thực như kê sau đây :

1) Duyệt xét lại những tác phẩm đã bị kiểm duyệt hay bị cấm xuất bản.

2) Đề các giai phẩm được tự do xuất bản.

3) Bảo đảm an ninh và quyền tự do hành nghề cho các Ký giả.

4) Trả tự do cho các nhà văn nhà báo hiện đang bị cầm tù vì lý do cầm bút.

5) Rút lại lệnh thuyên chuyển đối với nhà văn Thế Nguyên là Phó Tổng Thư ký Hội Văn Bút, được coi như một hình thức trả thù của Chính quyền đối với cuộc tranh đấu của Văn Bút hiện nay.

6) Chấm dứt các thủ đoạn gài bẫy, đe dọa đối với báo chí như trường hợp Báo Sóng Thần ra ngày 11-9-1974.

Saigon ngày 11 tháng 9 năm 1974
Trung tâm Văn Bút Việt Nam»

Cũng nên ghi rõ : Hiến chương Văn bút quốc tế nói trong bản tuyên bố trên đây là bản Hiến chương đã được thông qua trong Hội - nghị Quốc-tế Copenhagen năm 1948, và các Hội viên gia nhập Văn Bút, ở bất cứ quốc gia nào, cũng đều phải chấp thuận những điều khoản ghi trong bản Hiến chương, coi là điều kiện nhập Hội :

«.....»

2-) Trong mọi hoàn cảnh, và nhất là trong thời chiến không nên để cho những phong trào quốc gia hay chính trị xâm phạm tới các tác phẩm văn nghệ là tài sản của nhân loại nói chung;

.....»

4-) Hội P.E.N chủ trương nguyên tắc tự do truyền bá tư tưởng trong quốc gia và giữa các quốc gia, và các hội viên nguyện sẽ phản đối mọi hình thức đàn áp trong xứ sở và trong đoàn thể của họ. Hội P.E.N tuyên bố ủng hộ tự do báo chí và phản đối sự kiểm duyệt độc đoán trong thời bình. Hội tin rằng vì thế giới cần tiến bộ để đạt tới trật tự hoàn mỹ hơn về chánh trị và kinh tế nên cần phải có sự tự do chỉ trích các Chánh phủ, các Cơ quan hành chánh và các Tờ-chức. Vì tự-do có nghĩa là tự kiểm-chế, các Hội viên tự nguyện đã phá những tệ đoan mệnh-danh là tự do báo chí để đăng những tin giả dối, cố ý loan tin nhảm và xuyên tạc sự thực vì những mục đích chính-trị và tư lợi.»

Chính cũng vì tôn trọng các điều khoản trên đây của Bản Hiến chương

có ghi trong Điều-lệ Nội-quì của Hội, và mặt khác ý thức về nghĩa vụ đối với hoàn cảnh sáng tác, sinh hoạt về đời sống của anh em cầm bút, mà từ cuối tháng 2/73 Trung Tâm Văn Bút V.N đã tìm mọi cách tiếp xúc với nhà cầm quyền hoặc gửi thư, đề trình bày tình trạng nguy khốn của giới nhà văn, ký giả cùng giới xuất bản, báo chí, giai phẩm..., sau khi sắc luật 007 được ban hành.

Trong suốt năm 73 và 9 tháng đầu năm 74, ngoài những thư gửi và những cuộc tiếp xúc nói trên, Trung Tâm Văn Bút V.N còn đưa ra những tuyên ngôn, tổ chức những cuộc hội thảo mà đặc biệt là những việc sau đây :

— Ngày 27-6-73 công bố bản phản kháng Phủ Tổng Ủy Dân Vận hạn chế kỳ hạn xuất bản của Giai phẩm và Bộ Tài Chánh đánh thuế TVA trên sách báo.

— Ngày 21-11-73 tổ chức Đại-hội 200 nhà văn, nhà báo, nhà xuất bản. Trong dịp này nhà văn Nhật Tiến, đại diện cho Văn Bút, đã trình bày những khó khăn của giới viết sách và in sách và cuộc khủng hoảng trầm trọng của sinh hoạt văn học nghệ thuật. Sau đó Đại hội thành lập một Ủy ban tranh đấu ra tuyên ngôn 6 điểm yêu cầu Bộ Dân Vận giải quyết nguyện vọng tối thiểu của giới cầm bút. Tuyên ngôn này đã được trao cho ông Tổng trưởng Văn Hóa Giáo Dục một tuần sau đó (28-11-73) nhân dịp phát giải thưởng hàng năm của Văn Bút.

— Ngày 9-12-73 Văn Bút V.N. công bố lời kêu cứu gửi Văn Bút Quốc tế và các cơ quan văn hóa trong và ngoài nước về chánh sách văn hóa của chính quyền.

— Ngày 26-8-73 thư gửi Hội nghị Lương niên Thi ca Quốc tế lần thứ II báo động về sắc luật 007 đã bóp nghẹt báo chí và chế độ kiểm duyệt độc đoán đã cản trở sinh hoạt văn hóa làm cho một số đông đảo văn nghệ sĩ đã phải giải nghệ.

Đề minh xác đường lối kiểm duyệt, ông Tổng trưởng Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi, trong lá thư đề ngày 2-9-74 gửi Trung Tâm Văn Bút — lá thư mà Văn Bút đã cực lực phản đối vì cho rằng trả lời một chiều và sai lạc cùng mạt li đối với Văn Bút — đã nêu ra 6 tiêu chuẩn kiểm duyệt sau đây :

« — Tuyệt đối không được làm lợi cho Cộng sản, xuyên tạc chống đối chủ trương đường lối quốc gia.

— Không được xúc phạm tôn giáo, gây chia rẽ dân tộc.

— Không phạm thuần phong mỹ tục (dâm ô, vô luân, thiếu đạo đức, hủ bại, trụy lạc).

— Không mạ lỵ, phỉ báng, làm giảm uy tín cấp lãnh đạo quốc gia, không xâm phạm đời tư cá nhân.

— Nội dung thiếu xây dựng, làm phương hại trật tự xã hội.

— Không có nội dung mê tin, dị đoan, cờ bạc, đàng điếm, ma túy...»

Phạm vào những tiêu chuẩn tra

đây, theo lá thư nói trên, đã có 516 tác phẩm bị cấm hoặc hoãn xét, trong đó có 42 tác phẩm vì lý do đề cao C.S hoặc xuyên tạc cố ý đường lối của chính phủ, 89 tác phẩm vì lý do thiếu xây dựng, 17 tác phẩm vì lý do ma quái, 6 tác phẩm vì lý do thuần phong mỹ tục, 2 tác phẩm vì lý do tôn giáo.

Ông Tổng trưởng cũng xác nhận thời gian kiểm duyệt, Bộ chỉ cứu xét trung bình từ 6 đến 8 ngày và có thể trước thời hạn này.

Trong buổi Hội thảo 11-9 tại Trung Tâm Văn Bút, Ban Thường vụ Văn Bút cũng nhờ báo chí loan báo cho

các nhà văn, nhà thơ nào có tác phẩm bị cấm, hoãn xét một cách vô lý hay bị kiểm duyệt khắt khe, độc đoán thì hãy làm đơn yêu cầu Bộ Dân Vận cứu xét lại trên căn bản «đổi thoại cởi mở» như đã ghi trong văn thư Ông Tổng trưởng Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi gửi cho Văn Bút nói trên, đồng thời báo cho Hội Văn Bút rõ để Hội có đủ dữ-kiện thảo luận với chính quyền trong những cuộc tiếp xúc sau này, hầu cải thiện sinh hoạt văn học nghệ thuật của miền Nam.

THU THỦY

BÁT TỰ HÀ LẠC

của HỌC NĂNG

Cơ sở PHẠM QUANG KHAI xuất bản

Cuon đầu tiên bằng Việt ngữ về môn lý số Hà Lạc, một môn căn cứ vào Kinh Dịch để suy lý mà đoán số mạng và tìm một nghệ thuật nhân sinh.

Soạn giả có 40 năm kinh nghiệm, trình bày sáng sủa, giảng giải kỹ lưỡng, cuối mỗi chương có bài tóm tắt và bài tập; cuối bộ có bài giải đoán làm mẫu.

TIN VUI

Được hồng thiệp báo tin ngày 25-9-1974

Bạn HUỲNH VĂN

làm lễ thành hôn cùng Cô LA ẬU SAN

Chúng tôi thành thật chia vui và chúc hai bạn trăm năm hạnh phúc.

Thay mặt các bạn đồng khóa 9

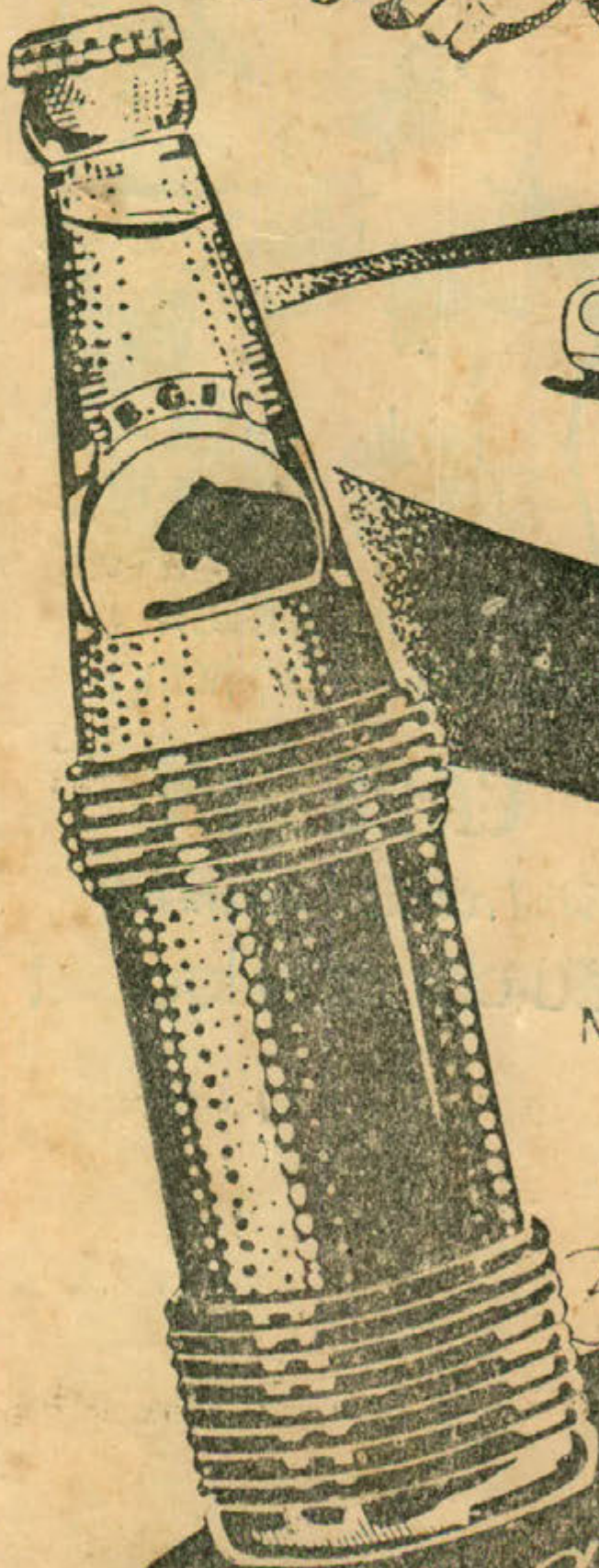
Kỹ-sư điện: NIÊN, TRÍ, TRUY, KHOA.

Phát hành ngày 27-9-74 — Số lượng 3.000.

Giấy phép KD số 518/74 BDVCH/PHBCNT/ALP/TP ngày 21-9-1974.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chị có



NUỚC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc